

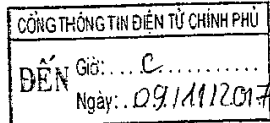
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 1440 /QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp đổi, cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công"



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH, ngày 29 tháng 6 năm 2005; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 90/TTr-LĐTBXH ngày 31 tháng 10 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp đổi, cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” cho 1.686 liệt sĩ thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Lào Cai, Kon Tum, Tuyên Quang, Quảng Bình, Kiên Giang, Cà Mau, Nghệ An, Thanh Hóa, Bến Tre, Hà Tĩnh, Bắc Giang, Quảng Trị, Phú Thọ, Bắc Ninh (có danh sách kèm theo).

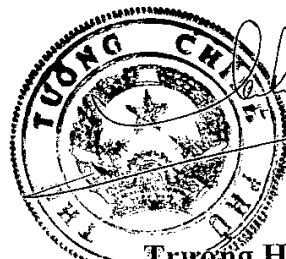
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận :

- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội,
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Sỹ Hiệp,
- TGD Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (2b), LHN (5 b).

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Trương Hòa Bình

DANH SÁCH CẤP ĐỔI, CẤP LẠI BẰNG “TỔ QUỐC GHI CÔNG”

(Kèm theo Quyết định số ~~1740~~/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2017
của Thủ tướng Chính phủ)

TỈNH LÀO CAI

- 1 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN RỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Thanh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 8 năm 1951
Số bằng: EC 631 bp Quyết định số: 360/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1972
- 2 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CÔI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bạch Đằng, huyện Tiên Lãng, tp Hải Phòng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1974
Số bằng: PA 766 bm Quyết định số: 254/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1975
- 3 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Nhân Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: BH 822 bt Quyết định số: 305/CTKT ngày 5 tháng 11 năm 1996
- 4 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỰU**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1969
Số bằng: GA 397 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1973

TỈNH KON TUM

- 5 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC TOÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 4 năm 1980
Số bằng: A 998 bt Quyết định số: 276/CTKT ngày 29 tháng 9 năm 1982

TỈNH TUYÊN QUANG

- 6 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC HIỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thắng Quân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1969
Số bằng: SV 608 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 7 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, Nguyên quán: xã Lang Quán, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ĐB 868 bm Quyết định số: 393/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1972
- 8 Liệt sĩ: **LÝ VĂN DÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Khu Lê Lợi, thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1969
Số bằng: YI 470 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

- 9 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐẦY**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Hải, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1971
Số bằng: 8B 410 bm Quyết định số: 264/TTGa ngày 18 tháng 4 năm 1979
- 10 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN KHAI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh
Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1969
Số bằng: EO 151 bm Quyết định số: 126/TTGa ngày 10 tháng 4 năm 1973
- 11 Liệt sĩ: **HOÀNG THANH TÂM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nông Tiến, thành phố Tuyên
Quang, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm
1972 Số bằng: ĐY 685 bm Quyết định số: 85/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1973
- 12 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRƯỜNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Khánh Phúc, huyện Hưng Nhân, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh
trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 6 năm 1950
Số bằng: AC 695 kp Quyết định số: 185/TTGa ngày 29 tháng 10 năm 1969
- 13 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THỐNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Hương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên
Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1969
Số bằng: ĐB 843 bm Quyết định số: 393/TTGa ngày 23 tháng 9 năm 1972
- 14 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN HIỆU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hải, huyện Yên Khánh, tỉnh
Ninh Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1972
Số bằng: GY 890 bm Quyết định số: 17/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1974
- 15 Liệt sĩ: **MA ĐỨC THI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên
Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1972
Số bằng: KD 281 bm Quyết định số: 494/TTGa ngày 13 tháng 11 năm 1973
- 16 Liệt sĩ: **PHƯƠNG VĂN ĐẠO**
Dân quân, Nguyên quán: xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh vì sự
nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 21 tháng 5 năm 1945
Số bằng: AV 203 kp Quyết định số: 353CT/KT ngày 18 tháng 9 năm 1985
- 17 Liệt sĩ: **MA DOãn VANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên
Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1968
Số bằng: ĐG 660 bm Quyết định số: 393/TTGa ngày 23 tháng 9 năm 1972
- 18 Liệt sĩ: **QUAN VĂN ĐẠI**
Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh
Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1973
Số bằng: QH 275 bm Quyết định số: 501/TTGa ngày 24 tháng 12 năm 1975

- 19 **Liệt sĩ: HOÀNG ĐỨC ỒN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UR 494 bm Quyết định số: 361/TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 20 **Liệt sĩ: QUÂN VĂN CHU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1970
Số bằng: BN 037 bm Quyết định số: 543/TTGa ngày 8 tháng 8 năm 1980
- 21 **Liệt sĩ: LÊ VĂN CHIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 7 năm 1987
Số bằng: BX 036 bt Quyết định số: 15CT/KT ngày 27 tháng 1 năm 1988
- 22 **Liệt sĩ: MA DOÃN PHỎ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1972
Số bằng: GK 056 bm Quyết định số: 278/TTGa ngày 3 tháng 7 năm 1973
- 23 **Liệt sĩ: QUAN VĂN NGỰ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KX 046 bm Quyết định số: 55/TTGa ngày 14 tháng 2 năm 1974
- 24 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN ĐẠO**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tú Thịnh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7S 600 bt Quyết định số: 11/TTGa ngày 3 tháng 1 năm 1979

TỈNH QUẢNG BÌNH

- 25 **Liệt sĩ: ĐOÀN VĂN HÀN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1970
Số bằng: KX 113 bm Quyết định số: 184 /TTGa ngày 22 tháng 4 năm 1974
- 26 **Liệt sĩ: NGUYỄN NGỌC DIÊM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1953
Số bằng: ZB 885 bp Quyết định số: 171/TTG ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 27 **Liệt sĩ: VÕ ĐẠI XUÂN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Thái, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1965
Số bằng: IZ 051 bm Quyết định số: 83 /TTGa ngày 4 tháng 7 năm 1966
- 28 **Liệt sĩ: NGUYỄN XUÂN THÁCH**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh

Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8H 295 bt Quyết định số: 422 /TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1979

- 29 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH LẠC**
Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Quảng Thuận, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1968
Số bằng: HN 616 km Quyết định số: 1703/QĐ-TTg ngày 23 tháng 9 năm 2014
- 30 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TÚC**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Ván, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 11 135 bm Quyết định số: 680 /TTGa ngày 1 tháng 7 năm 1977
- 31 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÌN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1953
Số bằng: ZB 3,766 kp Quyết định số: 321 /TTGa ngày 16 tháng 12 năm 1960
- 32 Liệt sĩ: **HOÀNG HỮU THẢO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Minh, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: GA 982 bm Quyết định số: 229/TTGa ngày 9 tháng 6 năm 1973
- 33 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐỨC HÙNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Quảng Minh, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1970
Số bằng: KX 123 bm Quyết định số: 184 /TTGa ngày 22 tháng 4 năm 1974
- 34 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU PHÁC**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Quảng Minh, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1968
Số bằng: HM 062 cm Quyết định số: 37 /TTGa ngày 11 tháng 2 năm 1971
- 35 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỎ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thuận, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 12 năm 1952
Số bằng: ZU 725 bp Quyết định số: 165/TTg ngày 3 tháng 8 năm 1960
- 36 Liệt sĩ: **PHAN NHỮNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quảng Sơn, thành phố Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 12 năm 1948
Số bằng: ĐH 062 kp Quyết định số: 279 TTg ngày 29 tháng 4 năm 1997
- 37 Liệt sĩ: **MAI QUÝ TRIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Sơn, thành phố Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MM 828 bm Quyết định số: 39 /TTGa ngày 21 tháng 3 năm 1969
- 38 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÁN**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Quảng Thuận, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1967

Số bằng: AK 103 cm Quyết định số: 02/CTKT ngày 2 tháng 1 năm 1985

- 39 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH LỘC**
Giáo viên Công trường 12A, Nguyên quán: xã Quảng Trung, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1966
Số bằng: AM 964 cm Quyết định số: 176 /TTGa ngày 30 tháng 9 năm 1968
- 40 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ SUYÊN**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Quảng Trung, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LA 256 cm Quyết định số: 490 /TTGa ngày 10 tháng 11 năm 1973
- 41 Liệt sĩ: **HỒ QUÝ DIỄN**
Học viên Trường đào tạo kỹ thuật, Nguyên quán: xã Quảng Trung, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1968
Số bằng: CG 466 cm Quyết định số: 156/CTKT ngày 14 tháng 8 năm 1989
- 42 Liệt sĩ: **ĐOÀN XUÂN BÌNH**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Tiên, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8H 316 bt Quyết định số: 422 /TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1979
- 43 Liệt sĩ: **ĐINH XUÂN VIỆN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Hoà, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1970
Số bằng: QR 481 bm Quyết định số: 155 /TTGa ngày 30 tháng 4 năm 1976
- 44 Liệt sĩ: **TRẦN THANH HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thủy, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1967
Số bằng: DM 177 bm Quyết định số: 34 /TTGa ngày 21 tháng 3 năm 1968
- 45 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐẠI TOÀN**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 7 năm 1947
Số bằng: BH 184 kp Quyết định số: 333/CTKT ngày 3 tháng 12 năm 1986
- 46 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG CẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 8 năm 1951
Số bằng: XA 985 bp Quyết định số: 551 TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 47 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN LUNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1967
Số bằng: HM 866 bm Quyết định số: 176//TTGa ngày 30 tháng 9 năm 1968
- 48 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG HỘI**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 9 năm 1985
Số bằng: BO 538 bt Quyết định số: 191/CTKT ngày 26 tháng 8 năm 1987

- 49 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯỜNG**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KM 705 cm Quyết định số: 255/TTg ngày 21 tháng 6 năm 1973
- 50 Liệt sĩ: **ĐINH QUANG NHỚ**
Công nhân Nông trường, Nguyên quán: xã Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1972
Số bằng: Q 814 cm Quyết định số: 388/CTKT ngày 3 tháng 11 năm 1983
- 51 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH GIỮ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1968
Số bằng: ED 092 bm Quyết định số: 116 /TTga ngày 31 tháng 3 năm 1973
- 52 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỨC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 11 085 bm Quyết định số: 680 /TTga ngày 1 tháng 7 năm 1977
- 53 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG OÁNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1967
Số bằng: ML 532 bm Quyết định số: 149 /TTga ngày 19 tháng 6 năm 1970
- 54 Liệt sĩ: **MAI XUÂN CẢNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1967
Số bằng: ED 086 bm Quyết định số: 116 /TTga ngày 31 tháng 3 năm 1973
- 55 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN ĐIỀU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 1 năm 1973
Số bằng: OA 415 bm Quyết định số: 565 /TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974
- 56 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN KIỂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1967
Số bằng: GM 546 bm Quyết định số: 112 /TTga ngày 26 tháng 6 năm 1968
- 57 Liệt sĩ: **LÊ NHƯỜNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 7 năm 1947
Số bằng: XY 928 Quyết định số: 170 TTg ngày 1 tháng 4 năm 1958
- 58 Liệt sĩ: **PHAN VĂN QUANG**

Hạ sĩ công an nhân dân vũ trang, Nguyên quán: xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9N 951 bt Quyết định số: 283 /TTga ngày 18 tháng 4 năm 1980

- 59 **Liệt sĩ: NGUYỄN TIẾN HÙNG**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1968
Số bằng: OM 727 bm Quyết định số: 109 /TTga ngày 14 tháng 7 năm 1969
- 60 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NGHĨA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8X 171 bt Quyết định số: 720 /TTga ngày 17 tháng 11 năm 1979
- 61 **Liệt sĩ: VÕ XUÂN PHÚC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1966
Số bằng: ML 565 bm Quyết định số: 149 /TTga ngày 19 tháng 6 năm 1970
- 62 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NGOẠI**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CG 817 cm Quyết định số: 216/CTKT ngày 16 tháng 11 năm 1989
- 63 **Liệt sĩ: MAI XUÂN LÚA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1966
Số bằng: QR 459 bm Quyết định số: 155 /TTga ngày 30 tháng 4 năm 1976
- 64 **Liệt sĩ: HÒ QUÝ DIỄN**
Học viên Trường đào tạo kỹ thuật, Nguyên quán: xã Quảng Trung, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1968
Số bằng: CG 466 cm Quyết định số: 156/CTKT ngày 14 tháng 8 năm 1989
- 65 **Liệt sĩ: NGUYỄN XUÂN LUYỆN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Trung, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 4 năm 1970
Số bằng: ĐT 195 bt Quyết định số: 37 /TTga ngày 14 tháng 2 năm 1973
- 66 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỊ KIM XOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Minh, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1968
Số bằng: MK 983 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 3 tháng 9 năm 1970
- 67 **Liệt sĩ: HOÀNG NGỌC LÂM**
Công nhân, Nguyên quán: xã Quảng Minh, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1967
Số bằng: CG 827 cm Quyết định số: 216/CTKT ngày 16 tháng 11 năm 1989

- 68 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU NÍA**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Minh, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1964
 Số bảng: PM 399 bm Quyết định số: 128 /TTga ngày 9 tháng 8 năm 1969
- 69 Liệt sĩ: **ĐẶNG THANH NHUỆ**
 Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1971
 Số bảng: RI 022 bm Quyết định số: 265 /TTga ngày 23 tháng 6 năm 1976
- 70 Liệt sĩ: **TRẦN BÌNH MÃO**
 Công nhân Ty công nghiệp và thủ công nghiệp tỉnh, Nguyên quán: xã Quảng Văn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1966
 Số bảng: KM 024 cm Quyết định số: 116 /TTga ngày 31 tháng 3 năm 1973
- 71 Liệt sĩ: **CAO HỮU ĐIỀN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cảnh Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1967
 Số bảng: 1K 042 bm Quyết định số: 687 /TTga ngày 4 tháng 7 năm 1977
- 72 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG BÌNH**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thạch, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1968
 Số bảng: CB 472 bm Quyết định số: 163 /TTga ngày 4 tháng 5 năm 1972
- 73 Liệt sĩ: **PHAN THANH KỶ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thanh, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1967
 Số bảng: DM 209 bm Quyết định số: 34 /TTga ngày 21 tháng 3 năm 1968
- 74 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÔNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thạch, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1972
 Số bảng: GA 882 bm Quyết định số: 229//TTga ngày 9 tháng 6 năm 1973
- 75 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHƯỚC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Liên, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1972
 Số bảng: NH 063 bm Quyết định số: 328 /TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974
- 76 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG TRỮ**
 Công nhân Hạt giao thông Quảng Trạch, Nguyên quán: xã Quảng Liên, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1967
 Số bảng: AM 723 cm Quyết định số: 188 /TTga ngày 17 tháng 10 năm 1968
- 77 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN TRIỆN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Liên, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1972

Số bằng: NH 082 bm Quyết định số: 328 /TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974

78 Liệt sĩ: **TRẦN LƯỢNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quảng Liên, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 2 năm 1951

Số bằng: ZB 3,014 kp Quyết định số: 2 TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960

79 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC HUỆ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Liên, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1953

Số bằng: ZT 672 bp Quyết định số: 125 TTg ngày 7 tháng 6 năm 1960

80 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍ ĐIỀU**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thạch, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1973

Số bằng: HV 272 bm Quyết định số: 505 /TTga ngày 17 tháng 11 năm 1973

81 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỌC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Liên, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1975

Số bằng: RI 055 bm Quyết định số: 276 /TTga ngày 30 tháng 6 năm 1976

82 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHOA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Châu, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 1 năm 1979

Số bằng: 8X 130 bt Quyết định số: 720 /TTga ngày 17 tháng 11 năm 1979

83 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN DẬU**

Công nhân Ty giao thông vận tải, Nguyên quán: xã Quảng Thạch, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1968

Số bằng: ĐM 506 cm Quyết định số: 195 /TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

84 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN CÀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1972

Số bằng: NH 009 bm Quyết định số: 328 /TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974

85 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU SỰ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1972

Số bằng: HB 434 bm Quyết định số: 490 /TTga ngày 10 tháng 11 năm 1973

86 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC THỨ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thanh, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1969

Số bằng: MH 678 bm Quyết định số: 116/Tga ngày 11 tháng 5 năm 1970

87 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỨC**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quảng Thạch, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1966

Số bằng: Q 878 km Quyết định số: 351/CTKT ngày 5 tháng 10 năm 1983

- 88 **Liệt sĩ: TRẦN NHIỆM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Liên, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 2 năm 1952
Số bằng: XD 127 bp Quyết định số: 134 TTg ngày 3 tháng 3 năm 1958
- 89 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN XUYỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Liên, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1972
Số bằng: LS 193 bm Quyết định số: 235 /TTga ngày 14 tháng 5 năm 1974
- 90 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH TRUNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1967
Số bằng: GK 347 bm Quyết định số: 333 /TTga ngày 8 tháng 8 năm 1973
- 91 **Liệt sĩ: DƯƠNG XUÂN DŨNG**
Thủy thủ Ty Thủy sản tỉnh, Nguyên quán: xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: NM 031 cm Quyết định số: 428 /TTga ngày 22 tháng 8 năm 1974
- 92 **Liệt sĩ: HOÀNG THỊ HIM**
Xã viên, Nguyên quán: xã Phú Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1967
Số bằng: DM 248 cm Quyết định số: 183 /TTga ngày 29 tháng 10 năm 1969
- 93 **Liệt sĩ: NGUYỄN TRUNG CHÍNH**
Thủy thủ, Nguyên quán: xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1968
Số bằng: ĐM 351 cm Quyết định số: 183 /TTga ngày 29 tháng 10 năm 1969
- 94 **Liệt sĩ: VÕ THỊ THỚI**
Xã viên, Nguyên quán: xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1967
Số bằng: DM 333 cm Quyết định số: 183 /TTga ngày 29 tháng 10 năm 1969
- 95 **Liệt sĩ: NGUYỄN THƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1953
Số bằng: ZB 941 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 96 **Liệt sĩ: LÊ NGUY**
Xã viên, Nguyên quán: xã Quảng Thọ, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1968
Số bằng: ĐM 326 cm Quyết định số: 183 /TTga ngày 29 tháng 10 năm 1969
- 97 **Liệt sĩ: PHAN VĂN TRUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch, tỉnh

Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1965
Số bằng: HZ 572 bm Quyết định số: 159 /TTGa ngày 8 tháng 11 năm 1965

- 98 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN HẠO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Văn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1966
Số bằng: AM 297 bm Quyết định số: 039/TTg ngày 21 tháng 2 năm 1967
- 99 Liệt sĩ: **TƯỚNG XUÂN HUÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 6X 107 bm Quyết định số: 1196/TTGa ngày 18 tháng 10 năm 1978
- 100 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẢNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thạch, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 1 năm 1979
Số bằng: K 510 bt Quyết định số: 179/CTKT ngày 18 tháng 5 năm 1983

TỈNH KIÊN GIANG

- 101 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÚP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lễ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 7 năm 1945
Số bằng: CC 088 bp Quyết định số: 62 /CTKT ngày 12 tháng 4 năm 1989
- 102 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG MIỀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Rạch Sỏi, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 5 năm 1987
Số bằng: CO 726 bt Quyết định số: 156 /CTKT ngày 6 tháng 9 năm 1967
- 103 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NHỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Rạch Sỏi, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 3 năm 1989
Số bằng: CO 758 bt Quyết định số: 156 /CTKT ngày 6 tháng 9 năm 1990
- 104 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỖ**
Tiểu đội trưởng, thượng sĩ, Nguyên quán: xã Thoại Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1964
Số bằng: AN 340 bm Quyết định số: 65 /CTKT ngày 27 tháng 2 năm 1985
- 105 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN ĐĂNG**
Ủy viên mặt trận, Nguyên quán: xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1957
Số bằng: CY 178 cm Quyết định số: 294 /CTKT ngày 21 tháng 12 năm 1991
- 106 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN HỌC**
Tiểu đội trưởng, thượng sĩ, Nguyên quán: xã Mỹ Lâm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 5S 564 bm Quyết định số: 670 /TTGa ngày 26 tháng 6 năm 1978

- 107 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN RỢ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phi Thông, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1959
 Số bằng: 1Y 652 bm Quyết định số: 1015 /TTga ngày 16 tháng 9 năm 1977
- 108 **Liệt sĩ: DƯƠNG VĂN THẮNG**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thanh Vân, thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: 6R 914 bm Quyết định số: 1104 /TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 109 **Liệt sĩ: LÂM VĂN THƯỢNG**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lộc, huyện Hồng Dân, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1968
 Số bằng: 6G 829 bm Quyết định số: 1002 /TTga ngày 1 tháng 3 năm 1968
- 110 **Liệt sĩ: MAI THÀNH CHUÔNG**
 Cán bộ an ninh nhân dân, Nguyên quán: xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1962
 Số bằng: 11 360 cm Quyết định số: 1073/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 111 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TÙNG**
 ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1970
 Số bằng: 2P 388 km Quyết định số: 461 /TTga ngày 10 tháng 5 năm 1978
- 112 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN ÂN**
 ấp đội phó, Nguyên quán: xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1964
 Số bằng: CC 049 km Quyết định số: 18 /CTKT ngày 17 tháng 2 năm 1989
- 113 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN HẠN**
 Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1972
 Số bằng: HB 461 km Quyết định số: 741 /TTga ngày 18 tháng 5 năm 2006
- 114 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CAI**
 ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1971
 Số bằng: 3D 052 km Quyết định số: 1092 /TTga ngày 27 tháng 9 năm 1998
- 115 **Liệt sĩ: VÕ VĂN GIỚI**
 Cán bộ công an xã, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1971
 Số bằng: D 518 cm Quyết định số: 029 /CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1983
- 116 **Liệt sĩ: NGÔ VĂN HỒNG**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1963
 Số bằng: 2P 307 km Quyết định số: 461 /TTga ngày 10 tháng 5 năm 1978

- 117 **Liệt sĩ: NGÔ THÀNH CÔNG**
 Công nhân xí nghiệp vận tải, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 1 năm 1979
 Số bằng: 4B 048 ct Quyết định số: 620 /TTGa ngày 31 tháng 8 năm 1979
- 118 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỊ THI**
 Tổ trưởng giao liên, Nguyên quán: thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1970
 Số bằng: CO 815 cm Quyết định số: 01 /CTKT ngày 2 tháng 1 năm 1991
- 119 **Liệt sĩ: LƯU VĂN THANH**
 Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Nam Thái Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1973
 Số bằng: PM 023 km Quyết định số: 735 /TTGa ngày 13 tháng 7 năm 1977
- 120 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN ĐƯỢC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Điền, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 4 năm 1985
 Số bằng: CD 462 bt Quyết định số: 70 /CTKT ngày 18 tháng 4 năm 1989
- 121 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN MẠNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 12 năm 1977
 Số bằng: 8Z 847 bt Quyết định số: 839 /TTGa ngày 3 tháng 12 năm 1979
- 122 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NGUYỆT**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1970
 Số bằng: 2E 346 bm Quyết định số: 346 /TTGa ngày 7 tháng 10 năm 1977
- 123 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN NHÀN**
 Cán bộ tuyên huấn xã, Nguyên quán: xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1965
 Số bằng: 2S 742 cm Quyết định số: 630 /TTGa ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 124 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN ĐỨC**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Đông, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1967
 Số bằng: 9Z 739 bm Quyết định số: 765 /TTGa ngày 15 tháng 12 năm 1980
- 125 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN LUÔNG**
 ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1961
 Số bằng: 2O 702 km Quyết định số: 436 /TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 126 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN LỘC**
 Xã ủy viên, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1972
 Số bằng: AB 102 cm Quyết định số: 139 /CTKT ngày 19 tháng 5 năm 1984

- 127 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN TIỀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1969
Số bằng: 2R 735 bm Quyết định số: 1410 /TTga ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 128 Liệt sĩ: **NGŨ VĂN PHƯỚC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1969
Số bằng: CY 092 km Quyết định số: 13 /CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1992
- 129 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN ĐÌNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 8U 869 bm Quyết định số: 723 /TTga ngày 17 tháng 10 năm 1979
- 130 Liệt sĩ: **VÕ VĂN BÌNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1970
Số bằng: DP 496 km Quyết định số: 146 /TTga ngày 10 tháng 3 năm 1995
- 131 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHUYỀN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1970
Số bằng: 8L 218 bm Quyết định số: 442 /TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979
- 132 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỒ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 3D 057 kt Quyết định số: 1092 /TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 133 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HAI**
Trưởng ban công trường, Nguyên quán: xã Đông Hưng, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1961
Số bằng: 6N 497 cm Quyết định số: 87 /CTKT ngày 12 tháng 4 năm 1982
- 134 Liệt sĩ: **LÝ VĂN ĐẦY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Khánh, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1964
Số bằng: 2E 277 bm Quyết định số: 1137 /TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977
- 135 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TÔNG**
ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Vân Khánh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1970
Số bằng: DH 472 cm Quyết định số: 246 /TTga ngày 26 tháng 5 năm 1993
- 136 Liệt sĩ: **ĐẶNG HỮU XEM**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hưng huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1969

Số bằng: DH 389 bm Quyết định số: 246 /TTGa ngày 26 tháng 5 năm 1993

137 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN HƠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hưng huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1971

Số bằng: 6Z 082 bm Quyết định số: 1238 /TTGa ngày 1 tháng 11 năm 1978

138 Liệt sĩ: **NGÔ HỒNG NGỌC (CHƠN)**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hưng huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1962

Số bằng: 6R 819 bm Quyết định số: 1093 /TTGa ngày 27 tháng 9 năm 1978

139 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN CHỈ**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hưng huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1970

Số bằng: 8L 228 bm Quyết định số: 422 /TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1979

140 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN BẠCH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hưng huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1971

Số bằng: 7V 922 bm Quyết định số: 167 /TTGa ngày 28 tháng 2 năm 1979

141 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HẠNH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đông Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1969

Số bằng: 2G 160 cm Quyết định số: 215 /TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1978

142 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HIỀN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1969

Số bằng: 8U 875 bm Quyết định số: 723 /TTGa ngày 17 tháng 10 năm 1979

143 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HOÀNG**

Cán bộ tuyên giáo xã, Nguyên quán: xã Đông Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1962

Số bằng: BM 940 cm Quyết định số: 194 /CTKT ngày 26 tháng 8 năm 1987

144 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG TƯ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thạnh, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 3 năm 1950

Số bằng: 1RC 135bp Quyết định số: 15 /TTGa ngày 3 tháng 1 năm 1979

145 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG NĂM**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thạnh, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 10 năm 1948

Số bằng: 1RC 134bp Quyết định số: 15 /TTGa ngày 3 tháng 1 năm 1979

146 Liệt sĩ: **CAO VĂN MÀNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thạnh, huyện An Biên, tỉnh Kiên

Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1962
Số bằng: 6R 813 bm Quyết định số: 1093 /TTGa ngày 27 tháng 9 năm 1978

- 147 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHƯỢNG**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Đông Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: 2P 416 cm Quyết định số: 461 /TTGa ngày 10 tháng 5 năm 1978
- 148 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SAI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Khánh, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1965
Số bằng: 8L 296 bm Quyết định số: 442 /TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1979
- 149 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỄ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vân Khánh, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1961
Số bằng: 2P 263 km Quyết định số: 515 /TTGa ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 150 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GĂNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hưng huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1970
Số bằng: 2R 702 bm Quyết định số: 1410 /TTGa ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 151 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN OANH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hưng huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 6Z 070 bm Quyết định số: 1238 /TTGa ngày 1 tháng 1 năm 1978
- 152 Liệt sĩ: **VÕ VĂN DỪNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thạnh, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1966
Số bằng: 2R 721 bm Quyết định số: 1410 /TTGa ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 153 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỪNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thạnh, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1975
Số bằng: 7Y 656 bm Quyết định số: 224 /TTGa ngày 4 tháng 4 năm 1979
- 154 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THANH**
Trưởng ban Ban Chấp hành xã ủy, Nguyên quán: xã Đông Thạnh, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1960
Số bằng: 2G 266 cm Quyết định số: 215 /TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1978
- 155 Liệt sĩ: **CAO TẤN ĐẠT**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Phụng, huyện Ngã Năm, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 5 năm 1949
Số bằng: 1MC 560 bp Quyết định số: 1104 /TTGa ngày 30 tháng 9 năm 1978

- 156 Liệt sĩ: **CAO VĂN LƯU**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thạnh, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 10 576 bm Quyết định số: 835 /TTga ngày 10 tháng 8 năm 1977
- 157 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SANG**
Cán bộ Ban cán sự ấp, Nguyên quán: xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1966
Số bằng: X 480 cm Quyết định số: 27 /CTKT ngày 8 tháng 2 năm 1984
- 158 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1966
Số bằng: 6R 920 bm Quyết định số: 1104 /TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 159 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHỰT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 9M 117 bm Quyết định số: 1086 /TTga ngày 25 tháng 9 năm 1978
- 160 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẢNH**
Giao liên xã, Nguyên quán: xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1960
Số bằng: 3I 704 cm Quyết định số: 1086 /TTga ngày 25 tháng 9 năm 1978
- 161 Liệt sĩ: **TRẦN PHÚ SỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hòa, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 10 năm 1985
Số bằng: CD 486 bt Quyết định số: 70 CTKT ngày 18 tháng 4 năm 1989
- 162 Liệt sĩ: **TRƯƠNG TẤN THẾ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Khánh, Huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 2E 359 bm Quyết định số: 359 /TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977
- 163 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍ HÒA**
Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1956
Số bằng: QM 071 cm Quyết định số: 451 /TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977
- 164 Liệt sĩ: **HÒA VĂN HIỆN**
Thư ký Văn phòng huyện ủy, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hưng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1961
Số bằng: XM 996 cm Quyết định số: 775 /TTga ngày 30 tháng 7 năm 1977
- 165 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÁI**
Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1967
Số bằng: CY 062 bm Quyết định số: 13 /CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1992
- 166 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH HÙNG**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Thuận Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1962
Số bằng: CY 131 km Quyết định số: 294 /CTKT ngày 21 tháng 12 năm 1991

- 167 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH THÀNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hòa, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 2U 989 bm Quyết định số: 1387 /TTga ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 168 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BE**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thạnh, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1966
Số bằng: 2R 780 bm Quyết định số: 1410 /TTga ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 169 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN LƯU**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Đông Thạnh, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1973
Số bằng: 2G 140 km Quyết định số: 285 /TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 170 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THOẠI**
ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Đông Thạnh, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
Số bằng: 2P 320 km Quyết định số: 461 /TTga ngày 10 tháng 5 năm 1978
- 171 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÂM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thạnh, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1973
Số bằng: 8L 188 bm Quyết định số: 442 /TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979
- 172 Liệt sĩ: **NGUYỄN TẤN LỘC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thạnh, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 8U 915 bm Quyết định số: 723 /TTga ngày 17 tháng 10 năm 1979
- 173 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TIỀN**
Phó Bí thư huyện ủy, Nguyên quán: xã Vân Khánh, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 3T 514 cm Quyết định số: 59 /TTga ngày 12 tháng 1 năm 1979
- 174 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hưng, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 5K 223 bm Quyết định số: 515 /TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 175 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÍT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hưng, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: 1O 612 bm Quyết định số: 835 /TTga ngày 10 tháng 8 năm 1977

- 176 Liệt sĩ: **VÕ THỊ NHUẬN**
Cán bộ y tế, Nguyên quán: xã Đông Hưng, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1971
Số bằng: O 201 cm Quyết định số: 265 /CTKT ngày 21 tháng 7 năm 1983
- 177 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BON**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Đông Hưng, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1971
Số bằng: 3Z 564 km Quyết định số: 244 /TTga ngày 17 tháng 6 năm 1981
- 178 Liệt sĩ: **HUỖNH THỊ HẠNH**
Cán bộ phụ nữ xã, Nguyên quán: xã Vân Khánh, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1961
Số bằng: Q 584 cm Quyết định số: 230 /CTKT ngày 14 tháng 9 năm 1983
- 179 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU PHƯỚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hòa, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9M 107 bt Quyết định số: 168 /TTga ngày 10 tháng 3 năm 1980
- 180 Liệt sĩ: **LŨ VĂN TỐ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thạnh, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1965
Số bằng: 7E 609 bm Quyết định số: 1371 /TTga ngày 4 tháng 12 năm 1978
- 181 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DANH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hòa, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1972
Số bằng: 2E 365 bm Quyết định số: 1137 /TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977
- 182 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hòa, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 1 năm 1968
Số bằng: AV 176 bm Quyết định số: 353 /CTKT ngày 18 tháng 9 năm 1985
- 183 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÙNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thạnh, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1971
Số bằng: 2P 305 km Quyết định số: 461 /TTga ngày 10 tháng 5 năm 1978
- 184 Liệt sĩ: **LA THANH TÂN**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Khánh Đông, Huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1975
Số bằng: BC 907 cm Quyết định số: 130 /CTKT ngày 14 tháng 5 năm 1986
- 185 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT HÙNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1973

Số bằng: 2E 371 bm Quyết định số: 1137 /TTGa ngày 7 tháng 10 năm 1977

- 186 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LŨY**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 1 năm 1985
Số bằng: CC 165 bt Quyết định số: 62 /CTKT ngày 12 tháng 4 năm 1989
- 187 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÙNG DŨNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hưng, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1975
Số bằng: TR 370 bm Quyết định số: 51 /TTga ngày 22 tháng 1 năm 1977
- 188 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÁM**
ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1971
Số bằng: X 447 km Quyết định số: 27 /CTKT ngày 8 tháng 2 năm 1984
- 189 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUANG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1970
Số bằng: CY 720 km Quyết định số: 14 /CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1992
- 190 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHI**
Cán bộ binh vận ấp, Nguyên quán: xã Biển Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1971
Số bằng: DH 562 cm Quyết định số: 191 /TTga ngày 23 tháng 4 năm 1993
- 191 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TĂNG**
ấp đội phó, Nguyên quán: xã Đông Hưng, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1972
Số bằng: 2P 399 km Quyết định số: 461 /TTga ngày 10 tháng 5 năm 1978
- 192 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1967
Số bằng: F 441 bm Quyết định số: 021 /CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1982
- 193 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LĂNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 2U 911 bm Quyết định số: 1387 /TTga ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 194 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THẢO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1962
Số bằng: 2R 707 bm Quyết định số: 1410 /TTga ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 195 Liệt sĩ: **DƯƠNG THỊ XIÊU**
Cán bộ phụ nữ xã, Nguyên quán: xã Thạnh Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh

trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 1 năm 1947
Số bằng: KC 192 cp Quyết định số: 1448 /TTga ngày 9 tháng 11 năm 1977

- 196 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐƯỢC**
Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Thuận Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1974
Số bằng: 3I 842 km Quyết định số: 1374 /TTga ngày 4 tháng 12 năm 1978
- 197 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LỰC**
Thương binh từ trần, Nguyên quán: xã Thuận Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 10 năm 1982
Số bằng: X 497 bt Quyết định số: 27 /CTKT ngày 8 tháng 2 năm 1984
- 198 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CÂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1963
Số bằng: 6R 020 bm Quyết định số: 1079 /TTga ngày 20 tháng 9 năm 1978
- 199 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HAI**
Chiến sĩ áp, Nguyên quán: xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1957
Số bằng: 6N 498 cm Quyết định số: 87 /CTKT ngày 12 tháng 4 năm 1982
- 200 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN BẠN**
Trung đội phó, Nguyên quán: xã Thuận hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1963
Số bằng: 8L 196 bm Quyết định số: 442 /TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979
- 201 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÂM**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1968
Số bằng: Q 574 km Quyết định số: 230 /CTKT ngày 14 tháng 9 năm 1983
- 202 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HIỆN**
Phó Bí thư Đoàn xã, Nguyên quán: xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1959
Số bằng: DH 532 cm Quyết định số: 191 /TTga ngày 23 tháng 4 năm 1993
- 203 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN TIẾT**
Ban cán sự ấp, Nguyên quán: xã Thạnh Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1968
Số bằng: AS 868 cm Quyết định số: 284 /CTKT ngày 24 tháng 7 năm 1985
- 204 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐEN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thạnh Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 3D 755 km Quyết định số: 1105 /TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 205 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SON**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 1 năm 1971
Số bảng: 5K 214 bm Quyết định số: 515 /TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978

- 206 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1974
Số bảng: 2A 318 bm Quyết định số: 1061 /TTga ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 207 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HIỆP**
Cán bộ ấp, Nguyên quán: xã Thuận Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1971
Số bảng: 2R 478 cm Quyết định số: 442 /TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 208 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN TRỊ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1956
Số bảng: 6Z 058 bm Quyết định số: 1238 /TTga ngày 1 tháng 11 năm 1978
- 209 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VÀNG**
huyện ủy viên, Nguyên quán: xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1969
Số bảng: 2R 591 cm Quyết định số: 461 /TTga ngày 10 tháng 5 năm 1978
- 210 Liệt sĩ: **THẠCH QUỐC VIỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Thành, huyện Ô Môn, Cần Thơ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1965
Số bảng: ĐS 025 bm Quyết định số: 629 /TTga ngày 18 tháng 7 năm 1998
- 211 Liệt sĩ: **THÁI VĂN NGÔN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1957
Số bảng: 7V 969 bm Quyết định số: 167 /TTga ngày 28 tháng 2 năm 1979
- 212 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHẬN**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1968
Số bảng: 1R 216 km Quyết định số: 1448 /TTga ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 213 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÀU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1964
Số bảng: 3D 777 km Quyết định số: 1105 /TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 214 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TIẾNG**
Y tá xã, Nguyên quán: xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1972
Số bảng: OM 611 cm Quyết định số: 18 /TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977

- 215 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LONG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1969
 Số bằng: TR 029 bm Quyết định số: 18 /TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977
- 216 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THẮNG**
 Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1974
 Số bằng: CM 111 km Quyết định số: 18 /TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977
- 217 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIẾT**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 5 năm 1951
 Số bằng: NC 925 bp Quyết định số: 18 /TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977
- 218 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NĂNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 9 năm 1984
 Số bằng: CD 465 bt Quyết định số: 70 /TTga ngày 18 tháng 4 năm 1989
- 219 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN CHÀ**
 Chi bộ xã, Nguyên quán: xã Thạnh Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1969
 Số bằng: 2R 420 cm Quyết định số: 442 /TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 220 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TUYẾT**
 ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Thạnh Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1967
 Số bằng: 2P 387 km Quyết định số: 461 /TTga ngày 10 tháng 5 năm 1978
- 221 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGHĨA**
 Huyện đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1971
 Số bằng: 6R 822 bm Quyết định số: 1093 /TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 222 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGUỒN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1966
 Số bằng: CY 072 bm Quyết định số: 13 /CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1992
- 223 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THU**
 Cán bộ ấp, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1961
 Số bằng: ĐC 794 cm Quyết định số: 841 /TTga ngày 11 tháng 12 năm 1996
- 224 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐEN**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1968
 Số bằng: 6R 038 bm Quyết định số: 1079 /TTga ngày 20 tháng 9 năm 1978

- 225 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DƯƠNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1971
 Số bằng: 5K 197 bm Quyết định số: 515 /TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 226 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DỜI**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1971
 Số bằng: 2P 261 km Quyết định số: 515 /TTga ngày 22 tháng 5 năm 1978
- 227 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẢO**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1969
 Số bằng: 3T 070 km Quyết định số: 839 /TTga ngày 3 tháng 12 năm 1979
- 228 Liệt sĩ: **LÊ THANH BÌNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 6 năm 1985
 Số bằng: CB 968 bt Quyết định số: 48 /CTKT ngày 22 tháng 3 năm 1989
- 229 Liệt sĩ: **NGÔ TẤN ĐẠT**
 Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1966
 Số bằng: 2P 276 km Quyết định số: 461 /TTga ngày 10 tháng 5 năm 1978
- 230 Liệt sĩ: **PHAN VĂN VIÊN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1961
 Số bằng: 2Q 332 Quyết định số: 1039 /TTga ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 231 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ NGUYỄN**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1961
 Số bằng: CM 103 km Quyết định số: 18 /TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977
- 232 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN THẠCH**
 Cán bộ Ban Tuyên huấn huyện, Nguyên quán: xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 9 năm 1963
 Số bằng: OM 623 cm Quyết định số: 18 /TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977
- 233 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỒNG**
 Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1970
 Số bằng: 3Q 752 km Quyết định số: 369 /TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979
- 234 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HÁ**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 2 năm 1953
 Số bằng: 1MC 564 bp Quyết định số: 1104 /TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978

- 235 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lộc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 9 năm 1984
Số bằng: CD 925 bt Quyết định số: 18 /TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977
- 236 Liệt sĩ: **PHAN VĂN MỚI**
Cán bộ kinh tài xã, Nguyên quán: xã Thanh Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 3K 110 cm Quyết định số: 1105 /TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 237 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NÁO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1973
Số bằng: PM 321 km Quyết định số: 810 /TTga ngày 3 tháng 8 năm 1977
- 238 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÍNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1972
Số bằng: DP 481 km Quyết định số: 146 /TTga ngày 10 tháng 3 năm 1995
- 239 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LUNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 3D 220 bm Quyết định số: 1457 /TTga ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 240 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÈN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 6R 690 bm Quyết định số: 1093 /TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 241 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HAI**
Cán bộ hợp pháp xã, Nguyên quán: xã Trường Xuân, huyện Ô Môn, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1970
Số bằng: BA 341 cm Quyết định số: 20 /CTKT ngày 22 tháng 1 năm 1986
- 242 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN THỌ**
Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 2S 779 cm Quyết định số: 630 /TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 243 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGUƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1966
Số bằng: CY 072 bm Quyết định số: 13 /CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1992
- 244 Liệt sĩ: **DƯƠNG THANH HÙNG**
Trưởng Công an xã, Nguyên quán: xã Vị Thủy, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1966

Số bằng: 3P 653 cm Quyết định số: 1373 /TTga ngày 29 tháng 11 năm 1978

- 245 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BE**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Mỹ Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1971
Số bằng: 3L 907 km Quyết định số: 15 /TTga ngày 3 tháng 1 năm 1979
- 246 Liệt sĩ: **LÊ VĂN RỚT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thanh Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1959
Số bằng: 3N 465 km Quyết định số: 59 /TTga ngày 12 tháng 1 năm 1979
- 247 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẾP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1972
Số bằng: 2Q 368 bm Quyết định số: 1039 /TTga ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 248 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1973
Số bằng: 2Q 315 bm Quyết định số: 1039 /TTga ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 249 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGHĨA**
Huyện đội phó, Nguyên quán: xã Thuận Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1971
Số bằng: 6R 822 bm Quyết định số: 1093 /TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 250 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SẮT**
Trung đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 2Q 306 bm Quyết định số: 1039 /TTga ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 251 Liệt sĩ: **PHAN VĂN DÍNH**
Cán bộ kinh tài ấp, Nguyên quán: xã Thanh Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 2S 692 cm Quyết định số: 70 /TTga ngày 30 tháng 6 năm 1978
- 252 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỨC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1972
Số bằng: AK 807 km Quyết định số: 16 /TTga ngày 6 tháng 9 năm 1984
- 253 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN AN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 7Y 634 bt Quyết định số: 224 /TTga ngày 4 tháng 4 năm 1979
- 254 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHỎE**
Phó ban kinh tài huyện, Nguyên quán: xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy

sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1964
Số bằng: 2R 491 cm Quyết định số: 442 /TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978

- 255 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SĨ**
Đoàn viên thanh niên lao động huyện, Nguyên quán: xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1973
Số bằng: YM 021 cm Quyết định số: 810 /TTga ngày 3 tháng 8 năm 1977
- 256 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BẠN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1964
Số bằng: TR 003 bm Quyết định số: 18/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977
- 257 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 2Q 306 bm Quyết định số: 1039 /TTga ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 258 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 2Q 306 bm Quyết định số: 1039 /TTga ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 259 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẾP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1972
Số bằng: 2Q 368 bm Quyết định số: 1039 /TTga ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 260 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÁU**
Phó Ban binh vận, Nguyên quán: xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1970
Số bằng: OM 590 cm Quyết định số: 018 /TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977
- 261 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TẤN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 5 năm 1950
Số bằng: 1MC 573 bp Quyết định số: 1104 /TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 262 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGHĨA**
Huyện đội phó, Nguyên quán: xã Thuận Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1971
Số bằng: 6R 822 bm Quyết định số: 1093 /TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 263 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGUYỄN**
Bí thư chi đoàn thanh niên, Nguyên quán: xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1960
Số bằng: 3U 477 cm Quyết định số: 173/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1979

- 264 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÌNH**
 Trưởng Ban binh vận, Nguyên quán: xã Hòa Lưu, huyện Long Mỹ, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1968
 Số bằng: 1Đ 971 cm Quyết định số: 953 /TTga ngày 2 tháng 3 năm 1977
- 265 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1968
 Số bằng: CY 126 km Quyết định số: 294 /TTga ngày 10 tháng 3 năm 1995
- 266 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VƯƠNG**
 Ấp đội phó, Nguyên quán: xã Phước Tân, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1967
 Số bằng: CC 128 km Quyết định số: 062 CTKT ngày 12 tháng 4 năm 1989
- 267 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1972
 Số bằng: 3L 932 km Quyết định số: 015 /TTga ngày 3 tháng 1 năm 1979
- 268 Liệt sĩ: **HUYỀN TÂN PHƯỚC**
 Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1953
 Số bằng: 2CC 493 bp Quyết định số: 135 /TTga ngày 15 tháng 4 năm 1981
- 269 Liệt sĩ: **TRẦN TỬ BÌNH**
 Trung đội phó quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Mỹ, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1974
 Số bằng: 4U 279 bm Quyết định số: 285 /TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 270 Liệt sĩ: **LÊ BÁ TRIỆU**
 Cán bộ thị trấn, Nguyên quán: xã Hà Tiên, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1959
 Số bằng: 3O 955 cm Quyết định số: 1372 /TTga ngày 4 tháng 12 năm 1978
- 271 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU DƯ**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1950
 Số bằng: 1TC 082 bp Quyết định số: 173 /TTga ngày 2 tháng 3 năm 1979
- 272 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN EM**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1962
 Số bằng: TR 017 bm Quyết định số: 018 /TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977
- 273 Liệt sĩ: **HUYỀN VĂN TỶ**
 Công dân, Nguyên quán: xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1963

Số bằng: OM 609 cm Quyết định số: 018 /TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977

274 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ DẠNG**

Công dân, Nguyên quán: xã Thanh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1961

Số bằng: 2S 695 cm Quyết định số: 700 /TTga ngày 30 tháng 6 năm 1978

275 Liệt sĩ: **TRƯƠNG HỒNG DŨNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Phước, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 6 năm 1988

Số bằng: CO 727 bt Quyết định số: 156 /CTKT ngày 6 tháng 9 năm 1990

276 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN MƯỜI**

Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hưng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1957

Số bằng: 2O 703 km Quyết định số: 436 /TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978

277 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HOÀNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1971

Số bằng: VO 736 bm Quyết định số: 451 /TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977

278 Liệt sĩ: **PHAN VĂN ĐÓC**

Chiến sĩ giao liên ấp, Nguyên quán: xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1962

Số bằng: ĐC 757 cm Quyết định số: 841 /TTga ngày 11 tháng 12 năm 1996

279 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUÂN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Định, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1973

Số bằng: 4N 516 bm Quyết định số: 128 /TTga ngày 20 tháng 2 năm 1978

280 Liệt sĩ: **TRỊNH KHẢO THÔNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1962

Số bằng: 8L 262 bm Quyết định số: 442 /CTKT ngày 13 tháng 6 năm 1979

281 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1965

Số bằng: H0 070 bm Quyết định số: 1319/TTg ngày 12 tháng 8 năm 2015

282 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐEO**

Cán bộ Ban kinh tài ấp Phước Thọ, Nguyên quán: xã Vĩnh Phước, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1972

Số bằng: 1O 270 cm Quyết định số: 1307 /TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

283 Liệt sĩ: **CAO VĂN BIỆN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 6 năm 1947

Số bằng: 1XC 178bp Quyết định số: 442 /TTga ngày 13 tháng 6 năm 1979

- 284 Liệt sĩ: **CAO VĂN ĐÁT**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1963
 Số bảng: TR 379 bm Quyết định số: 51 /TTga ngày 22 tháng 1 năm 1977
- 285 Liệt sĩ: **THÁI VĂN HỨA**
 ấp đội phó, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1968
 Số bảng: CX 719 km Quyết định số: 14 /CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1992
- 286 Liệt sĩ: **CAO VĂN THỤ**
 Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Phước, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1969
 Số bảng: ĐS 027 bm Quyết định số: 629 /TTga ngày 28 tháng 4 năm 1999

TỈNH CÀ MAU

- 287 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC LỢI**
 Xã đội phó, Nguyên quán: xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1969
 Số bảng: KM 273 km Quyết định số: 515/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 288 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUẤT**
 Cán bộ , Nguyên quán: xã Hồng Dân, huyện Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 18 tháng 2 năm 1939
 Số bảng: CC 060 cpQuyết định số: 420/TTg ngày 27 tháng 5 năm 1977
- 289 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Điền Tây, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1963
 Số bảng: 9L 046 bm Quyết định số: 136/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1980
- 290 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MIẾU**
 ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1969
 Số bảng: 2K 953 cm Quyết định số: 304/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1978
- 291 Liệt sĩ: **CAO VĂN LÀNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Năm Căn, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1966
 Số bảng: 5E 891 bm Quyết định số: 490/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978
- 292 Liệt sĩ: **TÔ VĂN SỬ**
 ủy viên ban chấp hành tỉnh đoàn, Nguyên quán: xã Tân Thuận, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1968
 Số bảng: 2V 463 cm Quyết định số: 601/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978
- 293 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÌ**
 Cán bộ binh vận, Nguyên quán: xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1959

Số bằng: C 867 cm Quyết định số: 06/CTKT ngày 6 tháng 1 năm 1983

- 294 Liệt sĩ: **LƯU VĂN QUÂN**
Chính trị viên ấp đội, Nguyên quán: xã Tân Thuận, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1973
Số bằng: 11 261 cm Quyết định số: 1149/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 295 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ẪN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Biền Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 3R 265 bm Quyết định số: 1553/Ttga ngày 23 tháng 11 năm 1977
- 296 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 8N 371 bt Quyết định số: 541/Ttga ngày 25 tháng 7 năm 1979
- 297 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ LỘC**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Tân Hưng Tây, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1962
Số bằng: DI 072 cm Quyết định số: 247/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1993
- 298 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIỆT**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Biền Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 11 năm 1982
Số bằng: AR 566 bt Quyết định số: 221/CTKT ngày 5 tháng 6 năm 1985
- 299 Liệt sĩ: **LÊ HỮU LỘC**
Tiểu đội phó du kích ấp, Nguyên quán: xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1974
Số bằng: 3E 663 km Quyết định số: 1946/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1979
- 300 Liệt sĩ: **PHAN PHÚ NHUNG**
ấp đội trưởng, Nguyên quán: xã Khánh Tân, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1967
Số bằng: CX 250 cm Quyết định số: 58/CTKT ngày 18 tháng 4 năm 1991
- 301 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 7K 980 bm Quyết định số: 1452/TTga ngày 20 tháng 12 năm 1978
- 302 Liệt sĩ: **LÊ THÀNH LỢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Phước, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1970
Số bằng: 3U 500 bm Quyết định số: 173/TTga ngày 2 tháng 3 năm 1979
- 303 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà

Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1964
Số bằng: 5Q 256 bm Quyết định số: 570/TTg ngày 27 tháng 5 năm 1978

- 304 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN XÍCH**
Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: xã Biền Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1961
Số bằng: 1P 602 km Quyết định số: 1437/TTg ngày 4 tháng 11 năm 1977
- 305 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÙNG**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1961
Số bằng: 2Q 725 km Quyết định số: 428/TTg ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 306 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN TUÔNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 2T 217 km Quyết định số: 567/TTg ngày 27 tháng 5 năm 1978
- 307 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MỀ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1966
Số bằng: 6P 447 bm Quyết định số: 1071/TTg ngày 20 tháng 0 năm 1978
- 308 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BE**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Xuyên, huyện Thới Bình, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1963
Số bằng: 7G 705 bm Quyết định số: 1388/TTg ngày 8 tháng 12 năm 1978
- 309 Liệt sĩ: **TRẦN XUÔNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Biền Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1966
Số bằng: 8N 757 bm Quyết định số: 515/TTg ngày 11 tháng 7 năm 1979
- 310 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN SANG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KM 281 km Quyết định số: 915/TTg ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 311 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐẠT**
Ban chấp hành đoàn, Nguyên quán: xã Biền Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1957
Số bằng: 1N 915 cm Quyết định số: 1835/TTg ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 312 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TRI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Biền Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1961
Số bằng: 1P 596 km Quyết định số: 1437/TTg ngày 4 tháng 11 năm 1977
- 313 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TÀI**

Đội viên du kích ấp, Nguyên quán: xã Biển Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 1M 017 km Quyết định số: 1352/TTGa ngày 29 tháng 10 năm 1977

314 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BA**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh An, huyện Thới Bình, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1963
Số bằng: 9Z 584 bm Quyết định số: 763/TTGa ngày 15 tháng 12 năm 1980

315 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRẠCH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Xuyên, huyện Thới Bình, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1972
Số bằng: 3B 963 km Quyết định số: 1099/TTGa ngày 27 tháng 9 năm 1978

316 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHIỀU**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1964
Số bằng: 7X 375 bm Quyết định số: 186/Ttga ngày 9 tháng 3 năm 1979

317 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH MUNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1953
Số bằng: 1TC 533 bm Quyết định số: 224/TTGa ngày 4 tháng 4 năm 1979

318 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HƯỚNG**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1967
Số bằng: 1G 056 km Quyết định số: 1175/TTGa ngày 12 tháng 10 năm 1977

319 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BIỆN**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 1K 721 km Quyết định số: 1583/TTGa ngày 25 tháng 11 năm 1977

320 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHUM**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1961
Số bằng: 1G 054 km Quyết định số: 1175/TTGa ngày 12 tháng 10 năm 1977

321 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯỢNG**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 2R 914 km Quyết định số: 569/TTGa ngày 27 tháng 5 năm 1978

322 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG TÂN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Xuyên, huyện Thới Bình, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 5 năm 1948
Số bằng: 2AC 749bp Quyết định số: 850/TTGa ngày 3 tháng 12 năm 1979

- 323 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DŨNG**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Xuyên, huyện Thới Bình, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong
 sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1970
 Số bằng: 3E 610 km Quyết định số: 1146/TTga ngày 9 tháng 10 năm 1978
- 324 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN MẠNH**
 ấp Đội trưởng, Nguyên quán: xã Hòa Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong
 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 5 năm 1949
 Số bằng: 1G 025 kp Quyết định số: 1175/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1977
- 325 Liệt sĩ: **TRẦN HUY HOÀNG**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn
 Thời, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1971
 Số bằng: 6G 726 bm Quyết định số: 1002TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 326 Liệt sĩ: **CHÂU THANH NHÂN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Hưng A, huyện Trần Văn Thời,
 tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1972
 Số bằng: 7G 938 bm Quyết định số: 1321/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1978
- 327 Liệt sĩ: **BÙI HỮU MINH**
 Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh
 Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1961
 Số bằng: 6E 068 bm Quyết định số: 861/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 328 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN ĐỨC**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Thành, huyện Châu Thành,
 tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1964
 Số bằng: 5E 739 bm Quyết định số: 466/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1978
- 329 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN PHÁT**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Thành, huyện Giá Rai, tỉnh Minh
 Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1968
 Số bằng: 8U 462 bm Quyết định số: 684/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1978
- 330 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SANG**
 Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Hòa Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh
 trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: 1X 063 cm Quyết định số: 1583/TTga ngày 25 tháng 11 năm 1977
- 331 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHIẾN**
 Cán bộ thông tấn Báo chí, Nguyên quán: xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh
 trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1970
 Số bằng: 3D 067 cm Quyết định số: 905/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1978
- 332 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC XINH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Diệu, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc
 Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1966

Số bằng: 9L 220 bm Quyết định số: 154/TTGa ngày 5 tháng 3 năm 1980

- 333 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NÊN**
Phó ban tuyên huấn, Nguyên quán: xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1965
Số bằng: 4V 410 cm Quyết định số: 601/TTGa ngày 7 tháng 6 năm 1978
- 334 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN ĐEN**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Thuận Tây, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1964
Số bằng: AG 924 cm Quyết định số: 316 CT/KT ngày 26 tháng 9 năm 1984
- 335 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHƯ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1964
Số bằng: 7X 374 bm Quyết định số: 186/TTGa ngày 9 tháng 3 năm 1978
- 336 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGOAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1965
Số bằng: 3L 879 bm Quyết định số: 1621/TTGa ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 337 Liệt sĩ: **MAI VĂN THƠM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1962
Số bằng: 1Y 715 bm Quyết định số: 1640/TTGa ngày 5 tháng 12 năm 1977
- 338 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐẠT**
Cán bộ binh vận, Nguyên quán: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 6N 533 cm Quyết định số: 131/CTKT ngày 24 tháng 5 năm 1982
- 339 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẬP**
Tiểu đội phó du kích ấp, Nguyên quán: xã Vĩnh Phú Đông, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1969
Số bằng: HM 346 km Quyết định số: 454/TTGa ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 340 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẮNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1975
Số bằng: 1K 683 km Quyết định số: 1583/TTGa ngày 25 tháng 11 năm 1977
- 341 Liệt sĩ: **HỒ MINH ĐỀ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 2 năm 1948
Số bằng: 1XC 128bp Quyết định số: 418/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1979
- 342 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẰNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà

Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 3Q 503 bm Quyết định số: 1413/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1978

- 343 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN AN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 1 năm 1968
Số bằng: 7K 591 bm Quyết định số: 1479/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978
- 344 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÀU**
ấp đội trưởng, Nguyên quán: , xã An Xuyên, huyện Thới Bình, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1960
Số bằng: 3P 677 km Quyết định số: 418/TTga ngày 13 tháng 9 năm 1979
- 345 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TUẤN**
Cán bộ giao thông, Nguyên quán: xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1970
Số bằng: 2T 849 cm Quyết định số: 486/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978
- 346 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG THÁI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1966
Số bằng: 3T 940 km Quyết định số: 06/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 347 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VIỆT**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lợi An, huyện Trần Văn Thới,
tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 9V 308 bm Quyết định số: 635/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1980
- 348 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN CHIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Thạnh, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc
Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1965
Số bằng: 7K 638 bm Quyết định số: 1479/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978
- 349 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BAY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhơn Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh
Hậu Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 7T 745 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 17 tháng 1 năm 1979
- 350 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU HẠNH**
Tổ trưởng đường dây, Nguyên quán: xã Tân Chánh, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh
trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1960
Số bằng: HM 843 cm Quyết định số: 081/CTKT ngày 2 tháng 3 năm 1982
- 351 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÉ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: R 464 bm Quyết định số: 390/CTKT ngày 3 tháng 11 năm 1983
- 352 Liệt sĩ: **TRƯƠNG THÀNH XUÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 3T 708 bm Quyết định số: 1640/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1977

- 353 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÀO**
Cán bộ ấp, Nguyên quán: xã An Xuyên, huyện Thới Bình, tỉnh Minh Hải, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1959
Số bằng: 3H 999 cm Quyết định số: 1099/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1978
- 354 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÀI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1971
Số bằng: 4V 114 bm Quyết định số: 289/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 355 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN DIỆP**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1971
Số bằng: 2O 823 km Quyết định số: 428/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1978
- 356 Liệt sĩ: **LÂM THỊ HIỂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 4 năm 1953
Số bằng: 2CC 531 bp Quyết định số: 276/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1981

TỈNH NGHỆ AN

- 357 Liệt sĩ: **LÊ MẠNH HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1967
Số bằng: CR 507 bm Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972
- 358 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN UYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Liên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1968
Số bằng: BE 371 bm Quyết định số: 286/Ttga ngày 8 tháng 12 năm 1971
- 359 Liệt sĩ: **PHẠM NHƯ HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MF 999 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970
- 360 Liệt sĩ: **CAO THỊ MỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1969
Số bằng: EM 616 bm Quyết định số: 208/Ttga ngày 3 tháng 9 năm 1970
- 361 Liệt sĩ: **HÒA VĂN SỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 8B 776 bm Quyết định số: 288/Ttga ngày 23 tháng 4 năm 1979

- 362 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THẬN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đoài, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1972
Số bằng: KV 215 bm Quyết định số: 559/TTGa ngày 31 tháng 12 năm 1973
- 363 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU ĐIỆP**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đoài, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1973
Số bằng: QI 837 bm Quyết định số: 68/TTGa ngày 27 tháng 2 năm 1976
- 364 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐOÀN ĐÀO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đoài, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 4 năm 1952
Số bằng: ZQ 4,551 bp Quyết định số: 424/TTGa ngày 12 tháng 1 năm 1959
- 365 Liệt sĩ: **TỪ VŨ HỒNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đoài, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1966
Số bằng: BT 091 bm Quyết định số: 100/TTGa ngày 23 tháng 3 năm 1972
- 366 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KIỀU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đoài, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 8B 636 bt Quyết định số: 287/TTGa ngày 23 tháng 4 năm 1979
- 367 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH LÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đoài, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 3 năm 1979
Số bằng: AK 737 bt Quyết định số: 381/CTKT ngày 7 tháng 11 năm 1984
- 368 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH TÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đoài, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1970
Số bằng: QM 584 bm Quyết định số: 184/TTGa ngày 29 tháng 10 năm 1969
- 369 Liệt sĩ: **ĐẶNG HỮU LINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đoài, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 1 năm 1986
Số bằng: BN 581 bt Quyết định số: 159/CTKT ngày 15 tháng 7 năm 1987
- 370 Liệt sĩ: **ĐẶNG THỊ LIỆU**
Đội viên Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Diễn Đoài, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1969
Số bằng: EM 271 cm Quyết định số: 117/TTGa ngày 11 tháng 5 năm 1970
- 371 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG BÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đoài, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1969
Số bằng: QI 719 bm Quyết định số: 68/TTGa ngày 27 tháng 2 năm 1976

- 372 **Liệt sĩ: TRẦN MẬU NGHĨA**
 Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Diễn Đoài, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1973
 Số bằng: GB 962 bm Quyết định số: 287/TTga ngày 17 tháng 3 năm 2003
- 373 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SAN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đoài, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: 2Đ 236 bm Quyết định số: 1186/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 374 **Liệt sĩ: NGUYỄN DUY TÊ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đoài, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 11 năm 1983
 Số bằng: AO 748 bt Quyết định số: 115/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1985
- 375 **Liệt sĩ: NGUYỄN DUY KHÂM**
 Đội viên Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Diễn Đoài, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1971
 Số bằng: HM 771 cm Quyết định số: 298/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1972
- 376 **Liệt sĩ: NGUYỄN AN TRINH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đoài, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1975
 Số bằng: QK 998 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976
- 377 **Liệt sĩ: ĐẶNG HỮU TÂN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đoài, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1972
 Số bằng: QL 582 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976
- 378 **Liệt sĩ: NGUYỄN HƯƠNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đoài, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 29 tháng 11 năm 1930
 Số bằng: BC 978 bp Quyết định số: 145/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 379 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN BẢY**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1972
 Số bằng: LG 158 bm Quyết định số: 218TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 380 **Liệt sĩ: THÁI ĐĂNG LỪNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1968
 Số bằng: BT 132 bm Quyết định số: 100TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972
- 381 **Liệt sĩ: LƯƠNG SƠN BÁ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1967
 Số bằng: EM 092 bm Quyết định số: 68TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

- 382 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỊCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1968
Số bằng: AI 058 bm Quyết định số: 81TTGa ngày 3 tháng 4 năm 1971
- 383 Liệt sĩ: **PHẠM CHÂU TUẤN**
Đội viên Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Diễn Thủy, huyện Diễn châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 6N 887 bm Quyết định số: 215/CTKT ngày 28 tháng 7 năm 1982
- 384 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN PHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 6 năm 1951
Số bằng: XA 455 bp Quyết định số: 551/TTGa ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 385 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÝ**
Thuyền phó - Bộ Giao thông Vận tải, Nguyên quán: xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1967
Số bằng: CM 057 cm Quyết định số: 487/TTGa ngày 5 tháng 4 năm 1969
- 386 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍNH**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1968
Số bằng: ĐS 274 bm Quyết định số: 27/TTGa ngày 7 tháng 2 năm 1973
- 387 Liệt sĩ: **ĐINH HẢI**
Quản chủng cách mạng, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 12 tháng 9 năm 1930
Số bằng: ZC 004 cp Quyết định số: 124/TTGa ngày 17 tháng 6 năm 1963
- 388 Liệt sĩ: **VÕ CAO LUYỆN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1973
Số bằng: LB 681 bm Quyết định số: 326/TTGa ngày 25 tháng 6 năm 1974

TỈNH THANH HÓA

- 389 Liệt sĩ: **BÙI CAO ĐIỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LS 585 bm Quyết định số: 264/TTGa ngày 25 tháng 5 năm 1974
- 390 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU SÁU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Hưng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1966
Số bằng: GR 974 bm Quyết định số: 519/Ttga ngày 29 tháng 11 năm 1973
- 391 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CẬN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1971
Số bằng: HI 954 bm Quyết định số: 574/TTGa ngày 19 tháng 12 năm 1973

392 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH THỰC**

Tổ trưởng sản xuất xí nghiệp xây dựng 42-196, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 12 năm 1982

Số bằng: I 375 ct Quyết định số: 104/CTKT ngày 23 tháng 3 năm 1983

393 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHANG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tiểu khu Diên Biên, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1975

Số bằng: SE 662 bm Quyết định số: 396 TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

394 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHƯƠNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thăng Long, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1971

Số bằng: TG 448 bm Quyết định số: 01 TTga ngày 4 tháng 1 năm 1977

395 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HỘI**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Đông Hương, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1973

Số bằng: UL 785 bm Quyết định số: 228 TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

396 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG TRUYỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Đông Vệ, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1966

Số bằng: IZ 349 bm Quyết định số: 166 TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966

397 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TẠO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Đông Vệ, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1972

Số bằng: LT 430 bm Quyết định số: 288 TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974

398 Liệt sĩ: **LÊ NĂNG TÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1966

Số bằng: BG 227 bm Quyết định số: 13/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

399 Liệt sĩ: **LÊ SĨ CÁN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1968

Số bằng: UE 479 bm Quyết định số: 215/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

400 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG BAN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1965

Số bằng: HZ 915 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

401 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC TOÀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LT 477 bm Quyết định số: 288 TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974

- 402 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC MAI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Khu Ba Đình, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1973
Số bằng: HT 177 bm Quyết định số: 445 TTga ngày 16 tháng 10 năm 1973
- 403 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG VỸ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Khu phố I, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1972
Số bằng: DE 038 bm Quyết định số: 165/CTKT ngày 1 tháng 9 năm 1992
- 404 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH PHÚ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Làng Đông Sơn, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1971
Số bằng: NA 828 bm Quyết định số: 307 TTga ngày 15 tháng 6 năm 1974
- 405 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN HIỀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Nguyệt Ấn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1968
Số bằng: LD 289 bm Quyết định số: 96 TTga ngày 12 tháng 3 năm 1974
- 406 Liệt sĩ: **LÊ DUY ĐÀI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1969
Số bằng: UP 357 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 407 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY HIẾN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1970
Số bằng: KD 356 bm Quyết định số: 509/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973
- 408 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÓN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Đông Vệ, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1971
Số bằng: UG 971 bm Quyết định số: 239/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 409 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC THAO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Quảng Thành, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1973
Số bằng: OG 709 bm Quyết định số: 617/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974
- 410 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÁN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Trường Sơn, Thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: EP 614 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

- 411 **Liệt sĩ: VĂN ĐÌNH CHỢ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Trường Sơn, Thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1969
 Số bằng: KL 625 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973
- 412 **Liệt sĩ: ĐỖ XUÂN HÒA**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tân Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1966
 Số bằng: CM 196 bm Quyết định số: 035/Ttga ngày 1 tháng 3 năm 1968
- 413 **Liệt sĩ: LÊ VĂN ONG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tân Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 12 năm 1951
 Số bằng: ZT 210 bp Quyết định số: 102/Ttga ngày 5 tháng 5 năm 1960
- 414 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SẬU**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tế Nông, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 2 năm 1954
 Số bằng: ZT 225 bp Quyết định số: 102/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1960
- 415 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN THÁI**
 Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: Tiểu khu Điện Biên, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1965
 Số bằng: EM 485 cm Quyết định số: 134 TTga ngày 8 tháng 6 năm 1970
- 416 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐÓ**
 Đội viên dân quân, Nguyên quán: Tiểu khu Hàm Rồng, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1967
 Số bằng: BM 570 km Quyết định số: 335 TTga ngày 28 tháng 8 năm 1975
- 417 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TÝ**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1970
 Số bằng: 2Đ 557 bm Quyết định số: 1130 TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977
- 418 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN LUNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Trường Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 5 năm 1954
 Số bằng: XC 228 bp Quyết định số: 092/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1958
- 419 **Liệt sĩ: HOÀNG TRỌNG TẠC**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Trường Minh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1972
 Số bằng: LE 079 bm Quyết định số: 212/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 420 **Liệt sĩ: LƯƠNG TỬ NGHINH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Anh Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 10 năm 1952
 Số bằng: GI 706 bp Quyết định số: 57/Ttga ngày 8 tháng 1 năm 2004

- 421 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN KHÓA**
Đội viên dân công, Nguyên quán: xã Ba Đình, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 7 năm 1951
Số bằng: GI 940 cP Quyết định số: 135/TTga ngày 3 tháng 2 năm 2004
- 422 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHUÊ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ba Đình, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MG 455 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 423 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 5 năm 1954
Số bằng: GZ 225 bp Quyết định số: 16/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1964
- 424 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN DUÂN**
Cán bộ tỉnh, Nguyên quán: xã Bắc Bên, huyện Tra My, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 0 năm 1973
Số bằng: AC 336 cm Quyết định số: 213/CTKT ngày 20 tháng 6 năm 1984
- 425 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN VEN**
Bác sĩ, Nguyên quán: xã Bình Xuân, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1970
Số bằng: YM 877 cm Quyết định số: 780/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1977
- 426 Liệt sĩ: **THIỀU QUANG TIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1969
Số bằng: HP 463 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974
- 427 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THẠO**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 7L 345 bt Quyết định số: 1473/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978
- 428 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN PHỤNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 9R 766 bt Quyết định số: 492/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980
- 429 Liệt sĩ: **LÊ THÀNH LONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1973
Số bằng: RA 752 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976
- 430 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN IN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Phú, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1968

Số bằng: AP 281 bm Quyết định số: 159/TTGa ngày 5 tháng 7 năm 1971

431 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TRAI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1972
Số bằng: HR 486 bm Quyết định số: 457/TTGa ngày 24 tháng 10 năm 1973

432 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH TRƯỜNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1972
Số bằng: LT 141 bm Quyết định số: 186/TTGa ngày 23 tháng 4 năm 1974

433 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TIẾN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 1 năm 1973
Số bằng: OK 839 bm Quyết định số: 23/TTGa ngày 21 tháng 1 năm 1975

434 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ GÀU**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MZ 596 bm Quyết định số: 36/TTGa ngày 11 tháng 2 năm 1971

435 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NÔNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1966
Số bằng: MZ 666 bm Quyết định số: 36/TTGa ngày 11 tháng 2 năm 1971

436 Liệt sĩ: **LÊ HUY ĐỊNH**

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Bình, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 2 năm 1982
Số bằng: AK 580 bt Quyết định số: 426/CTKT ngày 12 tháng 12 năm 1984

437 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN CẦU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Bình, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1973
Số bằng: UE 465 bm Quyết định số: 215/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1977

438 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN ĐÔNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Bình, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 11 năm 1953
Số bằng: LC 667 bp Quyết định số: 279/TTGa ngày 6 tháng 1 năm 1974

439 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐỘ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1970
Số bằng: EĐ 486 bm Quyết định số: 98/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1973

440 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh

Hỏa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EA 235 bm Quyết định số: 77/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1973

- 441 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN CHẠM**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KS 846 bm Quyết định số: 168/TTGa ngày 16 tháng 4 năm 1974
- 442 Liệt sĩ: **ĐÀO MINH KHUÊ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1970
Số bằng: YD 085 bm Quyết định số: 328/TTGa ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 443 Liệt sĩ: **LÊ CHÍ THƠ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1969
Số bằng: AS 648 bm Quyết định số: 208/Ttga ngày 20 tháng 8 năm 1971
- 444 Liệt sĩ: **ĐÀM VĂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 8O 431 bt Quyết định số: 509 TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979
- 445 Liệt sĩ: **ĐÀM VĂN KỶ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1972
Số bằng: TK 294 bm Quyết định số: 569 TTga ngày 24 tháng 12 năm 1976
- 446 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH AN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 10 năm 1952
Số bằng: ZQ 4,934 bp Quyết định số: 02 TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 447 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH CÀN**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1966
Số bằng: VL 667 bm Quyết định số: 327 TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 448 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: BF 185 bm Quyết định số: 280 TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 449 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1969
Số bằng: AP 430 bm Quyết định số: 159 TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971
- 450 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH DIỄN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Cương, huyện Đông Sơn,

- tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1966
Số bằng: BA 050 bm Quyết định số: 244 TTga ngày 8 tháng 10 năm 1971
- 451 Liệt sĩ: **TRẦN MINH VỆ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 1 năm 1974
Số bằng: OS 761 bm Quyết định số: 148 TTga ngày 24 tháng 4 năm 1975
- 452 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hương, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1967
Số bằng: UK 749 bm Quyết định số: 227/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 453 Liệt sĩ: **ĐÀM CẢNH ĐỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1968
Số bằng: AP 304 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971
- 454 Liệt sĩ: **ĐÀM NGUYỄN ĐỐI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KV 539 bm Quyết định số: 147 TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 455 Liệt sĩ: **VI VĂN ĐƯỢC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1972
Số bằng: UP 594 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 456 Liệt sĩ: **MAI VĂN NGÀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Minh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1975
Số bằng: TG 562 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977
- 457 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC THẬN**
Thương binh 1/4, Nguyên quán: xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 3 năm 2015
Số bằng: HO 946 vt Quyết định số: 103/Ttga ngày 14 tháng 1 năm 2016
- 458 Liệt sĩ: **CHU ANH TUẤN**
Đội viên thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1966
Số bằng: AM 102 cm Quyết định số: 108/TTga ngày 6 tháng 2 năm 1967
- 459 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ HƯNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thọ, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1971
Số bằng: GX 302 bm Quyết định số: 433 TTga ngày 4 tháng 10 năm 1973
- 460 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MIỄN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thọ, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1954
Số bằng: XC 979 bp Quyết định số: 134 TTg ngày 3 tháng 3 năm 1958

461 Liệt sĩ: **TRẦN ĐẮC PHÚC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Trù, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 5 năm 1954
Số bằng: ZT 938 bp Quyết định số: 125/TTg ngày 7 tháng 6 năm 1960

462 Liệt sĩ: **LÊ MINH HOẠT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Vinh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: GX 997 bm Quyết định số: 487 TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973

463 Liệt sĩ: **TẠ TRUNG ĐỀ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1967
Số bằng: CM 183 bm Quyết định số: 035/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1968

464 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG DOAN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải An, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1971
Số bằng: HP 276 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

465 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUỖ**

Dân công, Nguyên quán: xã Hải An, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1972
Số bằng: LA 211 cm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

466 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC THI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1970
Số bằng: BP 144 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1972

467 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC CẨM**

Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AV 466 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971

468 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC CHÂU**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1968
Số bằng: PY 014 bm Quyết định số: 395/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975

469 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN NHƯ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Hoà, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1972
Số bằng: TE 945 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

- 470 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CHỒNG**
 Công nhân Ty giao thông vận tải , Nguyên quán: xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
 Số bằng: HM 442 cm Quyết định số: 270/TTGa ngày 18 tháng 11 năm 1971
- 471 **Liệt sĩ: LÊ CÔNG TÀN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: AG 645 bm Quyết định số: 67/TTGa ngày 11 tháng 3 năm 1971
- 472 **Liệt sĩ: LÊ THỦY CHUNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1969
 Số bằng: UQ 279 bm Quyết định số: 223/TTGa ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 473 **Liệt sĩ: LÊ VĂN DIÊN**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 3 năm 1947
 Số bằng: ZQ 758 bp Quyết định số: 176/TTg ngày 4 tháng 5 năm 1959
- 474 **Liệt sĩ: NGUYỄN THẾ PHIÊN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1972
 Số bằng: KS 733 bm Quyết định số: 216/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 475 **Liệt sĩ: VŨ MINH BÌNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: AD 048 bm Quyết định số: 24/TTGa ngày 1 tháng 2 năm 1971
- 476 **Liệt sĩ: MAI HƯNG LUẬN**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: OA 451 bm Quyết định số: 568/TTGa ngày 11 tháng 11 năm 1974
- 477 **Liệt sĩ: DƯƠNG VĂN LỢI**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: AG 635 bm Quyết định số: 67/TTGa ngày 11 tháng 3 năm 1971
- 478 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN ĐÁI**
 Công nhân Ty Giao thông Vận tải , Nguyên quán: xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1967
 Số bằng: CM 681 cm Quyết định số: 113/TTGa ngày 18 tháng 7 năm 1969
- 479 **Liệt sĩ: PHẠM XUÂN KHOÁT**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1970

Số bằng: ĐH 473 bm Quyết định số: 449/TTGa ngày 28 tháng 10 năm 1972

480 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ĐÌNH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 2 năm 1949

Số bằng: ZD 592 kp Quyết định số: 16/TTGa ngày 4 tháng 2 năm 1964

481 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HỘT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1971

Số bằng: NA 763 bm Quyết định số: 298/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1974

482 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NGẮM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1968

Số bằng: BG 100 bm Quyết định số: 281/TTGa ngày 30 tháng 11 năm 1971

483 Liệt sĩ: **HÀ VĂN PÁNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 12 năm 1950

Số bằng: ZD 596 kp Quyết định số: 16/TTGa ngày 2/ tháng /1 năm 1964

484 Liệt sĩ: **HÀ VĂN SƠN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1971

Số bằng: UP 221 bm Quyết định số: 169/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977

485 Liệt sĩ: **LÒ KHẮC LỎ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1972

Số bằng: KL 407 bm Quyết định số: 566/TTGa ngày 14 tháng 12 năm 1973

486 Liệt sĩ: **LÒ KHẮM BÔNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1975

Số bằng: UG 987 bm Quyết định số: 239/TTGa ngày 1 tháng 4 năm 1977

487 Liệt sĩ: **LÒ KHẮM DE**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1975

Số bằng: VL 567 bm Quyết định số: 327/TTGa ngày 20 tháng 4 năm 1977

488 Liệt sĩ: **LÒ KHẮM HIỀNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1967

Số bằng: OM 891 bm Quyết định số: 112/TTGa ngày 16 tháng 7 năm 1969

489 Liệt sĩ: **LÒ KHẮM NI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UO 429 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

- 490 Liệt sĩ: **LÒ KHẨM NHỊ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1970
Số bằng: PL 539 bm Quyết định số: 394/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975
- 491 Liệt sĩ: **LÒ KHẨM SÁNH**
Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến xã, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 12 năm 1953
Số bằng: ZC 438 cp Quyết định số: 16/TTga ngày 2/ tháng /1 năm 1964
- 492 Liệt sĩ: **LÒ KHẨM SỚ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MG 410 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 493 Liệt sĩ: **LÒ KHẨM THƠM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 8 năm 1981
Số bằng: I 360 bt Quyết định số: 104/CTKT ngày 23 tháng 3 năm 1983
- 494 Liệt sĩ: **LÒ KHẨM XOM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 8 năm 1949
Số bằng: ZD 593 kp Quyết định số: 16/TTga ngày 4 tháng 2 năm 1964
- 495 Liệt sĩ: **LÒ KHẨM BEO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1970
Số bằng: HB 144 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973
- 496 Liệt sĩ: **LỘC ĐÌNH CHUM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1969
Số bằng: TI 458 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977
- 497 Liệt sĩ: **LỘC VĂN HÉO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MR 045 bm Quyết định số: 225/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1970
- 498 Liệt sĩ: **LỘC VĂN MẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1972
Số bằng: GC 202 bm Quyết định số: 251/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1973
- 499 Liệt sĩ: **LỘC VĂN MƯƠI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1975
Số bằng: UQ 630 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

500 Liệt sĩ: **LỘC VĂN PHỤNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1967
Số bằng: UA 736 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

501 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN NGỌC**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1969
Số bằng: EP 757 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

502 Liệt sĩ: **VI VĂN PÙNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1972
Số bằng: TG 420 bm Quyết định số: 01/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1977

503 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HỊT**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Trung, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1971
Số bằng: NA 751 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974

504 Liệt sĩ: **TRỊNH NGỌC NHÂM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 9 năm 1969
Số bằng: AP 385 bm Quyết định số: 159 TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

505 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HIỆU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoà Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9R 528 bt Quyết định số: 493/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

506 Liệt sĩ: **LÊ QUÝ OANH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1972
Số bằng: OP 281 bm Quyết định số: 20/Ttga ngày 18 tháng 1 năm 1975

507 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÁT**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1969
Số bằng: ĐT 610 bm Quyết định số: 112/Ttga ngày 29 tháng 3 năm 1973

508 Liệt sĩ: **TRỊNH DUY VỊ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 10 năm 1952
Số bằng: ZT 335 bp Quyết định số: 102/Ttga ngày 5 tháng 5 năm 1960

509 Liệt sĩ: **HOÀNG THẾ PHIỆT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1970
Số bằng: GX 357 bm Quyết định số: 435/TTGa ngày 9 tháng 10 năm 1973

510 Liệt sĩ: **LÊ ANH TRÔNG**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1972
Số bằng: YD 115 bm Quyết định số: 328/TTGa ngày 20 tháng 4 năm 1977

511 Liệt sĩ: **LÊ HUY MINH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1971
Số bằng: ĐR 587 bm Quyết định số: 32/TTGa ngày 9 tháng 2 năm 1973

512 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÚY**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Anh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1971
Số bằng: SA 859 bm Quyết định số: 393/TTGa ngày 5 tháng 1 năm 1976

513 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU PHAY**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Anh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1968
Số bằng: SM 169 bm Quyết định số: 194/TTGa ngày 14 tháng 11 năm 1969

514 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THO**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Anh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 5 năm 1981
Số bằng: 8AA 223 bt Quyết định số: 43/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982

515 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MƠ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1972
Số bằng: HI 707 bm Quyết định số: 02/TTGa ngày 3 tháng 1 năm 1974

516 Liệt sĩ: **CAO NINH OANH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MB 343 bm Quyết định số: 49/TTGa ngày 3 tháng 3 năm 1970

517 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG VINH**

Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1972
Số bằng: OP 629 bm Quyết định số: 63 TTGa ngày 21 tháng 2 năm 1975

518 Liệt sĩ: **CAO XUÂN TÂM**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1967
Số bằng: ĐT 551 bm Quyết định số: 108/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1973

- 519 **Liệt sĩ: LÊ BẬT NGUYỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Minh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1969
Số bằng: MK 101 bm Quyết định số: 136/Ttga ngày 8 tháng 6 năm 1970
- 520 **Liệt sĩ: NGUYỄN DUY CẬY**
Đại úy quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Phúc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 1 năm 1983
Số bằng: AB 440 bt Quyết định số: 200/CTKT ngày 13 tháng 6 năm 1984
- 521 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH THÀNH**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1973
Số bằng: NL 364 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974
- 522 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN BỤI**
Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1951
Số bằng: MC 625 bp Quyết định số: 109/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1975
- 523 **Liệt sĩ: LÊ BÁ HIẾN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Quỳ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZX 148 bp Quyết định số: 208/Ttga ngày 16 tháng 9 năm 1960
- 524 **Liệt sĩ: LÊ HỮU NGHỊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Quỳ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1969
Số bằng: MK 129 bm Quyết định số: 136/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1970
- 525 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH DO**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Thanh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1966
Số bằng: PS 687 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975
- 526 **Liệt sĩ: HÀ VĂN TOA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1971
Số bằng: GX 233 bm Quyết định số: 435/TTga ngày 9 tháng 10 năm 1973
- 527 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN QUÝ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 1AA 580 bt Quyết định số: 06/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1981
- 528 **Liệt sĩ: LÊ TÁT THẢO**
Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZQ 839 bp Quyết định số: 176 TTg ngày 4 tháng 5 năm 1959

- 529 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN HUỆ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Mỹ, huyện Mộ Cày, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 5G 448 bm Quyết định số: 612/TTGa ngày 7 tháng 6 năm 1978
- 530 **Liệt sĩ: NGUYỄN CHÍ VINH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 5 năm 1983
Số bằng: AC 445 bt Quyết định số: 213 CTKT ngày 20 tháng 6 năm 1984
- 531 **Liệt sĩ: LÒ VĂN ỨNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1969
Số bằng: HR 493 bm Quyết định số: 457/TTGa ngày 24 tháng 10 năm 1973
- 532 **Liệt sĩ: LƯƠNG KHẮC ẸNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1973
Số bằng: QP 618 bm Quyết định số: 121/TTGa ngày 10 tháng 4 năm 1976
- 533 **Liệt sĩ: MAI HỒNG TU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1968
Số bằng: AV 821 bm Quyết định số: 271/TTGa ngày 18 tháng 11 năm 1971
- 534 **Liệt sĩ: TRƯƠNG THANH SÂM**
Đội viên Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Lộc Sơn, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BM 534 cm Quyết định số: 246/TTGa ngày 31 tháng 12 năm 1968
- 535 **Liệt sĩ: LÊ QUANG VINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9N 504 bt Quyết định số: 221/TTGa ngày 19 tháng 3 năm 1980
- 536 **Liệt sĩ: HÀ DUY NĂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1972
Số bằng: OP 427 bm Quyết định số: 20/TTGa ngày 18 tháng 1 năm 1975
- 537 **Liệt sĩ: HÀ DUY TRỌNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1965
Số bằng: AD 103 bm Quyết định số: 24/TTGa ngày 1 tháng 2 năm 1971
- 538 **Liệt sĩ: LÊ VĂN BIÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 7 năm 1985
Số bằng: AT 584 bt Quyết định số: 289/CTKT ngày 24 tháng 7 năm 1985

- 539 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN AN**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Nghĩa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1968
 Số bằng: IM 089 bm Quyết định số: 180/TTGa ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 540 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ÁT**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Đông, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1967
 Số bằng: EM 650 bm Quyết định số: 94/TTGa ngày 31 tháng 5 năm 1968
- 541 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HÉO**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Đông, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1971
 Số bằng: TĐ 124 bm Quyết định số: 540/TTGa ngày 30 tháng 11 năm 1976
- 542 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ÍT**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Đông, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1971
 Số bằng: GC 232 bm Quyết định số: 251/TTGa ngày 21 tháng 6 năm 1973
- 543 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ CỨC**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Đông, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1972
 Số bằng: PK 706 bm Quyết định số: 359/TTGa ngày 9 tháng 9 năm 1975
- 544 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỊNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Đông, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: HI 880 bm Quyết định số: 10/TTGa ngày 4 tháng 1 năm 1974
- 545 Liệt sĩ: **MAI XUÂN ĐƯỜNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga An, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1969
 Số bằng: UP 604 bm Quyết định số: 216/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 546 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGÂN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Liên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1974
 Số bằng: UA 810 bm Quyết định số: 191/TTGa ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 547 Liệt sĩ: **MAI VĂN VIỆN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Phú, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: UK 305 bm Quyết định số: 166/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 548 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC LUẬN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1970
 Số bằng: ĐL 980 bm Quyết định số: 467/TTGa ngày 9 tháng 11 năm 1972

- 549 **Liệt sĩ: HÀ CÔNG THẮNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1971
 Số bằng: EQ 179 bm Quyết định số: 154/TTGa ngày 19 tháng 4 năm 1973
- 550 **Liệt sĩ: QUÁCH CÔNG ĐỨC**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1967
 Số bằng: RH 582 bm Quyết định số: 267/TTGa ngày 25 tháng 6 năm 1976
- 551 **Liệt sĩ: QUÁCH CÔNG THỂ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1968
 Số bằng: CR 990 bm Quyết định số: 454/TTGa ngày 4 tháng 11 năm 1972
- 552 **Liệt sĩ: ĐẬU XUÂN PHÚ**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1967
 Số bằng: TG 461 bm Quyết định số: 46/TTGa ngày 19 tháng 1 năm 1977
- 553 **Liệt sĩ: LÂM NGỌC KHA**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1971
 Số bằng: UL 412 bm Quyết định số: 206/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 554 **Liệt sĩ: NGUYỄN TRỌNG LƯỢNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: MĐ 917 bm Quyết định số: 109/TTGa ngày 7 tháng 5 năm 1970
- 555 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN MÀU**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1967
 Số bằng: ĐR 592 bm Quyết định số: 32/TTGa ngày 9 tháng 2 năm 1973
- 556 **Liệt sĩ: LÊ ĐÌNH ĐANG**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1975
 Số bằng: 2Đ 935 bm Quyết định số: 1187 TTGa ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 557 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN THÁI**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyệt Ấn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1967
 Số bằng: IM 279 bm Quyết định số: 179/TTGa ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 558 **Liệt sĩ: PHẠM THÁI HỌC**
 Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hưng, huyện Phú Vang, Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1970

Số bằng: GS 352 bm Quyết định số: 473/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973

- 559 Liệt sĩ: **HÀ NGỌC AN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 8 năm 1975
Số bằng: VO 097 bt Quyết định số: 221/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 560 Liệt sĩ: **HÀ VĂN CƯỚC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 8B 034 bt Quyết định số: 246/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1979
- 561 Liệt sĩ: **HÀ VĂN CHƠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1965
Số bằng: ZD 720 km Quyết định số: 85/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966
- 562 Liệt sĩ: **HÀ VĂN DÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1972
Số bằng: OS 750 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1975
- 563 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HANH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 5 năm 1948
Số bằng: ZD 584 kp Quyết định số: 16/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1964
- 564 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LÝ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1970
Số bằng: UL 151 bm Quyết định số: 151/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 565 Liệt sĩ: **HÀ VĂN MĂNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9N 279 bt Quyết định số: 243/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980
- 566 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NỬA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1975
Số bằng: TH 423 bm Quyết định số: 12/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1977
- 567 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NƯƠNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1971
Số bằng: UO 477 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 568 Liệt sĩ: **HÀ VĂN QUAN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1971
Số bằng: KL 493 bm Quyết định số: 566/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

569 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TIẾP**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐK 242 bm Quyết định số: 444/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1972

570 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN HẨM**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1968
Số bằng: UL 603 bm Quyết định số: 226/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

571 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN KIẾNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1968
Số bằng: CY 896 bm Quyết định số: 418/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1972

572 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN SUÔI**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1969
Số bằng: UP 260 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

573 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NÊU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1973
Số bằng: KL 440 bm Quyết định số: 566/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

574 Liệt sĩ: **HÀ VĂN PHƯỚC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 2 năm 1953
Số bằng: EC 198 bp Quyết định số: 234/TTga ngày 6 tháng 0 năm 1972

575 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NHẠM**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Trung, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 7 năm 1958
Số bằng: YZ 318 bp Quyết định số: 1191/TTga ngày 12 tháng 22 năm 1956

576 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG VINH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1967
Số bằng: SM 238 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

577 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC HUYNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1970
Số bằng: BK 291 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

578 Liệt sĩ: **PHẠM THẾ NỘI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1970
Số bằng: HP 404 bm Quyết định số: 14/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1974

579 Liệt sĩ: **TRINH ĐỨC CẦU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 7 năm 1972
Số bằng: NA 699 bm Quyết định số: 298/TTGa ngày 13 tháng 6 năm 1974

580 Liệt sĩ: **VŨ VĂN BAN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1971
Số bằng: PS 631 bm Quyết định số: 388/TTGa ngày 27 tháng 9 năm 1975

581 Liệt sĩ: **LÊ NHẬT THÀNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1968
Số bằng: YG 046 bm Quyết định số: 368/TTGa ngày 27 tháng 4 năm 1977

582 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT MINH**

A phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1953
Số bằng: EZ 397 bp Quyết định số: 135/TTGa ngày 7 tháng 1 năm 1963

583 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỰ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Nghi, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1967
Số bằng: IM 332 bm Quyết định số: 179/TTGa ngày 1 tháng 10 năm 1968

584 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUYÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Cát, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1972
Số bằng: GI 344 bm Quyết định số: 327/TTGa ngày 2 tháng 8 năm 1973

585 Liệt sĩ: **LƯƠNG BÁ THẾ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Cư, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 3 năm 1979

Số bằng: AT 588 bt Quyết định số: 289/CTKT ngày 24 tháng 7 năm 1985

586 Liệt sĩ: **LƯƠNG MINH THƠ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Cư, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1965
Số bằng: AV 856 bm Quyết định số: 271/TTGa ngày 18 tháng 11 năm 1971

587 Liệt sĩ: **VŨ DUY LẬP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Châu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZM 436 bp Quyết định số: 455/TTGa ngày 4 tháng 10 năm 1958

- 588 **Liệt sĩ: LÒ ĐỨC KHUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1971
Số bằng: ĐK 211 bm Quyết định số: 444/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1972
- 589 **Liệt sĩ: HOÀNG ĐÌNH LUẬT**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Đông, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1970
Số bằng: BP 643 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1970
- 590 **Liệt sĩ: LÊ VĂN SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Đông, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1967
Số bằng: GR 884 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973
- 591 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CẦN**
Dân công, Nguyên quán: xã Quảng Đông, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LA 166 cm Quyết định số: 477/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973
- 592 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TRIỆU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Đông, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1967
Số bằng: BL 503 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 25 tháng 1 năm 1972
- 593 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN SỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Đông, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1972
Số bằng: KS 816 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 16 tháng 4 năm 1974
- 594 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN TRÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Đức, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZP 287 bp Quyết định số: 01/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 595 **Liệt sĩ: HÀ THANH CẦN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1968
Số bằng: EP 623 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973
- 596 **Liệt sĩ: VI VĂN MỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1972
Số bằng: UQ 613 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 597 **Liệt sĩ: LƯU NGỌC CHAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Hưng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1972

Số bằng: KO 349 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

- 598 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TẠO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Hương, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1972
Số bằng: LT 433 bm Quyết định số: 288 TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974
- 599 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC THẢO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Hương, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1963
Số bằng: UO 016 bm Quyết định số: 191 TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 600 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Khê, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 8X 707 bt Quyết định số: 740/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 601 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH TRUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1973
Số bằng: SA 798 bm Quyết định số: 393/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976
- 602 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Lộc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 7L 227 bt Quyết định số: 1505/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978
- 603 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN PHƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Lợi, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1967
Số bằng: MZ 785 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971
- 604 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÌNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1970
Số bằng: HA 320 bm Quyết định số: 472/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973
- 605 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÒA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1966
Số bằng: ĐL 945 bm Quyết định số: 467/Ttga ngày 9 tháng 11 năm 1972
- 606 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG DO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KV 484 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1974
- 607 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG NHUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1967
Số bằng: OP 614 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1975

608 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN NHÀN**

Thượng sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phong, huyện Quảng Xương,
Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1974
Số bằng: PN 632 bm Quyết định số: 337/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1975

609 Liệt sĩ: **ĐÀO ĐÌNH LỢI**

Hạ sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Tâm, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh
Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1966
Số bằng: NU 387 bm Quyết định số: 477 TTga ngày 21 tháng 9 năm 1974

610 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÔN**

Dân công, Nguyên quán: xã Quảng Tâm, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1966
Số bằng: DI 560 cm Quyết định số: 369/TTg ngày 20 tháng 7 năm 1993

611 Liệt sĩ: **BÙI SĨ VINH**

Hạ sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh
Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1974
Số bằng: OP 628 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1975

612 Liệt sĩ: **BÙI SỸ MINH**

Hạ sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh
Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KL 432 bm Quyết định số: 566/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

613 Liệt sĩ: **BÙI SỸ THANH**

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, tỉnh
Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1966
Số bằng: IZ 413 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966

614 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NĂM**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, tỉnh
Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1970
Số bằng: CL 407 bm Quyết định số: 301/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972

615 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỨC**

Trung sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, tỉnh
Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1971
Số bằng: UP 564 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

616 Liệt sĩ: **CAO SỸ HIỆU**

Trung sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Tường, huyện Quảng Xương, tỉnh
Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 2 năm 1973
Số bằng: KD 359 bm Quyết định số: 509/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973

617 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUYỀN**

Thuyền trưởng, Nguyên quán: xã Quảng Tường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 2Q 860 cm Quyết định số: 425 TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978

- 618 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC TRUNG**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1968
Số bằng: ML 907 bm Quyết định số: 154/Ttga ngày 25 tháng 6 năm 1970
- 619 Liệt sĩ: **ĐÀM HỮU THẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZR 632 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 620 Liệt sĩ: **ĐÀM HỮU THUẬT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AL 907 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971
- 621 Liệt sĩ: **ĐÀM LÊ LOAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 5 năm 1983
Số bằng: AT 618 bt Quyết định số: 289 CTKT ngày 24 tháng 7 năm 1985
- 622 Liệt sĩ: **ĐÀM LÊ TÂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1975
Số bằng: 3N 809 bm Quyết định số: 112 TTga ngày 13 tháng 2 năm 1978
- 623 Liệt sĩ: **MAI VĂN NGUYỄN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1975
Số bằng: TG 554 bm Quyết định số: 46 TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977
- 624 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ HỒNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 10 năm 1996
Số bằng: TY 937 bt Quyết định số: 203 TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 625 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG NHÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1972
Số bằng: KD 532 bm Quyết định số: 508/Ttga ngày 20 tháng 11 năm 1973
- 626 Liệt sĩ: **NGUYỄN TAM ANH**
Thượng tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1972
Số bằng: EB 587 bm Quyết định số: 95/Ttga ngày 20 tháng 3 năm 1973

- 627 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thuận, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1967
Số bằng: PH 993 bm Quyết định số: 335/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1975
- 628 Liệt sĩ: **HOÀNG BUI BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1966
Số bằng: EP 536 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973
- 629 Liệt sĩ: **BUI ĐỨC LỢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1969
Số bằng: BG 048 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1970
- 630 Liệt sĩ: **BUI VĂN TÝ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1972
Số bằng: YE 073 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 631 Liệt sĩ: **CAO XUÂN THU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1969
Số bằng: OV 925 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1975
- 632 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LONG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1973
Số bằng: UL 284 bm Quyết định số: 225/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 633 Liệt sĩ: **PHẠM VƯƠNG THI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BF 196 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 634 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN CÔNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1970
Số bằng: ĐR 473 bm Quyết định số: 09/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1973
- 635 Liệt sĩ: **VĂN ĐÌNH ĐOÀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QO 152 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976
- 636 Liệt sĩ: **HOÀNG QUỐC LƯỢT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Văn, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1966
Số bằng: AG 641 bm Quyết định số: 67/TTga ngày 11 tháng 3 năm 1971

- 637 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ NGUYỄN**
 Dân công, Nguyên quán: xã Quảng Vinh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong
 sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1972
 Số bằng: MM 238 cm Quyết định số: 352/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974
- 638 Liệt sĩ: **VĂN TRÍ HỮU**
 Trung sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Vinh, huyện Quảng Xương, tỉnh
 Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1970
 Số bằng: EP 708 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973
- 639 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH HỨA**
 Thuyền trưởng, Nguyên quán: xã Quảng Vọng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh
 trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1967
 Số bằng: CM 692 cm Quyết định số: 113 TTga ngày 18 tháng 7 năm 1969
- 640 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LƯỜNG**
 Trung sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh
 Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1972
 Số bằng: EP 566 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973
- 641 Liệt sĩ: **HÀ VĂN MÔNG**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong
 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1948
 Số bằng: ZD 574 kp Quyết định số: 16/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1964
- 642 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN SINH**
 Hạ sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá,
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: GX 206 bm Quyết định số: 435/TTga ngày 9 tháng 10 năm 1973
- 643 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ SINH**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Quan Hóa,
 tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1972
 Số bằng: HA 350 bm Quyết định số: 472/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973
- 644 Liệt sĩ: **HÀ VĂN KHẮM**
 Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Lư, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh
 Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1968
 Số bằng: TĐ 155 bm Quyết định số: 540/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976
- 645 Liệt sĩ: **HÒ VĂN MINH**
 Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Dân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh
 Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1967
 Số bằng: LD 838 bm Quyết định số: 141 TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974
- 646 Liệt sĩ: **LÊ HỮU PHIÊN**
 Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Khang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh
 Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 12 năm 1951

Số bằng: ZK 933 bp Quyết định số: 226/Ttga ngày 5 tháng 5 năm 1958

647 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIẾU**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Khang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1971

Số bằng: LH 995 bm Quyết định số: 172/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1974

648 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN ĐỀ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lập, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1968

Số bằng: AP 298 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

649 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC LAN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lập, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1967

Số bằng: UL 072 bm Quyết định số: 151/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

650 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DẬU**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lập, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1967

Số bằng: QĐ 152 bm Quyết định số: 474/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1975

651 Liệt sĩ: **ĐOÀN TRUNG TUẦN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1969

Số bằng: EO 070 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973

652 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC KHOA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 11 năm 1979

Số bằng: 9Y 074 bt Quyết định số: 706/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1980

653 Liệt sĩ: **VƯƠNG QUỐC TRỊ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1975

Số bằng: PZ 551 bm Quyết định số: 424 TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

654 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MỜI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 3 năm 1951

Số bằng: ZT 843 bp Quyết định số: 125/Ttga ngày 7 tháng 6 năm 1960

655 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN QUÁN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1975

Số bằng: QI 576 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 5 tháng 2 năm 1976

656 Liệt sĩ: **LÊ HUY ĐÔNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh

Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1969
Số bằng: OĐ 255 bm Quyết định số: 517/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1974

- 657 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH PHỤNG**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Tân Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1967
Số bằng: HM 063 cm Quyết định số: 37/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971
- 658 Liệt sĩ: **NGUYỄN LƯƠNG CHÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1970
Số bằng: HI 806 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974
- 659 Liệt sĩ: **TRỊNH DUY KHE**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AV 651 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971
- 660 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỒI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tế Tân, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 8 năm 1953
Số bằng: ZT 150 bp Quyết định số: 091/Ttga ngày 11 tháng 4 năm 1960
- 661 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ HÂN**
Cán bộ kinh tài tỉnh, Nguyên quán: xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 2Q 852 cm Quyết định số: 425/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978
- 662 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KÈN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tùng Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 9 năm 1974
Số bằng: PĐ 924 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975
- 663 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuy Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EP 570 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973
- 664 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG SONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 8 năm 1949
Số bằng: ZU 212 bp Quyết định số: 128/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1960
- 665 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH TUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MA 676 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970
- 666 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CHÍ**

Chiến sỹ thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1972
Số bằng: IM 457 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1973

667 Liệt sỹ: **NGUYỄN VĂN MẠNH**

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1969
Số bằng: TG 492 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

668 Liệt sỹ: **TRẦN BÁ TẠNG**

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: PS 949 bm Quyết định số: 395/Ttga ngày 30 tháng 9 năm 1975

669 Liệt sỹ: **TRƯƠNG QUANG BÌNH**

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 8O 434 bm Quyết định số: 509/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979

670 Liệt sỹ: **LÂM HỮU SINH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tượng Văn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZU 209 bp Quyết định số: 128/Ttga ngày 10 tháng 6 năm 1960

671 Liệt sỹ: **NGUYỄN THẾ QUANG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tượng Văn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 1 năm 1952

Số bằng: ZU 200 bp Quyết định số: 128/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1960

672 Liệt sỹ: **NGUYỄN HOÀNG OANH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1968
Số bằng: PM 175 bm Quyết định số: 114/TTga ngày 22 tháng 4 năm 1969

673 Liệt sỹ: **HÀ MINH SÁNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1972
Số bằng: EM 794 bm Quyết định số: 102/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1968

674 Liệt sỹ: **HÀ VĂN BÔNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 8 năm 1981
Số bằng: D 534 bt Quyết định số: 051/CTKT ngày 18 tháng 2 năm 1983

675 Liệt sỹ: **HÀ VĂN CÚC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1969

Số bằng: BE 102 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1971

- 676 Liệt sĩ: **HÀ VĂN CHÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1970
Số bằng: PN 608 bm Quyết định số: 337/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1975
- 677 Liệt sĩ: **LÊ HỮU YẾN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Hòa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1967
Số bằng: ST 010 bm Quyết định số: 32/Ttga ngày 11 tháng 1 năm 1977
- 678 Liệt sĩ: **HÀ VĂN DIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1972
Số bằng: LD 715 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974
- 679 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ĐÓ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9M 785 bt Quyết định số: 200/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980
- 680 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HAI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1969
Số bằng: NO 735 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1974
- 681 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HỘI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9Y 092 bt Quyết định số: 706/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1980
- 682 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LĂNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 0 tháng 8 năm 1949
Số bằng: EV 583 kp Quyết định số: 270/TTga ngày 11 tháng 4 năm 2002
- 683 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LỊCH**
Tự vệ mỏ than, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1972
Số bằng: GD 143 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973
- 684 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1974
Số bằng: UL 293 bm Quyết định số: 225/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 685 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LONG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1973
Số bằng: SE 048 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

- 686 Liệt sĩ: **HÀ VĂN MỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HP 394 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974
- 687 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NỘI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1969
Số bằng: UO 452 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 688 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NONG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1968
Số bằng: UO 458 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 689 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NOI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8X 677 bt Quyết định số: 740/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 690 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NỮ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1970
Số bằng: ON 926 bm Quyết định số: 65/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1975
- 691 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NGÔ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1972
Số bằng: NT 071 bm Quyết định số: 416/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1974
- 692 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NHÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1969
Số bằng: UK 473 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 693 Liệt sĩ: **HÀ VĂN QUẢNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 3 năm 1983
Số bằng: AB 563 bt Quyết định số: 188/CTKT ngày 6 tháng 6 năm 1984
- 694 Liệt sĩ: **HÀ VĂN QUÂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1967
Số bằng: OG 801 bm Quyết định số: 617/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974
- 695 Liệt sĩ: **HÀ VĂN SỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1969

Số bằng: NP 969 bm Quyết định số: 415/TTGa ngày 15 tháng 8 năm 1974

696 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TIẾN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1972
Số bằng: SA 822 bm Quyết định số: 393/TTGa ngày 5 tháng 10 năm 1976

697 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TIẾN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1969
Số bằng: GL 621 bm Quyết định số: 424/TTGa ngày 29 tháng 9 năm 1973

698 Liệt sĩ: **LÒ VĂN LIÊN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: NO 749 bm Quyết định số: 398/TTGa ngày 2 tháng 8 năm 1974

699 Liệt sĩ: **LÒ VĂN NHI**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 9 năm 1984
Số bằng: BB 803 bt Quyết định số: 83/CTKT ngày 3 tháng 9 năm 1986

700 Liệt sĩ: **LÒ VĂN PÊNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 6 năm 1986
Số bằng: BQ 836 bt Quyết định số: 240/CTKT ngày 10 tháng 21 năm 1987

701 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN KIN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1972
Số bằng: SE 009 bm Quyết định số: 482/TTGa ngày 6 tháng 11 năm 1976

702 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN KHUYỀN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1971
Số bằng: ĐB 132 bm Quyết định số: 387/TTGa ngày 19 tháng 9 năm 1972

703 Liệt sĩ: **NGÂN VĂN CẨM**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1969
Số bằng: UQ 026 bm Quyết định số: 202/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1977

704 Liệt sĩ: **NGÂN VĂN CHIẾU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1971
Số bằng: NO 769 bm Quyết định số: 398/TTGa ngày 2 tháng 8 năm 1974

705 Liệt sĩ: **NGÂN VĂN KỶ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh

Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1969
Số bằng: UQ 247 bm Quyết định số: 223/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

706 Liệt sĩ: **NGÂN VĂN SÀN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1969
Số bằng: PD 994 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

707 Liệt sĩ: **NGÂN VĂN THÀN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1969
Số bằng: AP 450 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

708 Liệt sĩ: **NGÂN XUÂN NGUYỄN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1972
Số bằng: GD 163 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973

709 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TOÁN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1968
Số bằng: SM 194 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

710 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ LÝ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Mỹ, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1970
Số bằng: KL 998 bm Quyết định số: 578/Ttga ngày 19 tháng 12 năm 1973

711 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY CẢNH**

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Thủy, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 1 năm 1985
Số bằng: BB 552 bt Quyết định số: 103/CTKT ngày 16 tháng 4 năm 1986

712 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH MỪNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thăng Long, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 5 năm 1954
Số bằng: ZT 209 bp Quyết định số: 102/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1960

713 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TUYNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thăng Long, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1969
Số bằng: UP 861 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

714 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT CHÂU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thăng Long, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 9 năm 1949
Số bằng: ZT 315 bp Quyết định số: 102/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1960

715 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH THI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1972
Số bằng: UO 103 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

716 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THẬN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: AG 352 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971

717 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KÉN**

Dân công, Nguyên quán: xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KM 036 cm Quyết định số: 107/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1973

718 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TÙY**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1971
Số bằng: ĐR 257 bm Quyết định số: 05/Ttga ngày 6 tháng 11 năm 1973

719 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGUYỄN**

Công nhân thuyền nan, Nguyên quán: xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1967
Số bằng: HM 520 cm Quyết định số: 37/Ttga ngày 27 tháng 1 năm 1972

720 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH NHUNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1970
Số bằng: HP 516 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

721 Liệt sĩ: **VŨ NGỌC ĐIỀU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1965
Số bằng: MZ 583 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

722 Liệt sĩ: **PHẠM ĐĂNG THÀNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1967
Số bằng: ST 081 bm Quyết định số: 32 TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

723 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐƯỜNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1967
Số bằng: BL 350 bm Quyết định số: 28/Ttga ngày 25 tháng 1 năm 1972

724 Liệt sĩ: **LÊ HỮU TRÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1971
Số bằng: LS 703 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974

- 725 Liệt sĩ: **ĐỖ VIỆT KÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1967
Số bằng: BK 301 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972
- 726 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH LƯU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZQ 3,411 bp Quyết định số: 329/Ttga ngày 9 tháng 1 năm 1959
- 727 Liệt sĩ: **HOÀNG KHẮC DƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tiến, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1967
Số bằng: TD 079 bm Quyết định số: 540/Ttga ngày 30 tháng 11 năm 1976
- 728 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH CHÍNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1969
Số bằng: KO 363 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974
- 729 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU CẦU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZQ 4,951 bp Quyết định số: 02/Ttga ngày 1 tháng 1 năm 1960
- 730 Liệt sĩ: **HOÀNG KHẮC DƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1967
Số bằng: TD 079 bm Quyết định số: 540/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976
- 731 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẠO**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Viên, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 9 năm 1965
Số bằng: CZ 837 bm Quyết định số: 31/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1992
- 732 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH BÁM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 11 năm 1953
Số bằng: ZR 160 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 733 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH CHÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MI 610 bm Quyết định số: 139/Ttga ngày 8 tháng 6 năm 1970
- 734 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LỄ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh

- Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 11 năm 1952
Số bằng: ZR 018 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 1 tháng 1 năm 1960
- 735 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH THIỀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZR 102 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 1 tháng 1 năm 1960
- 736 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU CHIỀU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 11 năm 1952
Số bằng: ZQ 4,967 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 1 tháng 1 năm 1960
- 737 Liệt sĩ: **ĐINH QUANG VỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1968
Số bằng: QM 682 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969
- 738 Liệt sĩ: **ĐỖ DUY VỤ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UK 403 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 739 Liệt sĩ: **HÀ HỮU PHÁC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1972
Số bằng: YE 183 bm Quyết định số: 406 TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977
- 740 Liệt sĩ: **HÀ QUANG NHUẬN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1974
Số bằng: OG 413 bm Quyết định số: 572/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1974
- 741 Liệt sĩ: **HOÀNG KIM HUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1969
Số bằng: EK 711 bm Quyết định số: 177 TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973
- 742 Liệt sĩ: **HOÀNG THỊ ĐỨC**
Công nhân ban xây dựng 67, Bộ giao thông vận tải, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1971
Số bằng: HM 707 cm Quyết định số: 244/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1972
- 743 Liệt sĩ: **LÃ ANH TƯ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 3 năm 1981
Số bằng: A 102 bt Quyết định số: 252/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982
- 744 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG HIỀU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1970

Số bằng: CĐ 771 bm Quyết định số: 213/TTGa ngày 1 tháng 6 năm 1972

745 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH BÌNH**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 6 năm 1975
Số bằng: 9R 345 bt Quyết định số: 515/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1980

746 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH BÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 1 năm 1980
Số bằng: 1AA 456 bt Quyết định số: 09/TTGa ngày 9 tháng 1 năm 1981

747 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH CÀN**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1970
Số bằng: CL 355 bm Quyết định số: 301/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1972

748 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH DÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1969
Số bằng: ED 491 bm Quyết định số: 98/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1973

749 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH HOÀNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1968
Số bằng: GR 847 bm Quyết định số: 519/TTGa ngày 29 tháng 11 năm 1973

750 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH NHẤT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 3 năm 1950
Số bằng: HA 906 bP Quyết định số: 425/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 2006

751 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH OANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1952
Số bằng: LC 673 bp Quyết định số: 279/TTGa ngày 6 tháng 1 năm 1974

752 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH PHÚ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KS 551 bm Quyết định số: 170/TTGa ngày 18 tháng 4 năm 1974

753 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH QUANG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1968
Số bằng: EA 101 bm Quyết định số: 77/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1973

754 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH THẨM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 12 năm 1982
Số bằng: GI 757 bt Quyết định số: 57/TTga ngày 8 tháng 1 năm 2004

755 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH TRẠCH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1968
Số bằng: SA 806 bm Quyết định số: 393/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

756 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH VĂN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1974
Số bằng: UK 247 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

757 Liệt sĩ: **LÊ HỮU TÂM**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1968
Số bằng: QM 815 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969

758 Liệt sĩ: **LÊ MẠNH TOÁN**

Trợ lý tham mưu tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1971
Số bằng: KS 617 bm Quyết định số: 170/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1974

759 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC CĂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1969
Số bằng: AS 506 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971

760 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ HÀN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1969
Số bằng: YA 232 bm Quyết định số: 383/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

761 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ÂN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1973
Số bằng: QS 004 bm Quyết định số: 114/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1976

762 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BẦY**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1969
Số bằng: HI 681 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1974

763 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CÔNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1969
Số bằng: ĐR 372 bm Quyết định số: 13/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1973

764 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HỢP**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1966
Số bằng: KL 342 bm Quyết định số: 549/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1973

765 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỢI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: SE 040 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

766 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MẠNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 2 năm 1968
Số bằng: PM 172 bm Quyết định số: 114/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1969

767 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SÁU**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1970
Số bằng: GR 876 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973

768 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÀNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1972
Số bằng: RH 667 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1976

769 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN KIÊM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1970
Số bằng: VL 765 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

770 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÌNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1972
Số bằng: SE 155 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

771 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUẢNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1970
Số bằng: OP 673 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1975

772 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯỜNG**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1970
Số bằng: LH 425 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974

773 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGHĨA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1972
Số bằng: KL 199 bm Quyết định số: 142/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

774 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU NGHỊ**

Công nhân ty lâm nghiệp tỉnh Thanh Hóa, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1972
Số bằng: MM 391 cm Quyết định số: 455/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1974

775 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DỪNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 12 năm 1952
Số bằng: EC 270 bp Quyết định số: 233/TTga ngày 6 tháng 0 năm 1972

776 Liệt sĩ: **TRỊNH BÁ XUÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KS 833 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 16 tháng 4 năm 1974

777 Liệt sĩ: **TRỊNH THÀNH PHƯƠNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1972
Số bằng: KS 557 bm Quyết định số: 170/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1974

778 Liệt sĩ: **LÊ SỸ BÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 1 năm 1954
Số bằng: ZQ 738 bp Quyết định số: 176/Ttga ngày 4 tháng 5 năm 1959

779 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN ĐẠO**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1970
Số bằng: NP 327 bm Quyết định số: 381/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1974

780 Liệt sĩ: **CAO DUY BÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1966
Số bằng: UP 621 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

781 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH LỘC**

Cán bộ, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1965
Số bằng: IZ 375 cm Quyết định số: 166/Ttga ngày 23 tháng 11 năm 1966

782 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH THOẠI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1946
Số bằng: ZB 724 bm Quyết định số: 170/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957

783 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LAM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1970
Số bằng: KD 396 bm Quyết định số: 509/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973

- 784 **Liệt sĩ: LÊ ĐÌNH SEN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1968
Số bằng: BA 135 bm Quyết định số: 1341/Ttga ngày 30 tháng 5 năm 1971
- 785 **Liệt sĩ: LÊ ĐỨC CHUNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1969
Số bằng: EA 224 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973
- 786 **Liệt sĩ: LÊ ĐỨC KIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MA 552 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970
- 787 **Liệt sĩ: LÊ ĐỨC MỘC**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1966
Số bằng: ON 938 bm Quyết định số: 65/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1975
- 788 **Liệt sĩ: LÊ ĐỨC TÝ**
Trợ lý chính trị trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ĐB 185 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972
- 789 **Liệt sĩ: LÊ ĐỨC THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1968
Số bằng: QM 795 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969
- 790 **Liệt sĩ: LÊ MINH HUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MĐ 877 bm Quyết định số: 109/Ttga ngày 7 tháng 5 năm 1970
- 791 **Liệt sĩ: LÊ TRỌNG TRUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1967
Số bằng: TK 401 bm Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977
- 792 **Liệt sĩ: LÊ VĂN HIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 12 năm 1952
Số bằng: ZB 727 bp Quyết định số: 170/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1957
- 793 **Liệt sĩ: LÊ VĂN HUÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1966

Số bằng: UO 577 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

- 794 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1952
Số bằng: ZP 285 bp Quyết định số: 001/Ttga ngày 5 tháng 1 năm 1959
- 795 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRIẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KS 679 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 796 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN LỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1967
Số bằng: MA 644 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970
- 797 Liệt sĩ: **LỮ VĂN VINH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1974
Số bằng: UK 372 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 798 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ THƯỚC**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1965
Số bằng: AĐ 083 bm Quyết định số: 24/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1971
- 799 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÚ CƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KL 025 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974
- 800 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẦY**
Trợ lý chính trị tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1968
Số bằng: ĐB 070 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972
- 801 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẠNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1969
Số bằng: QR 861 bm Quyết định số: 122/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976
- 802 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1967
Số bằng: CL 372 bm Quyết định số: 301/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972
- 803 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1954
Số bằng: ZP 261 bp Quyết định số: 001/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959

804 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỖ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1951
Số bằng: ZM 428 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 4 tháng 10 năm 1958

805 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÝ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 11 năm 1952
Số bằng: ZP 275 bp Quyết định số: 001/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959

806 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ LỢI**

Công nhân Cục Vận tải, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1967
Số bằng: EM 039 cm Quyết định số: 62/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

807 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU CÔI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1968
Số bằng: RM 506 bm Quyết định số: 192/TTga ngày 7 tháng 11 năm 1969

808 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG VINH**

Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1971
Số bằng: LT 570 bm Quyết định số: 336/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1974

809 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH HÁN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 5S 384 bm Quyết định số: 1008/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

810 Liệt sĩ: **LÊ HỮU HUYNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 1 năm 1953
Số bằng: EC 219 bp Quyết định số: 234/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972

811 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG QUANG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1974
Số bằng: SA 910 bm Quyết định số: 394/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

812 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN BÔI**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1971
Số bằng: TĐ 112 bm Quyết định số: 540 TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

813 Liệt sĩ: **LÊ HỮU Ê**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân, tỉnh

Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1951
Số bằng: ZQ 1,929 bp Quyết định số: 257 TTg ngày 2 tháng 7 năm 1959

814 Liệt sĩ: **LÊ SỸ TRINH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1967
Số bằng: ĐR 217 bm Quyết định số: 05/TTGa ngày 6 tháng 1 năm 1973

815 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUYNH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1969
Số bằng: OP 425 bm Quyết định số: 20/TTGa ngày 18 tháng 1 năm 1975

816 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG CHIẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1970
Số bằng: NA 661 bm Quyết định số: 305 TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1974

817 Liệt sĩ: **NGUYỄN LƯƠNG THU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Xương, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1972
Số bằng: OR 700 bm Quyết định số: 105/TTGa ngày 26 tháng 3 năm 1975

818 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUẾ**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1975
Số bằng: YE 213 bm Quyết định số: 406/TTGa ngày 9 tháng 5 năm 1977

819 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỨC**

Trợ lý quân giới tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1971
Số bằng: KV 551 bm Quyết định số: 147/TTGa ngày 9 tháng 4 năm 1974

820 Liệt sĩ: **QUÁCH HỮU VIỆT**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HR 341 bm Quyết định số: 454/TTGa ngày 23 tháng 10 năm 1973

821 Liệt sĩ: **HÀ MINH HUÂN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tri Năng, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 81 072 bm Quyết định số: 368/TTGa ngày 23 tháng 5 năm 1979

822 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG TAM**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tri Năng, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 10 năm 1979

Số bằng: 1AA 599 bt Quyết định số: 06/TTGa ngày 9 tháng 1 năm 1981

- 823 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN DUYÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AV 538 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971
- 824 **Liệt sĩ: ĐINH VĂN YẾM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Thượng, huyện Quan Hóa, Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 12 năm 1982
Số bằng: AK 539 bt Quyết định số: 426 CTKT ngày 12 tháng 12 năm 1984
- 825 **Liệt sĩ: HÀ VĂN NGUYỄN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Xuân, huyện Quán Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 5 năm 1981
Số bằng: ĐM 346 bt Quyết định số: 669/Ttga ngày 8 tháng 2 năm 1997
- 826 **Liệt sĩ: ĐÀO VĂN BÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung ý, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9M 642 bt Quyết định số: 220/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980
- 827 **Liệt sĩ: LÊ XUÂN HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung ý, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1964
Số bằng: GZ 807 bm Quyết định số: 110/Ttga ngày 14 tháng 8 năm 1964
- 828 **Liệt sĩ: LÊ XUÂN NGHỊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung ý, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 2Đ 743 bm Quyết định số: 1171/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 829 **Liệt sĩ: NGUYỄN THANH CHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung ý, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1972
Số bằng: PY 036 bm Quyết định số: 395/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975
- 830 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN PHÁN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1953
Số bằng: ZU 193 bp Quyết định số: 128/Ttga ngày 10 tháng 6 năm 1960
- 831 **Liệt sĩ: NGUYỄN BÁ ĐẠT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1972
Số bằng: KD 337 bm Quyết định số: 509/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973
- 832 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH TRUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Trung, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1972
Số bằng: SN 789 bm Quyết định số: 579 TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

- 833 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH TRUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Trung, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZU 278 bp Quyết định số: 128/TTGa ngày 10 tháng 6 năm 1960
- 834 **Liệt sĩ: NGUYỄN XUÂN LAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Trung, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1954
Số bằng: ZK 179 bp Quyết định số: 467/TTGa ngày 10 tháng 10 năm 1957
- 835 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CHỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Hòa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1968
Số bằng: EM 914 bm Quyết định số: 102/TTGa ngày 8 tháng 6 năm 1968
- 836 **Liệt sĩ: TRƯƠNG CÔNG LONG**
Phó phòng kế toán ngân hàng tỉnh Quảng Ninh, Nguyên quán: xã Vạn Hòa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: EM 658 cm Quyết định số: 220/TTGa ngày 17 tháng 9 năm 1970
- 837 **Liệt sĩ: LÊ VĂN VY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 5 năm 1983
Số bằng: AC 443 bt Quyết định số: 213/CTKT ngày 20 tháng 6 năm 1984
- 838 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN KHANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 1 năm 1954
Số bằng: ZU 333 bp Quyết định số: 130/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1960
- 839 **Liệt sĩ: ĐỒNG KHÁC RỖ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1969
Số bằng: CY 953 bm Quyết định số: 419/Ttga ngày 5 tháng 10 năm 1972
- 840 **Liệt sĩ: NGUYỄN QUANG VIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 12 năm 1961
Số bằng: CZ 872 bm Quyết định số: 157/TTGa ngày 26 tháng 5 năm 1972
- 841 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỊ CHÂN**
Giáo sinh, Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1972
Số bằng: MM 215 cm Quyết định số: 333/TTGa ngày 27 tháng 6 năm 1974
- 842 **Liệt sĩ: CÀM BÁ CẦU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9R 367 bt Quyết định số: 515 TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1980

- 843 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1971
Số bằng: TG 504 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977
- 844 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1968
Số bằng: AV 738 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971
- 845 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1968
Số bằng: HI 696 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1974
- 846 Liệt sĩ: **HÀ VĂN CHÓN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Nho, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UH 784 bm Quyết định số: 116/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1977
- 847 Liệt sĩ: **LƯƠNG XUÂN ẸT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Nho, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1968
Số bằng: NP 340 bm Quyết định số: 381/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1974
- 848 Liệt sĩ: **LÊ KIM LƯƠNG**
Trợ lý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1970
Số bằng: VT 854 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 849 Liệt sĩ: **NGÔ NGỌC TOÀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1969
Số bằng: YE 100 bm Quyết định số: 356 TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 850 Liệt sĩ: **VŨ NGUYỄN HÙNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1972
Số bằng: NA 770 bm Quyết định số: 298 TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974
- 851 Liệt sĩ: **HOÀNG BÁ LÂM**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1965
Số bằng: QT 763 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976
- 852 Liệt sĩ: **PHẠM TRẦN THẮNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1971

Số bằng: OD 325 bm Quyết định số: 517 TTga ngày 7 tháng 4 năm 1974

853 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÁN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1971
Số bằng: NB 504 bm Quyết định số: 311/TTga ngày 18 tháng 6 năm 1974

854 Liệt sĩ: **TRẦN ĐĂNG KIẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1947
Số bằng: ZQ 777 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1959

855 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Châu, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1968
Số bằng: VA 056 bm Quyết định số: 181/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

856 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỊNH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Châu, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 12 năm 1984
Số bằng: BB 429 bt Quyết định số: 103/CTKT ngày 4/ tháng 6/ năm 1986

857 Liệt sĩ: **LÊ DUY DUNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1968
Số bằng: AR 649 Quyết định số: 145 TTga ngày 25 tháng 6 năm 1971

858 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC TỌ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1970
Số bằng: GI 414 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1973

859 Liệt sĩ: **LÊ PHÚC BẰNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1968
Số bằng: LS 488 bm Quyết định số: 264/Ttga ngày 25 tháng 5 năm 1974

860 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH ĐÔNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1951
Số bằng: YZ 395 bp Quyết định số: 1191/Ttga ngày 22 tháng 12 năm 1956

861 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT TỆNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1970
Số bằng: VA 152 bm Quyết định số: 181/Ttga ngày 22 tháng 3 năm 1977

862 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH LUÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1964
Số bằng: AG 229 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971

863 Liệt sĩ: **VI VĂN THANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 8 năm 1968
Số bằng: DD 549 bm Quyết định số: 158/CTKT ngày 8 tháng 8 năm 1992

864 Liệt sĩ: **BÙI VĂN RẠNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1974
Số bằng: ST 055 bm Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

865 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN THÚY**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Quang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 0 tháng 9 năm 1986
Số bằng: CL 428 bt Quyết định số: 184/CTKT ngày 17 tháng 10 năm 1990

866 Liệt sĩ: **LÊ QUÝ HỢP**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Quang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 1 năm 1971
Số bằng: HT 504 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

867 Liệt sĩ: **LÊ THIÊN THUỘC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Quang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AP 475 Quyết định số: 318/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1971

868 Liệt sĩ: **LÊ THIÊN TRUNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Quang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1972
Số bằng: PY 045 bm Quyết định số: 395/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975

869 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Quang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 1 năm 1978
Số bằng: 6N 662 bt Quyết định số: 1011/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

870 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN PHÚC**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Quang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1972
Số bằng: PL 558 bm Quyết định số: 394/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975

871 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN THÌN**

Công nhân lái xe ô tô tải, Nguyên quán: xã Xuân Quang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KM 995 cm Quyết định số: 324/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1973

872 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN THÌNH**

Công nhân Bộ kiến trúc, Nguyên quán: xã Xuân Quang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KM 995 cm Quyết định số: 324/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1973

873 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN NGHI**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Quang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1966
Số bằng: IZ 437 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966

874 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH CHUNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thành, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1968
Số bằng: KX 511 bm Quyết định số: 71/TTga ngày 25 tháng 2 năm 1974

875 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC DƯƠNG**

Tiểu đội phó Công An nhân dân vũ trang, Nguyên quán: xã Xuân Thành, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 6N 661 bt Quyết định số: 1011/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

876 Liệt sĩ: **LÊ KHẢ BA**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thành, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1975
Số bằng: TK 234 bm Quyết định số: 569/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1976

877 Liệt sĩ: **LÊ QUÍ CÚC**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thành, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1968
Số bằng: LD 273 bm Quyết định số: 96/TTga ngày 12 tháng 3 năm 1974

878 Liệt sĩ: **LÊ QUÍ HOÀN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thành, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QĐ 215 bm Quyết định số: 474/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1975

879 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LÝ**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1968
Số bằng: YV 112 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

880 Liệt sĩ: **HOÀNG MINH HẢI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Vinh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1972
Số bằng: SN 936 bm Quyết định số: 32/Ttga ngày 11 tháng 1 năm 1977

881 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN SƠN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Vinh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972
Số bằng: GX 209 bm Quyết định số: 435/TTga ngày 9 tháng 10 năm 1973

- 882 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH LẠC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZR 539 bp Quyết định số: 02/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 883 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1968
Số bằng: SM 161 bm Quyết định số: 194/TTGa ngày 14 tháng 11 năm 1969
- 884 Liệt sĩ: **BÙI QUANG TẢ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1969
Số bằng: RB 772 bm Quyết định số: 208/TTGa ngày 28 tháng 5 năm 1976
- 885 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH CHUY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Ninh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 6 năm 1951
Số bằng: ZT 919 bp Quyết định số: 125/TTGa ngày 7 tháng 6 năm 1960
- 886 Liệt sĩ: **VI CHÍ THANH**
Đại Đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1969
Số bằng: YG 035 bm Quyết định số: 368 TTGa ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 887 Liệt sĩ: **VI HỒNG TINH**
Trợ lý tác huấn tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1973
Số bằng: PS 962 bm Quyết định số: 395 TTGa ngày 30 tháng 9 năm 1975
- 888 Liệt sĩ: **VI VĂN ĐIỆN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1971
Số bằng: VL 570 bm Quyết định số: 327 TTGa ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 889 Liệt sĩ: **LÊ MẠNH HÙNG**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Phong, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 1AA 526 bt Quyết định số: 09 TTGa ngày 9 tháng 1 năm 1981
- 890 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN DŨNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QT 619 bm Quyết định số: 221/TTGa ngày 5 tháng 6 năm 1976
- 891 Liệt sĩ: **LƯƠNG ĐÌNH QUÂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1975

Số bằng: UH 489 bp Quyết định số: 117 TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

892 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tiểu khu Ba Đình, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1973
Số bằng: UO 377 bm Quyết định số: 178 TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

893 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH TRUNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Triều Dương, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UK 662 bm Quyết định số: 110 TTga ngày 1 tháng 3 năm 1977

894 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN CÀN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1973
Số bằng: DE 465 Quyết định số: 215/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

895 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TỬ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MG 438 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

896 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TƯƠI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1967
Số bằng: HP 482 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

897 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TƯỞI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1971
Số bằng: GC 188 bm Quyết định số: 251/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1973

898 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THẮNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1973
Số bằng: OP 686 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1975

899 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THUÔN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1974
Số bằng: QV 816 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

900 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THỪ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Lâm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1970
Số bằng: TH 877 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

901 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THƯƠNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Nho, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1968

Số bằng: LM 694 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1969

902 Liệt sĩ: **HÀ VĂN XIÊM**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 9 năm 1953
Số bằng: ZQ 1,427 bp Quyết định số: 209/Ttga ngày 1 tháng 6 năm 1959

903 Liệt sĩ: **HÀ VĂN YẾN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Nho, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1969
Số bằng: UP 297 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

904 Liệt sĩ: **HÀN VĂN ĐƯƠNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 6 năm 1980
Số bằng: 2AB 434bt Quyết định số: 205/CTKT ngày 28 tháng 7 năm 1982

TỈNH BẾN TRE

905 Liệt sĩ: **LÊ QUANG NĂM**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Nhơn, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1961
Số bằng: 1Z 084 km Quyết định số: 1708/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1977

906 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngãi Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1972
Số bằng: 3Y 506 bm Quyết định số: 1724/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1977

907 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁU**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 5E 727 bm Quyết định số: 438/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978

908 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NAI**

Cán bộ Ban chấp hành nông dân cứu quốc xã, Nguyên quán: xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 9 năm 1947
Số bằng: CU 512 cp Quyết định số: 168/CTKT ngày 12 tháng 7 năm 1991

909 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LÀNH**

Giao liên xã, Nguyên quán: xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 4B 251 cm Quyết định số: 665/TTga ngày 20 tháng 9 năm 1979

910 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUANG**

Tổ trưởng giao liên xã, Nguyên quán: xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1964
Số bằng: 4L 809 cm Quyết định số: 704/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1980

911 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRÂU**

Cán bộ cơ sở xã, Nguyên quán: xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 2 năm 1947
Số bảng: YC 543 cp Quyết định số: 871/TTga ngày 19 tháng 11 năm 1979

- 912 Liệt sĩ: **MAI VĂN ĐỨC**
Phân đội phó trình sát huyện đội, Nguyên quán: xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1974
Số bảng: EO 146 bm Quyết định số: 756/QĐ/TTg ngày 19 tháng 6 năm 2001
- 913 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SANH**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Vinh Thới, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1970
Số bảng: 2L 570 km Quyết định số: 272/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 914 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGUỒN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vinh Thới, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 1 năm 1969
Số bảng: 5Z 723 bm Quyết định số: 839/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1978
- 915 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH PHONG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1966
Số bảng: 3M 247 bm Quyết định số: 1522/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1977
- 916 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN GÁM**
Cán bộ kinh tài ấp, Nguyên quán: xã Thới Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1963
Số bảng: 2R 274 cm Quyết định số: 536/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1978
- 917 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÁ**
Trưởng Ban công an xã, Nguyên quán: xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 9 năm 1949
Số bảng: SC 553 cp Quyết định số: 1507/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978
- 918 Liệt sĩ: **TRẦN THANH TÂN**
Bí thư chi bộ thị trấn, Nguyên quán: xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1961
Số bảng: 3X 351 cm Quyết định số: 354/TTga ngày 21 tháng 5 năm 1979
- 919 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN RÊ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1968
Số bảng: 8U 803 bm Quyết định số: 730/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 920 Liệt sĩ: **VĂN CÔNG KHANH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh An, Thành Phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bảng: 6A 268 bm Quyết định số: 892/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1978

- 921 Liệt sĩ: **BÙI THỊ MƯỜI**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hưng, Thành Phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1969
 Số bằng: 6A 328 bm Quyết định số: 818/TTGa ngày 28 tháng 7 năm 1978
- 922 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH TÂM**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Thạnh An, Thành Phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 12 năm 1984
 Số bằng: Bt 248 bt Quyết định số: 269/CTKT ngày 27 tháng 12 năm 1988
- 923 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC ĐANG**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 8, Thành Phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 12 năm 1986
 Số bằng: CH 653 bt Quyết định số: 204/CTKT ngày 3 tháng 11 năm 1990
- 924 Liệt sĩ: **VÕ THÀNH CHÂU**
 Công an xã, Nguyên quán: xã Thành Triệu, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 12 năm 1953
 Số bằng: DK 050 cp Quyết định số: 45/TTGa ngày 4 tháng 9 năm 1993
- 925 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐÁ**
 Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Lộc, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1974
 Số bằng: 3E 747 bm Quyết định số: 1480/TTGa ngày 9 tháng 11 năm 1977
- 926 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN CẦU**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1967
 Số bằng: 3N 627 km Quyết định số: 35/TTGa ngày 10 tháng 1 năm 1979
- 927 Liệt sĩ: **LÊ THÀNH BI**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Ngãi, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1972
 Số bằng: 9X 562 bm Quyết định số: 638/TTGa ngày 8 tháng 10 năm 1980
- 928 Liệt sĩ: **HỒ VĂN BÁNH**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1972
 Số bằng: 5E 183 bm Quyết định số: 488/TTGa ngày 15 tháng 5 năm 1978
- 929 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRONG**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 2 năm 1948
 Số bằng: 11C 427 bp Quyết định số: 866/TTGa ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 930 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHƯƠNG**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 11 năm 1950
 Số bằng: 1LC 154 bP Quyết định số: 927/TTGa ngày 23 tháng 8 năm 1978

- 931 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN VĂN**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1961
Số bằng: CS 418 cm Quyết định số: 57/CTKT ngày 12 tháng 3 năm 1991
- 932 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 7 năm 1986
Số bằng: Bt 303 bt Quyết định số: 269/CTKT ngày 27 tháng 12 năm 1988
- 933 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ THANH**
Hội mẹ chiến sĩ, Nguyên quán: xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1960
Số bằng: AL 776 cm Quyết định số: 39/CTKT ngày 13 tháng 2 năm 1985
- 934 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VĂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Túc, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 3A 942 bm Quyết định số: 1403/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 935 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỨC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1970
Số bằng: K 906 km Quyết định số: 161/CTKT ngày 5 tháng 11 năm 1983
- 936 Liệt sĩ: **HUỖNH THẾ KHẢI**
Hội nông dân cứu quốc, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1947
Số bằng: AD 450 cp Quyết định số: 230/CTKT ngày 13 tháng 7 năm 1984
- 937 Liệt sĩ: **PHẠM MINH TUẤN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 8 năm 1982
Số bằng: AD 627 bt Quyết định số: 210/CTKT ngày 20 tháng 6 năm 1984
- 938 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGỌ**
Ủy viên công an xã, Nguyên quán: xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 5 năm 1947
Số bằng: AT 421 cp Quyết định số: 382/CTKT ngày 7 tháng 11 năm 1984
- 939 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 3X 712 bm Quyết định số: 1779/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 940 Liệt sĩ: **VÕ VĂN GON**
Tiểu đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1966

Số bằng: 20 002 km Quyết định số: 411/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1978

- 941 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÀI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 6 năm 1952
Số bằng: 1HC 738bp Quyết định số: 757/TTga ngày 7 tháng 7 năm 1978
- 942 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG THIỆN**
Cán bộ Văn phòng Tỉnh ủy, Nguyên quán: xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1971
Số bằng: 3B 019 cm Quyết định số: 821/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1978
- 943 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TỜ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 3N 325 km Quyết định số: 57/TTga ngày 12 tháng 1 năm 1979
- 944 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẮT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 3X 992 km Quyết định số: 708/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1980
- 945 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHÌ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1966
Số bằng: 3X 859 km Quyết định số: 658/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1980
- 946 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1963
Số bằng: O 739 bm Quyết định số: 319/CTKT ngày 14 tháng 9 năm 1983
- 947 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÁU**
Trưởng Ban quản thủ điền thổ xã, Nguyên quán: xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1949
Số bằng: AG 523 cp Quyết định số: 317/CTKT ngày 26 tháng 9 năm 1984
- 948 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BON**
Trưởng Ban kinh tài xã, Nguyên quán: xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 1 năm 1969
Số bằng: AI 497 cm Quyết định số: 382/CTKT ngày 19 tháng 9 năm 1984
- 949 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỀN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lương Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1970
Số bằng: BX 155 km Quyết định số: 04/CTKT ngày 11 tháng 1 năm 1989
- 950 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BE**
Cán bộ binh vận thị trấn, Nguyên quán: thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1960
Số bằng: AL 758 cm Quyết định số: 39/CTKT ngày 13 tháng 2 năm 1985

- 951 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÂU**
Cán cự viên sơ cấp , Nguyên quán: xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1969
Số bằng: N 507 cm Quyết định số: 235/CTKT ngày 22 tháng 6 năm 1983
- 952 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 7G 486 bm Quyết định số: 1323/TTga ngày 22 tháng 11 năm 1978
- 953 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SANG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú Trung, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1961
Số bằng: 5U 131 bm Quyết định số: 673/TTga ngày 26 tháng 6 năm 1978
- 954 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN HỮU**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 3R 048 bm Quyết định số: 1644/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1977
- 955 Liệt sĩ: **LÊ THÀNH TRIỆU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 7Y 139 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1979
- 956 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRIỆU**
Giao liên xã, Nguyên quán: xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1964
Số bằng: 3T 337 cm Quyết định số: 57/TTga ngày 12 tháng 1 năm 1979
- 957 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHANH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1964
Số bằng: 2X 903 km Quyết định số: 821/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1978
- 958 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XEM**
Trưởng công trường , Nguyên quán: xã Phú An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1971
Số bằng: 2U 407 km Quyết định số: 660/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1978
- 959 Liệt sĩ: **CHÂU VĂN XÊ**
Cán bộ Bưu điện tỉnh, Nguyên quán: xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 3M 931 cm Quyết định số: 1250/TTga ngày 3 tháng 11 năm 1978
- 960 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỜI**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 10 năm 1953
Số bằng: 1HC 779bp Quyết định số: 818/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1978

961 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN MỒNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1973
Số bằng: 3Q 827 bm Quyết định số: 1643/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1977

962 Liệt sĩ: **HUỖNH KIM QUAN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Sơn Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1969
Số bằng: 3S 605 km Quyết định số: 699/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1979

963 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NINH**

Xã ủy viên, Nguyên quán: xã Đại Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1965
Số bằng: 3E 586 bm Quyết định số: 1622/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1977

964 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**

Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Châu Hưng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1962
Số bằng: 2M 389 bm Quyết định số: 281/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978

965 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TÂM**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Sơn, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1969
Số bằng: X 564 km Quyết định số: 36/CTKT ngày 15 tháng 2 năm 1984

966 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Châu Hưng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1964
Số bằng: 3S 560 km Quyết định số: 730/TTga ngày 14 tháng 9 năm 1964

967 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TRINH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quới Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1971
Số bằng: 5E 523 bm Quyết định số: 502/TTga ngày 17 tháng 5 năm 1978

968 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIÊM**

Chiến sĩ giao liên, Nguyên quán: xã Nhơn Thạnh, Thành Phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1960
Số bằng: 3B 919 cm Quyết định số: 842/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1978

969 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN RĂNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1963
Số bằng: 6D 590 bm Quyết định số: 866/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

- 970 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN DANH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thới Lai, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 2Q 149 km Quyết định số: 448/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978
- 971 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Hưng, Thành Phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1964
Số bằng: 4V 473 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 972 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRANH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 2 năm 1954
Số bằng: AI 409 kp Quyết định số: 382/CTKT ngày 7 tháng 11 năm 1984
- 973 Liệt sĩ: **PHAN VĂN AN**
Tiểu đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1963
Số bằng: 3L 787 km Quyết định số: 104/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1979
- 974 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**
Bí thư chi đoàn Thanh niên, Nguyên quán: xã Phú Túc, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 3G 324 cm Quyết định số: 928/TTga ngày 23 tháng 8 năm 1978
- 975 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÀI**
Tiểu đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã Phú Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 3 năm 1951
Số bằng: LC 871 kp Quyết định số: 1601/TTga ngày 24 tháng 2 năm 1978
- 976 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ THẮNG**
Trưởng đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1965
Số bằng: 4N 427 bm Quyết định số: 118/TTga ngày 15 tháng 2 năm 1978
- 977 Liệt sĩ: **LÊ HỮU PHÚ**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Vang Quới Tây, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1974
Số bằng: 2I 670 km Quyết định số: 119/TTga ngày 15 tháng 2 năm 1978
- 978 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIẾN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Hưng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 5O 304 bm Quyết định số: 548/TTga ngày 24 tháng 5 năm 1978
- 979 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỎ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 10 năm 1948
Số bằng: SC 020 kp Quyết định số: 708/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1980

- 980 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN QUANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1963
Số bằng: R 753 bm Quyết định số: 391/CTKT ngày 3 tháng 11 năm 1983
- 981 **Liệt sĩ: DƯƠNG VĂN SÂM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 3H 213 km Quyết định số: 1243/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1978
- 982 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN KHÁNH**
Ủy viên Ban lãnh đạo phòng công an thị xã, Nguyên quán: xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1969
Số bằng: 3R 360 cm Quyết định số: 1440/TTga ngày 18 tháng 12 năm 1978
- 983 **Liệt sĩ: LÊ PHÁT TÂN**
Phó chỉ huy trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 5Z 813 bm Quyết định số: 839/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1978
- 984 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CÔNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Sơn, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1947
Số bằng: QC 128 kp Quyết định số: 155/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1979
- 985 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN NĂM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Vang, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1960
Số bằng: 3S 627 km Quyết định số: 699/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1979
- 986 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN TỰ**
Tiểu đội trưởng du kích xã, Nguyên quán: xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 3S 055 km Quyết định số: 730/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 987 **Liệt sĩ: CAO VĂN LỊCH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 9 năm 1960
Số bằng: 3Z 081 km Quyết định số: 220/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1981
- 988 **Liệt sĩ: NGÔ VĂN HIỀU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Lương Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 1 năm 1983
Số bằng: AG 585 kt Quyết định số: 317/CTKT ngày 26 tháng 9 năm 1984
- 989 **Liệt sĩ: VÕ VĂN KIẾN**
Phó Ban kinh tài xã, Nguyên quán: xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 3R 427 cm Quyết định số: 104/TTga ngày 2 tháng 2 năm 1979

- 990 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TƯƠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1968
Số bằng: 2L 066 bm Quyết định số: 1157/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 991 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ TRINH**
Cán bộ phụ trách công tác giao liên huyện, Nguyên quán: thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1959
Số bằng: CK 170 cm Quyết định số: 48/CTKT ngày 7 tháng 4 năm 1990
- 992 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HƯNG**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Phú An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1969
Số bằng: 1M 407 km Quyết định số: 1395/TTga ngày 2 tháng 11 năm 1977
- 993 Liệt sĩ: **VÕ PHÁT QUANG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1966
Số bằng: 3R 109 bm Quyết định số: 1644/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1977

TỈNH HÀ TĨNH

- 994 Liệt sĩ: **CÙ VĂN HUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Ân, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1968
Số bằng: EP 097 bm Quyết định số: 172/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1973
- 995 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Đại, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1973
Số bằng: LA 544 bm Quyết định số: 82/TTga ngày 5 tháng 3 năm 1974
- 996 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HOÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Đại, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1973
Số bằng: LA 548 bm Quyết định số: 82/TTga ngày 5 tháng 3 năm 1974
- 997 Liệt sĩ: **PHAN THANH ĐỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Đại, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1975
Số bằng: UD 724 bm Quyết định số: 130/TTg ngày 9 tháng 3 năm 1977
- 998 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG TRÍ**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Đại, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1968
Số bằng: ĐK 762 bm Quyết định số: 484/TTga ngày 2 tháng 12 năm 1972
- 999 Liệt sĩ: **ĐẶNG SỸ HÒE**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Đại, huyện Hương Khê, tỉnh

Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1973
Số bằng: 4E 545 bm Quyết định số: 291/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978

1000 Liệt sĩ: **BÙI QUANG TÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Giang, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 3 năm 1979
Số bằng: PM 061 bt Quyết định số: 527/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1980

1001 Liệt sĩ: **TRẦN NĂM**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Đại, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 7 năm 1954
Số bằng: ZL 714 bP Quyết định số: 328/TTg ngày 1 tháng 7 năm 1958

1002 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LƯỢNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Liên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 6 năm 1979
Số bằng: 2AA 239 bt Quyết định số: 10/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1981

1003 Liệt sĩ: **PHAN ĐÌNH TRÍ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Liên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1972
Số bằng: UB 985 bm Quyết định số: 167/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1004 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍ THÀNH**

Chính trị viên Phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Liên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1969
Số bằng: RA 251 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

1005 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỊNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Liên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1967
Số bằng: LA 531 bm Quyết định số: 2.T.Tga ngày 5 tháng 3 năm 1999

1006 Liệt sĩ: **TRẦN NHẬT THỨ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Liên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1975
Số bằng: UR 542 bm Quyết định số: 446/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977

1007 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG TÂM**

Binh nhì Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Liên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1972
Số bằng: ĐS 774 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973

1008 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH ĐÀO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Giang, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1972
Số bằng: ĐS 539 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 14 tháng 2 năm 1973

1009 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DŨNG**

Công nhân thủy thủ, Nguyên quán: xã Đức Giang, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1968
Số bằng: KM 304 cm Quyết định số: 161/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1973

1010 Liệt sĩ: **CÙ HUY SƠN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Giang, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 1 năm 1975
Số bằng: QV 568 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

1011 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH THI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Giang, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1966
Số bằng: AH 205 bm Quyết định số: 107/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1971

1012 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THÁI**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Long, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 11 năm 1978
Số bằng: 9U 083 bt Quyết định số: 572/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1980

1013 Liệt sĩ: **THIỆU THỊ HÀ**

Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Kỳ Hoa, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KM 675 cm Quyết định số: 239/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1973

1014 Liệt sĩ: **LÊ MINH XÚNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1968
Số bằng: ĐS 907 bm Quyết định số: 51/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973

1015 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN BÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LO 662 bm Quyết định số: 199/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1974

1016 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN VƯƠNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1968
Số bằng: YQ 059 bm Quyết định số: 514/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

1017 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN VIỆT**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1968
Số bằng: UB 872 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1018 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN MAI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KB 290 bm Quyết định số: 116/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1974

- 1019 **Liệt sĩ: LÊ HÙNG VIỆT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Phương, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1975
Số bằng: UB 873 bm Quyết định số: 158/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1020 **Liệt sĩ: LÊ VĂN NHÃ**
Công nhân, Nguyên quán: xã Đức Thuận, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1971
Số bằng: HM 894 cm Quyết định số: 417/TTGa ngày 5 tháng 10 năm 1972
- 1021 **Liệt sĩ: NGUYỄN XUÂN ĐẬU**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UD 682 bm Quyết định số: 130/TTGa ngày 9 tháng 3 năm 1977
- 1022 **Liệt sĩ: LÊ TRỌNG MẠNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1973
Số bằng: PL 727 bm Quyết định số: 405/TTGa ngày 9 tháng 10 năm 1975
- 1023 **Liệt sĩ: LÊ TRỌNG THANH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968
Số bằng: AP 043 bm Quyết định số: 101/TTGa ngày 29 tháng 4 năm 1971
- 1024 **Liệt sĩ: HÀ VĂN THÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1985
Số bằng: DD 092 bm Quyết định số: 127/CTKT ngày 5 tháng 6 năm 1992
- 1025 **Liệt sĩ: BÙI TÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZC 805 bm Quyết định số: 171/TTGa ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 1026 **Liệt sĩ: ĐẶNG BÁ THÌN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Bàng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NG 780 bm Quyết định số: 317/TTGa ngày 20 tháng 6 năm 1974
- 1027 **Liệt sĩ: NGUYỄN TRẦN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Lâm, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1953
Số bằng: AZ 552 bp Quyết định số: 256/TTG ngày 23 tháng 6 năm 1961
- 1028 **Liệt sĩ: HOÀNG VĂN NGHỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Dũng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KR 206 bm Quyết định số: 58/TTGa ngày 14 tháng 2 năm 1974

- 1029 Liệt sĩ: **VÕ ĐỨC VỊNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Lạng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1969
Số bằng: NG 818 bm Quyết định số: 317/TTGa ngày 20 tháng 6 năm 1974
- 1030 Liệt sĩ: **PHAN VĂN BẢY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức An, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1954
Số bằng: ZT 972 bm Quyết định số: 125/TTg ngày 7 tháng 6 năm 1970
- 1031 Liệt sĩ: **NGUYỄN LÊ TRÍ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Tùng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 1 năm 1954
Số bằng: ZQ 4,663 bp Quyết định số: 424/TTg ngày 1 tháng 12 năm 1960
- 1032 Liệt sĩ: **PHAN CÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hoa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: AZ 237 bp Quyết định số: 212/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1961
- 1033 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN NHO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điện Sung, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1974
Số bằng: 4E 477 bm Quyết định số: 291/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 1034 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CUNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 5 năm 1948
Số bằng: AZ 285 bp Quyết định số: 212 /TTga ngày 31 tháng 5 năm 1961
- 1035 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1975
Số bằng: Ug 572 bm Quyết định số: 159 /TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1036 Liệt sĩ: **VÕ CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1965
Số bằng: HZ 176 bm Quyết định số: 91 /TTga ngày 3 tháng 6 năm 1965
- 1037 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN SỬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1968
Số bằng: VM 598 bm Quyết định số: 28 /TTga ngày 2 tháng 2 năm 1970
- 1038 Liệt sĩ: **PHAN THỊ HOAN**
Công nhân Ty lương thực tỉnh Ninh Bình, Nguyên quán: xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KM 697 cm Quyết định số: 239 /TTga ngày 14 tháng 6 năm 1973

- 1039 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN HIỂU**
Hạ sĩ Quân khí Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1968
Số bằng: BF 999 bm Quyết định số: 64 /TTGa ngày 22 tháng 2 năm 1972
- 1040 Liệt sĩ: **LÊ TRUNG**
Đội viên, Nguyên quán: xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 6 năm 1953
Số bằng: ZA 5,257 cp Quyết định số: 212 TTg ngày 31 tháng 5 năm 1961
- 1041 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN KHÁNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1972
Số bằng: KB 277 bm Quyết định số: 116 /TTga ngày 22 tháng 3 năm 1974
- 1042 Liệt sĩ: **CAO XUÂN SỬU**
Xã viên, Nguyên quán: xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1972
Số bằng: AI 836 cm Quyết định số: 383 CT/KT ngày 7 tháng 11 năm 1984
- 1043 Liệt sĩ: **MAI HỒNG THƠ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1969
Số bằng: AH 206 bm Quyết định số: 107 /TTga ngày 8 tháng 5 năm 1971
- 1044 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC MINH**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 01 năm 1971
Số bằng: HL 561 bm Quyết định số: 18 /TTga ngày 8 tháng 01 năm 1974
- 1045 Liệt sĩ: **PHAN TRONG TAM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 02 năm 1972
Số bằng: GQ 302 bm Quyết định số: 344 /TTga ngày 9 tháng 8 năm 1973
- 1046 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 01 tháng 6 năm 1987
Số bằng: Cg 293 bt Quyết định số: 141 CT/KT ngày 20 tháng 7 năm 1989
- 1047 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC ĐẠT**
Cán bộ kế toán, Nguyên quán: xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1967
Số bằng: HM 029 cm Quyết định số: 109/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972
- 1048 Liệt sĩ: **TRẦN NHƯ NUÔI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1969
Số bằng: MR 802 bm Quyết định số: 257 /TTga ngày 27 tháng 10 năm 1970

- 1049 Liệt sĩ: **ĐẶNG THÁI ĐỀ**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1973
Số bằng: OE 929 bm Quyết định số: 18 /TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975
- 1050 Liệt sĩ: **ĐẶNG DUY HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KR 142 bm Quyết định số: 49 /TTga ngày 9 tháng 2 năm 1974
- 1051 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH HIỆP**
Cán bộ kỹ thuật Nhà máy đường, Nguyên quán: xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1968
Số bằng: ĐL 307 cm Quyết định số: 400 /TTg ngày 10 tháng 6 năm 1997
- 1052 Liệt sĩ: **ĐẶNG DUY ĐỘ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 2Đ 078 bm Quyết định số: 1128 /TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977
- 1053 Liệt sĩ: **ĐẶNG DUY NINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Tiến, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1969
Số bằng: MP 886 bm Quyết định số: 233 /TTga ngày 28 tháng 9 năm 1970
- 1054 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH KHÔI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HK 850 bm Quyết định số: 531 /TTga ngày 30 tháng 4 năm 1970
- 1055 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Đồng, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1966
Số bằng: AL 147 bm Quyết định số: 78/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1971
- 1056 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN LƯỢNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Đồng, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1973
Số bằng: NT 904 bm Quyết định số: 412/TTga ngày 24 tháng 9 năm 1974
- 1057 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HIỀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Gia, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1972
Số bằng: GN 886 bm Quyết định số: 334/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1973
- 1058 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG KHOA**
Binh nhì Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Phố, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1968

Số bằng: MO 042 bm Quyết định số: 155/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970

1059 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ VÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Vĩnh, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1970
Số bằng: AS 214 bm Quyết định số: 183/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1977

1060 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN CHÂU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Phố, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 2 năm 1985
Số bằng: BT 183 bt Quyết định số: 317CTKT ngày 13 tháng 12 năm 1987

1061 Liệt sĩ: **ĐẬU ĐÌNH AN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Hải, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MH 302 bm Quyết định số: 93/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970

1062 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY TỰ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Thủy, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: AL 223 bm Quyết định số: 78/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1971

1063 Liệt sĩ: **VÔ TRƯƠNG MỸ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Thủy, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MH 229 bm Quyết định số: 93/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970

1064 Liệt sĩ: **LÊ THỊ HOA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Thủy, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1967
Số bằng: AM 361 bm Quyết định số: 48/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1968

1065 Liệt sĩ: **PHAN ĐÌNH THÔNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Gia, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1972
Số bằng: EP 323 bm Quyết định số: 172/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1973

1066 Liệt sĩ: **VÔ TÁ PHẬN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Trạch, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GQ 278 bm Quyết định số: 337/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1973

1067 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LUẬN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1974
Số bằng: QH 325 bm Quyết định số: 567/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

1068 Liệt sĩ: **DƯƠNG LUYỆN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà

Tỉnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 4 năm 1954
Số bằng: BZ 244 bp Quyết định số: 329/TTg ngày 4 tháng 8 năm 1961

- 1069 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH KỊCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Dương, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973
Số bằng: QV 600 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976
- 1070 Liệt sĩ: **VÕ HỮU LÔ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Lạc, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 8 năm 1952
Số bằng: BZ 268 bp Quyết định số: 329/TTga ngày 4 tháng 8 năm 1961
- 1071 Liệt sĩ: **VÕ KIM TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Lạc, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1968
Số bằng: AP 010 bm Quyết định số: 101/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1974
- 1072 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Lạc, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: BK 525 bm Quyết định số: 27/TTga ngày 25 tháng 1 năm 1972
- 1073 Liệt sĩ: **PHẠM TRUNG DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Duệ, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 4 năm 1980
Số bằng: 7AA 585 bt Quyết định số: 75/CTKT ngày 4 tháng 11 năm 1975
- 1074 Liệt sĩ: **PHAN XUÂN ANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1970
Số bằng: YI 795 bm Quyết định số: 460/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 1075 Liệt sĩ: **CHU VĂN NGHIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1953
Số bằng: BZ 254 bp Quyết định số: 329/TTga ngày 4 tháng 8 năm 1961
- 1076 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 6 năm 1980
Số bằng: 4AA 360 bt Quyết định số: 233/TTgs ngày 12 tháng 6 năm 1981
- 1077 Liệt sĩ: **PHAN VIỆT ĐAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1974
Số bằng: UD 678 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977
- 1078 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XÁ**

Công nhân tiếp phẩm, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1972

Số bằng: LA 825 cm Quyết định số: 85/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1974

1079 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH BÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972

Số bằng: ĐT 839 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973

1080 Liệt sĩ: **HÒ BÁ NGHIỆM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 12 năm 1970

Số bằng: ĐS 716 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973

1081 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÓNG HOÀNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1966

Số bằng: CĐ 140 bm Quyết định số: 231/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972

1082 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUYỄN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 9 năm 1953

Số bằng: ZA 154 bp Quyết định số: 331/TTga ngày 24 tháng 7 năm 1957

1083 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LUYỆN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1972

Số bằng: RA 365 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1976

1084 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ TIẾP**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 7 năm 1953

Số bằng: GE 061 kp Quyết định số: 1077/TTga ngày 29 tháng 9 năm 2003

1085 Liệt sĩ: **ĐẶNG HẢI BÀNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 3 năm 1969

Số bằng: MH 304 bm Quyết định số: 93/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1970

1086 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐẮC LIỄU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 9 năm 1953

Số bằng: ZB 677 bp Quyết định số: 098/TTg ngày 2 tháng 3 năm 1959

1087 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỊNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1967

Số bằng: EM 460 bm Quyết định số: 92/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1968

- 1088 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KIỀU**
Trợ lý tham mưu huyện đội, Nguyên quán: xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1972
Số bằng: OE 935 bm Quyết định số: 18/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975
- 1089 Liệt sĩ: **PHAN THANH ĐƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1966
Số bằng: AM 826 bm Quyết định số: 106/ttg ngày 22 tháng 6 năm 1967
- 1090 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC KHÁNG**
Trung úy Công an nhân dân, Nguyên quán: xã Cẩm Yên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 3 năm 1983
Số bằng: QO 094 bt Quyết định số: 317/CTKT ngày 14 tháng 9 năm 1983
- 1091 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HIỀN**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Cẩm Dương, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1966
Số bằng: 1A 819 cm Quyết định số: 85/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1974
- 1092 Liệt sĩ: **CHU VĂN TUYẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Dương, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1969
Số bằng: YL 749 bm Quyết định số: 808/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1977
- 1093 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Dương, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1972
Số bằng: GN 846 bm Quyết định số: 334/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1973
- 1094 Liệt sĩ: **THÁI VĂN TỶ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1966
Số bằng: UR 930 bm Quyết định số: 499/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977
- 1095 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VĂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1970
Số bằng: CS 583 bm Quyết định số: 558/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1972
- 1096 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẬU TRẠM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 7 năm 1952
Số bằng: ĐG 605 bp Quyết định số: 27/TTg ngày 13 tháng 1 năm 1997
- 1097 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**
Hạ sĩ y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Trạch, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1972
Số bằng: GQ 335 bm Quyết định số: 344/TTga ngày 9 tháng 8 năm 1973

- 1098 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐẠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Gia Phố, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1971
Số bằng: ST 147 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 1099 **Liệt sĩ: LÊ SỸ ĐÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Nhân, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 7 năm 1953
Số bằng: HC 014 bp Quyết định số: 132/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1972
- 1100 **Liệt sĩ: NGUYỄN VIỆT QUÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Giang, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1969
Số bằng: QĐ 016 bm Quyết định số: 451/TTga ngày 21 tháng 11 năm 1975
- 1101 **Liệt sĩ: PHAN HUY PHONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Trạch, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1971
Số bằng: CS 839 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1972
- 1102 **Liệt sĩ: TRẦN MINH QUANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9X 254 bm Quyết định số: 672/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1980
- 1103 **Liệt sĩ: NGÔ MẠNH HỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 1 năm 1973
Số bằng: 6N 096 bm Quyết định số: 334/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1973
- 1104 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1967
Số bằng: HM 926 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 10 tháng 9 năm 1968
- 1105 **Liệt sĩ: PHAN THANH ĐẠI**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đại Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1971
Số bằng: OE 978 bm Quyết định số: 18/TTga ngày 18/ tháng 1 năm 1975
- 1106 **Liệt sĩ: LÊ VĂN TRỢ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1968
Số bằng: EP 206 bm Quyết định số: 172/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1973
- 1107 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZZ 461 bp Quyết định số: 109/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1961

- 1108 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGUYỄN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1950
 Số bằng: ZZ 529 bp Quyết định số: 109/TTGa ngày 27 tháng 3 năm 1961
- 1109 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HỒNG**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1975
 Số bằng: PY 881 bm Quyết định số: 443/TTGa ngày 17 tháng 11 năm 1975
- 1110 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XUÂN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1968
 Số bằng: BR 710 bm Quyết định số: 42/TTGa ngày 27 tháng 1 năm 1972
- 1111 Liệt sĩ: **TRẦN LỆ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1968
 Số bằng: AV 564 bm Quyết định số: 201/TTGa ngày 18 tháng 8 năm 1971
- 1112 Liệt sĩ: **VÕ KIM LÂN**
 Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vượng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1969
 Số bằng: MO 047 bm Quyết định số: 155/TTGa ngày 25 tháng 6 năm 1970
- 1113 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHƯÔNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1965
 Số bằng: QB 165 bm Quyết định số: 454/TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1975
- 1114 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHƯƠNG**
 Bí thư chi bộ, Nguyên quán: xã Nhân Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 15 tháng 3 năm 1931
 Số bằng: ZA 5,138 cp Quyết định số: 151/TTGa ngày 19 tháng 4 năm 1961
- 1115 Liệt sĩ: **LÊ SỸ THẮC**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1970
 Số bằng: NP 555 bm Quyết định số: 387/TTGa ngày 26 tháng 7 năm 1974
- 1116 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG TRÌNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức An, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1971
 Số bằng: VQ 909 bm Quyết định số: 360/TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 1117 Liệt sĩ: **CAO VĂN SỬ**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Bắc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1968

Số bằng: YP 559 bm Quyết định số: 459/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

1118 Liệt sĩ: **NGUYỄN SON HẢI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Hạ, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1969

Số bằng: MI 440 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1970

1119 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỢP**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Quý, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1970

Số bằng: HL 424 bm Quyết định số: 584/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

1120 Liệt sĩ: **HÒ THỊ LƯƠNG**

Công nhân, Nguyên quán: xã Thạch Thắng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1972

Số bằng: IM 536 cm Quyết định số: 97/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973

1121 Liệt sĩ: **ĐẶNG THỊ KIM CHÂU**

Công nhân may mặc, Nguyên quán: xã Kim, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1968

Số bằng: AM 676 cm Quyết định số: 112/TTga ngày 26 tháng 6 năm 1968

1122 Liệt sĩ: **PHAN THANH BÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Trung, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1968

Số bằng: ĐS 489 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 14 tháng 2 năm 1973

1123 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN KHANG**

Thiếu úy đội trưởng Cảnh sát hình sự, Nguyên quán: thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 3 năm 1983

Số bằng: Q 093 bt Quyết định số: 317/TTga ngày 14 tháng 9 năm 1983

1124 Liệt sĩ: **PHẠM QUYNH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Long, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 12 năm 1951

Số bằng: ZQ 698 bp Quyết định số: 176/TTg ngày 4 tháng 5 năm 1959

TỈNH BẮC GIANG

1125 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG PHÁT**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Sơn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1973

Số bằng: 3N 750 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1978

1126 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÝT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1968

Số bằng: VA 391 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977

- 1127 Liệt sĩ: **PHAN VĂN ĐỒ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bồ Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1972
Số bằng: VD 059 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 1128 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHUYẾN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh
Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1972
Số bằng: OG 959 bm Quyết định số: 644/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1974
- 1129 Liệt sĩ: **TẶNG VĂN CẦU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang,
đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 11 năm 1952
Số bằng: ZC 935 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 1130 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG TÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1974
Số bằng: SR 867 bm Quyết định số: 548/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976
- 1131 Liệt sĩ: **PHẠM PHÚ ÚT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc
Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1947
Số bằng: OX 436 bp Quyết định số: 61/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1964
- 1132 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC HẢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc
Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1974
Số bằng: PD 096 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1975
- 1133 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TƯƠNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh
Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1971
Số bằng: HG 552 bm Quyết định số: 583/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973
- 1134 Liệt sĩ: **NGÔ ĐÌNH TUYÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc
Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7L 635 bm Quyết định số: 39/TTga ngày 10 tháng 1 năm 1979
- 1135 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÌNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc
Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1972
Số bằng: VD 131 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 1136 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN BỘ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh
Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZC 943 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957

- 1137 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN ĐẠT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Thái, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KB 049 bm Quyết định số: 462/TTGa ngày 27 tháng 10 năm 1973
- 1138 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HUỆ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bích Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1971
Số bằng: BT 247 bm Quyết định số: 333/TTGa ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 1139 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐÀI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Đức, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1971
Số bằng: UA 971 bm Quyết định số: 211/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 1140 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN BÓN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SQ 526 bm Quyết định số: 525/TTGa ngày 19 tháng 11 năm 1976
- 1141 **Liệt sĩ: DƯƠNG MINH TÁC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1967
Số bằng: KM 743 bm Quyết định số: 201/TTGa ngày 12 tháng 11 năm 1968
- 1142 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TÚ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 2 năm 1953
Số bằng: XM 362 kp Quyết định số: 193/TTGa ngày 22 tháng 6 năm 1962
- 1143 **Liệt sĩ: NGUYỄN VIỆT XUÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1969
Số bằng: VP 916 bm Quyết định số: 349/TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 1144 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1973
Số bằng: VT 215 bm Quyết định số: 333/TTGa ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 1145 **Liệt sĩ: HOÀNG VĂN TÁC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8V 288 bt Quyết định số: 714/TTGa ngày 13 tháng 10 năm 1979
- 1146 **Liệt sĩ: HOÀNG VĂN HẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: XQ 3,064 bp Quyết định số: 257/TTGa ngày 2 tháng 7 năm 1959

- 1147 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN HẠO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 4 năm 1953
Số bằng: AX 727 bp Quyết định số: 165/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1960
- 1148 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG PHI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1968
Số bằng: ET 444 bm Quyết định số: 167/TTga ngày 3 tháng 5 năm 1973
- 1149 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÙNG**
Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1974
Số bằng: RL 763 bm Quyết định số: 314/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976
- 1150 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG ĐÀI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1974
Số bằng: OS 195 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1975
- 1151 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 7 năm 1954
Số bằng: MX 225 bp Quyết định số: 222/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1962
- 1152 Liệt sĩ: **THÂN VĂN GIẢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 7 năm 1950
Số bằng: OX 597 bp Quyết định số: 152/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1964
- 1153 Liệt sĩ: **CHU VĂN XUÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Minh, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 3 năm 1979
Số bằng: RL 146 bt Quyết định số: 386 CTKT ngày 3 tháng 11 năm 1983
- 1154 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC LƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Quang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KO 361 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 8 tháng 2 năm 1974
- 1155 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH TRÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XC 560 bp Quyết định số: 92/TTg ngày 1 tháng 2 năm 1958
- 1156 Liệt sĩ: **THÂN VĂN TÀI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Đức, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: GY 088 bp Quyết định số: 10/QĐ-TTg ngày 3 tháng 1 năm 2006

1157 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN LỘC**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Đức, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1970
Số bằng: KB 131 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

1158 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU LIÊU**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NV 251 bm Quyết định số: 442/TTga ngày 30 tháng 8 năm 1974

1159 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC ĐÁN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1968
Số bằng: UA 991 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1160 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÍCH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1970
Số bằng: OS 243 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1975

1161 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1952
Số bằng: EC 672 bp Quyết định số: 360/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1972

TỈNH QUẢNG TRỊ

1162 Liệt sĩ: **LÊ QUANG LÂU**

Công nhân giao thông, Nguyên quán: xã Phong Thanh, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ĐM 562 cm Quyết định số: 184 /TTga ngày 29 tháng 10 năm 1969

1163 Liệt sĩ: **PHẠM LANH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 12 năm 1948
Số bằng: ZB 2,468 kp Quyết định số: 396 /TTg ngày 2 tháng 11 năm 1959

1164 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN THÍ (THỊ)**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 9 năm 1972
Số bằng: OA 998 bm Quyết định số: 594 /TTga ngày 2 tháng 12 năm 1974

1165 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU CHỨC**

Chính trị viên Trung đội dân quân, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1967
Số bằng: AM 515 km Quyết định số: 52 /TTga ngày 16 tháng 4 năm 1969

- 1166 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN KÍNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 7 năm 1967
Số bằng: SM 799 bm Quyết định số: 230 /TTga ngày 15 tháng 12 năm 1969
- 1167 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƠN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1968
Số bằng: NM 223 bm Quyết định số: 52 /TTga ngày 16 tháng 11 năm 1969
- 1168 Liệt sĩ: **PHAN THANH SỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1967
Số bằng: KM 446bm Quyết định số: 203 /TTga ngày 12 tháng 11 năm 1968
- 1169 Liệt sĩ: **HỒ SẮT**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1967
Số bằng: AM 704 km Quyết định số: 184 /TTga ngày 29 tháng 10 năm 1969
- 1170 Liệt sĩ: **LÊ HỮU BÁCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 5 năm 1954
Số bằng: AZ 621 bp Quyết định số: 288 /TTg ngày 11 tháng 7 năm 1961
- 1171 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỊCH**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 1 năm 1966
Số bằng: CE 807 bm Quyết định số: 244 /TTga ngày 20 tháng 6 năm 1972
- 1172 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THẮNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8X 246 bt Quyết định số: 721 /TTga ngày 17 tháng 10 năm 1979
- 1173 Liệt sĩ: **PHAN CÔNG HIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1967
Số bằng: ĐM 113 bm Quyết định số: 33 /TTga ngày 19 tháng 3 năm 1968
- 1174 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU ĐỨC**
Tiểu đội trưởng dân quân, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1967
Số bằng: EH 274 km Quyết định số: 766/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2000
- 1175 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BƠ**
Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1968
Số bằng: AD 378 km Quyết định số: 244/CTKT ngày 19 tháng 7 năm 1984
- 1176 Liệt sĩ: **TRẦN LIÊU**

Phó Bí thư chi bộ, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 4 năm 1947
Số bằng: ZA 5,295 cp Quyết định số: 288 /TTg ngày 11 tháng 7 năm 1961

1177 Liệt sĩ: **HOÀNG THỊ QUYẾN**

Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1967
Số bằng: AM 129 km Quyết định số: 33 /TTga ngày 19 tháng 3 năm 1968

1178 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ ĐÀO**

Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1967
Số bằng: AM 341km Quyết định số: 203 /TTga ngày 12 tháng 11 năm 1968

1179 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẮNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 3 năm 1949
Số bằng: ZA 5,291 kp Quyết định số: 288 /TTg ngày 11 tháng 7 năm 1961

1180 Liệt sĩ: **TRẦN TU**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 8 năm 1948
Số bằng: ZB 2,508 kp Quyết định số: 396 /TTg ngày 2 tháng 11 năm 1959

1181 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MÃN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1969
Số bằng: MI 194 bm Quyết định số: 126 /TTga ngày 25 tháng 5 năm 1970

1182 Liệt sĩ: **LÊ SÍNH**

Nhân viên công an huyện Vĩnh Linh, Nguyên quán: xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 1 năm 1948
Số bằng: ZA 1,184 cp Quyết định số: 396 /TTg ngày 2 tháng 11 năm 1959

1183 Liệt sĩ: **LÊ ĐIỆT**

Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 6 năm 1950
Số bằng: AZ 613 bp Quyết định số: 288 /TTg ngày 11 tháng 7 năm 1961

1184 Liệt sĩ: **LÊ THỊ HẠNH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 2 năm 1950
Số bằng: AR 701 kp Quyết định số: 220 /CTKT ngày 5 tháng 6 năm 1985

1185 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGHĨA**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1966
Số bằng: MH 820 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970

- 1186 Liệt sĩ: **LÊ QUANG PHỤ**
Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1969
Số bằng: BM 458 km Quyết định số: 414 /TTga ngày 15 tháng 8 năm 1974
- 1187 Liệt sĩ: **LÊ XENG (VĂN XENG)**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1950
Số bằng: ZB 4,384 kp Quyết định số: 288 /TTg ngày 11 tháng 7 năm 1961
- 1188 Liệt sĩ: **NGÔ PHÁI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1950
Số bằng: ZB 874 kp Quyết định số: 176 /TTg ngày 4 tháng 5 năm 1959
- 1189 Liệt sĩ: **LÊ HỮU LIÊU**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 8 năm 1983
Số bằng: AE 116 bt Quyết định số: 220 /CTKT ngày 27 tháng 6 năm 1984
- 1190 Liệt sĩ: **TRẦN CÂN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 11 năm 1949
Số bằng: ZA 799 kp Quyết định số: 226 /TTg ngày 5 tháng 5 năm 1958
- 1191 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN XINH**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1968
Số bằng: AM 964 km Quyết định số: 126 /TTga ngày 25 tháng 5 năm 1970
- 1192 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐỨC XANH**
Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 9 năm 1950
Số bằng: GQ 350 kp Quyết định số: 1334/QĐ-/TTg ngày 14 tháng 12 năm 2004
- 1193 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MINH**
Chi uỷ viên chi bộ xã, Nguyên quán: xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 3D 229 cm Quyết định số: 996/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 1194 Liệt sĩ: **NGUYỄN BA**
Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1950
Số bằng: ZB 4,386kp Quyết định số: 288 /TTg ngày 1 tháng 7 năm 1961
- 1195 Liệt sĩ: **PHÙNG THẾ BỸ**
Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1968
Số bằng: AD 412 km Quyết định số: 244 /CTKT ngày 19 tháng 7 năm 1984

- 1196 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KINH**
 Trung đội phó du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1965
 Số bằng: BM 153 km Quyết định số: 194 /TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971
- 1197 Liệt sĩ: **VÕ ĐẠI**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Nam, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 9 năm 1951
 Số bằng: ĐC 582 kp Quyết định số: 334 /TTga ngày 23 tháng 7 năm 1976
- 1198 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ KIẾN**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 3 năm 1947
 Số bằng: ZB 2,461 kp Quyết định số: 396 /TTga ngày 2 tháng 11 năm 1959
- 1199 Liệt sĩ: **NGÔ CẦU**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Nam, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 7 năm 1947
 Số bằng: ZD 623 kp Quyết định số: 38 /TTga ngày 31 tháng 3 năm 1964
- 1200 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TẠNG**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Nam, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 8 năm 1947
 Số bằng: ZD 618 kp Quyết định số: 38 /TTga ngày 31 tháng 3 năm 1964
- 1201 Liệt sĩ: **NGUYỄN ÂN**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Nam, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 8 năm 1947
 Số bằng: ZD 617 kp Quyết định số: 38 /TTga ngày 31 tháng 3 năm 1964
- 1202 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỰ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Giang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1966
 Số bằng: AB 245 bm Quyết định số: 181 /CTKT ngày 30 tháng 5 năm 1984
- 1203 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT THIÊN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1966
 Số bằng: MH 802 bm Quyết định số: 117 /TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970
- 1204 Liệt sĩ: **LÊ THỊ ĐÀO**
 Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: Q 882 km Quyết định số: 351 /CTKT ngày 5 tháng 10 năm 1983
- 1205 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÓ QUYÊN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1972
 Số bằng: RB 629 bm Quyết định số: 207 /TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

- 1206 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHIÊU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1967
Số bằng: KM 459bm Quyết định số: 203 /TTGa ngày 12 tháng 11 năm 1968
- 1207 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI VINH**
Công dân, Nguyên quán: xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AC 047 cm Quyết định số: 197 /CTKT ngày 13 tháng 6 năm 1984
- 1208 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ LOÀN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1950
Số bằng: ZB 2,464 kp Quyết định số: 396 /TTg ngày 2 tháng 11 năm 1959
- 1209 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỆU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MN 876bm Quyết định số: 39 /TTGa ngày 3 tháng 8 năm 1968
- 1210 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ CẶN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1967
Số bằng: GM 989 bm Quyết định số: 189 /TTGa ngày 17 tháng 10 năm 1968
- 1211 Liệt sĩ: **THÁI VĂN NGÀ**
Chiến sĩ Công an vũ trang, Nguyên quán: xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1971
Số bằng: AR 646 bm Quyết định số: 145 /TTGa ngày 25 tháng 6 năm 1971
- 1212 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG THÀNH**
Công nhân xí nghiệp ô tô Vĩnh Linh, Nguyên quán: xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BM 142 cm Quyết định số: 203/TTGa ngày 12 tháng 11 năm 1968
- 1213 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG LÒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MM 875 bm Quyết định số: 39/TTGa ngày 21 tháng 3 năm 1969
- 1214 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 1X 854 bm Quyết định số: 1011 /TTGa ngày 16 tháng 9 năm 1977
- 1215 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG QUYNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng

Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1967
Số bằng: GM 987 bm Quyết định số: 189 /TTga ngày 17 tháng 10 năm 1968

1216 Liệt sĩ: **VÕ MẠNH PHÚC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: CY 501 bm Quyết định số: 438 /TTga ngày 20 tháng 10 năm 1972

1217 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU ĐỆ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1972
Số bằng: 9K 611 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 30 tháng 1 năm 1980

1218 Liệt sĩ: **NGUYỄN BẢNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Liên, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 3 năm 1950
Số bằng: CZ 511 bp Quyết định số: 50 /TTga ngày 15 tháng 2 năm 1962

1219 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐƠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Nam, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1971
Số bằng: BB 990 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

1220 Liệt sĩ: **HOÀNG QUÁNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Đông Giang, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1954
Số bằng: 1GC 567bm Quyết định số: 679/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1978

TỈNH PHÚ THỌ

1221 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN NHÂM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1968
Số bằng: GR 735 bm Quyết định số: 392/TTga ngày 06 tháng 9 năm 1973

1222 Liệt sĩ: **HÒA VĂN KÍNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngô Quyền, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1951
Số bằng: AX 342 bp Quyết định số: 140/TTg ngày 29 tháng 6 năm 1960

1223 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỎ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tuy Hòa, huyện Hòa Thành, tỉnh Phú Khánh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 1H 012 bm Quyết định số: 757/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1977

1224 Liệt sĩ: **TRẦN ĐĂNG ĐỖN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hùng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1970
Số bằng: 4K 091 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 02 tháng 02 năm 1978

- 1225 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN YỀNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Cần, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1970
 Số bằng: GE 395 bm Quyết định số: 277/TTga ngày 03 tháng 7 năm 1973
- 1226 Liệt sĩ: **ĐINH XUÂN LƯỢNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Cần, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1975
 Số bằng: QL 934 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1976
- 1227 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU LƯƠNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Cần, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1972
 Số bằng: NV 953 bm Quyết định số: 536/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1974
- 1228 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN BẢY**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Đức, huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 3 năm 1978
 Số bằng: 7Đ 339 bt Quyết định số: 1303/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978
- 1229 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN BÁI**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Đức huyện Phù Ninh, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: CT 008 bm Quyết định số: 322/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1972
- 1230 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LƯƠNG**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1956
 Số bằng: NX 822 bm Quyết định số: 105/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1963
- 1231 Liệt sĩ: **LÊ CHÚC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Bắc, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 4 năm 1954
 Số bằng: ZU 817 bp Quyết định số: 186/TTg ngày 23 tháng 8 năm 1960
- 1232 Liệt sĩ: **ĐƯƠNG NGỌC GIANG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bàn Thanh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1951
 Số bằng: TB 177 bp Quyết định số: 549/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976
- 1233 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MẬU**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chính Nghĩa, huyện Hạc Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 8 năm 1947
 Số bằng: GX 4,864 bp Quyết định số: 100/TTga ngày 24 tháng 3 năm 1961
- 1234 Liệt sĩ: **PHÙNG THỊ CHỌNG**
 Dân công, Nguyên quán: xã Hồng Châu, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1952
 Số bằng: XA 1,915 c2p Quyết định số: 2/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

- 1235 **Liệt sĩ: NGUYỄN XUÂN TÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chân Mộng, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1972
Số bằng: QN 182 bm Quyết định số: 44/TTGa ngày 12 tháng 2 năm 1976
- 1236 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CHUÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: X# Ng#c Quan, huyện #oan H#ng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1/10/1900 tháng 1/1/1900 năm 5/26/1905
Số bằng: LD 471 bm Quyết định số: 128/TTGa ngày 28 tháng 3 năm 1974
- 1237 **Liệt sĩ: LÊ THẾ KHAI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Đình, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1967
Số bằng: KA 284 bm Quyết định số: 521/TTGa ngày 29 tháng 11 năm 1973
- 1238 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CĂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1970
Số bằng: GV 146 bm Quyết định số: 353/TTGa ngày 14 tháng 8 năm 1973
- 1239 **Liệt sĩ: DƯƠNG BÌNH ĐỊNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chuế Lưu, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 8 năm 1969
Số bằng: AB 209 bp Quyết định số: 42/TTGa ngày 19 tháng 2 năm 1971
- 1240 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐỨC QUÝ**
Trợ lý công binh Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Xá, huyện Thanh Hòa, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 4 năm 1988
Số bằng: CG 623 bt Quyết định số: 142/CTKT ngày 20 tháng 7 năm 1989
- 1241 **Liệt sĩ: HOÀNG VĂN HẠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Long, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1973
Số bằng: PA 964 bm Quyết định số: 282/TTGa ngày 22 tháng 7 năm 1975
- 1242 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TRỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bà Triệu, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 6 năm 1949
Số bằng: MX 449 bp Quyết định số: 232/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1962
- 1243 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH ĐƠN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cáo Điền, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 5 năm 1974
Số bằng: QN 948 bm Quyết định số: 147/TTGa ngày 28 tháng 4 năm 1976
- 1244 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU CỬ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cáo Điền, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 12 năm 1969
Số bằng: BL 746 bm Quyết định số: 45/TTGa ngày 31 tháng 1 năm 1972

- 1245 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cáo Điền, huyện Hạ Hòa, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1970
Số bằng: HO 312 bm Quyết định số: 15/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1974
- 1246 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC BẢNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cáo Điền, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9T 145 bt Quyết định số: 527/TTGa ngày 1 tháng 8 năm 1980
- 1247 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THỊNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cáo Điền, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 7 năm 1982
Số bằng: DD 383 bt Quyết định số: 147/CTKT ngày 18 tháng 7 năm 1992
- 1248 Liệt sĩ: **VŨ VĂN BÌNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cáo Điền, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 8 năm 1970
Số bằng: RO 585 bm Quyết định số: 294/TTGa ngày 3 tháng 7 năm 1976
- 1249 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC HUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cáo Điền, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 08 tháng 5 năm 1987
Số bằng: CD 818 bt Quyết định số: 267/CTKT ngày 27 tháng 12 năm 1988
- 1250 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỰC**
Công nhân Cục đường bộ, Nguyên quán: xã Cáo Điền, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 01 năm 1968
Số bằng: CM 624 cm Quyết định số: 109/TTGa ngày 14 tháng 7 năm 1969
- 1251 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SỢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Viên, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1971
Số bằng: EB 411 bm Quyết định số: 83/TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1973
- 1252 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRƯỜNG THỌ**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mai Tùng, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1971
Số bằng: QP 872 bm Quyết định số: 46/TTGa ngày 17 tháng 2 năm 1976
- 1253 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÁI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mai Tùng, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1969
Số bằng: SO 914 bm Quyết định số: 478/TTGa ngày 1 tháng 11 năm 1976
- 1254 Liệt sĩ: **HOÀNG PHÚ NHÂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mai Tùng, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 8 năm 1949
Số bằng: XM 203 bp Quyết định số: 01/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959

- 1255 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TĂNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 10 năm 1951
Số bằng: XQ 3,538 bp Quyết định số: 287/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1959
- 1256 Liệt sĩ: **TRẦN ANH THƠ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vụ Cầu, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1971
Số bằng: YH 284 bm Quyết định số: 373/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 1257 Liệt sĩ: **LÊ DUYÊN TIÊU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vụ Cầu, huyện Hạ Hòa, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1971
Số bằng: GC 880 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1973
- 1258 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG THỦY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 01 năm 1950
Số bằng: XB 922 bp Quyết định số: 559/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1957
- 1259 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG THU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vụ Cầu, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1967
Số bằng: YH 306 bm Quyết định số: 373/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 1260 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vụ Cầu, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KQ 095 bm Quyết định số: 558/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973
- 1261 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ĐẢN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vụ Cầu, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1969
Số bằng: PN 163 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1975
- 1262 Liệt sĩ: **NGUYỄN DỊCH LONG**
Cán bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vụ Cầu, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1971
Số bằng: GC 896 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1973
- 1263 Liệt sĩ: **SÁI KIM HOÀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vụ Cầu, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1973
Số bằng: UY 819 bm Quyết định số: 257/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 1264 Liệt sĩ: **TRẦN ANH PHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vụ Cầu, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 11 năm 1966

Số bằng: YK 128 bm Quyết định số: 365/TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1977

1265 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY MỘC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Vỹ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 5 năm 1954
Số bằng: XX 696 bp Quyết định số: 122/TTGa ngày 31 tháng 5 năm 1960

1266 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VẠN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụ Khánh, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1966
Số bằng: EB 425 bm Quyết định số: 83/TTg ngày 10 tháng 3 năm 1973

1267 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH LỰC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chuế Lưu, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1969
Số bằng: PN 815 bm Quyết định số: 357/TTGa ngày 9 tháng 9 năm 1975

1268 Liệt sĩ: **PHÙNG QUỐC HUYỀN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1969
Số bằng: YD 534 bm Quyết định số: 375/TTGa ngày 29 tháng 4 năm 1977

1269 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN XUẤT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Viên, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp
Số bằng: EC 612 bp Quyết định số: 325/TTg ngày 10 tháng 8 năm 1972

1270 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN GIÁP**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Viên, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1968
Số bằng: TV 074 bm Quyết định số: 97/TTg ngày 22 tháng 2 năm 1977

1271 Liệt sĩ: **ĐINH CHUYỀN KHOA**

Y sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Viên, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1970
Số bằng: QO 127 bm Quyết định số: 51/TTg ngày 17 tháng 2 năm 1976

1272 Liệt sĩ: **ĐINH TRỌNG KIM**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Viên, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1969
Số bằng: GS 924 bm Quyết định số: 513/TTGa ngày 24 tháng 11 năm 1973

1273 Liệt sĩ: **ĐINH CÔNG NGHIỆP**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Viên, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LP 622 bm Quyết định số: 211/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1974

1274 Liệt sĩ: **ĐINH QUANG NHO**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Viên, huyện Yên Lập, tỉnh Phú

Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1969
Số bằng: CQ 843 bm Quyết định số: 332/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1972

1275 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC SINH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Viên, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QĐ 756 bm Quyết định số: 464/TTga ngày 2 tháng 12 năm 1975

1276 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THANG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Viên, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: OR 230 bm Quyết định số: 95/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1975

1277 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LƠ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1971
Số bằng: HE 523 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

1278 Liệt sĩ: **HÀ VĂN MƯỜI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1969
Số bằng: GE 521 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1973

1279 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG HUÂN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Từ Đà, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1965
Số bằng: RO 650 bm Quyết định số: 294/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1976

1280 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH VỜI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZT 905 bp Quyết định số: 125/TTg ngày 7 tháng 6 năm 1960

1281 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN BỨC**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Dương, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Phúc Yên, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1953
Số bằng: XA 3,716 cp Quyết định số: 212/TTg ngày 31 tháng 5 năm 1961

1282 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN CHẾ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Lôi, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: XQ 4,183 bp Quyết định số: 329/TTg ngày 1 tháng 9 năm 1959

1283 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐẠT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Phú, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1970
Số bằng: YD 238 bm Quyết định số: 372/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

- 1284 **Liệt sĩ: ĐỖ VĂN NGỘ**
 Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: Phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1947
 Số bằng: ĐX 552 kp Quyết định số: 348/TTg ngày 29 tháng 3 năm 1999
- 1285 **Liệt sĩ: HOÀNG NGỌC ĐỘ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Quyền, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 5 năm 1954
 Số bằng: XQ 761 bp Quyết định số: 176/TTg ngày 04 tháng 5 năm 1959
- 1286 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TÍCH**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Nham, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: KG 839 bm Quyết định số: 144/TTga ngày 04 tháng 4 năm 1974
- 1287 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN XÁP**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Nham, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1974
 Số bằng: QĐ 772 bm Quyết định số: 465/TTg ngày 2 tháng 12 năm 1975
- 1288 **Liệt sĩ: ĐỖ TRỌNG HỢP**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1971
 Số bằng: UY 849 bm Quyết định số: 257/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 1289 **Liệt sĩ: ĐỖ HỮU TÁC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: UY 883 bm Quyết định số: 352/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 1290 **Liệt sĩ: ĐÀO XUÂN HỠ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1970
 Số bằng: GV 165 bm Quyết định số: 362/TTga ngày 18 tháng 8 năm 1973
- 1291 **Liệt sĩ: VŨ KIÊN CƯỜNG**
 Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Mỹ, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 8 năm 1988
 Số bằng: CG 610 bt Quyết định số: 142/CTKT ngày 20 tháng 7 năm 1989
- 1292 **Liệt sĩ: BÙI QUANG LONG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1972
 Số bằng: VI 715 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977
- 1293 **Liệt sĩ: TẠ QUANG TẠO**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1968
 Số bằng: AS 432 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

- 1294 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIỆU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1969
Số bằng: AD 973 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971
- 1295 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CHUNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã An Đạo, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 4 năm 1953
Số bằng: XL 214 kp Quyết định số: 100/TTg ngày 27 tháng 3 năm 1961
- 1296 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LĂNG**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Đạo, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1967
Số bằng: KM 289 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1968
- 1297 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐỨC BẰNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9T 146 bt Quyết định số: 527/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1980
- 1298 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH PHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9AA 704 bt Quyết định số: 66/CTKT ngày 26 tháng 3 năm 1982
- 1299 Liệt sĩ: **TẠ NGỌC THÚY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1970
Số bằng: CL 838 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1972
- 1300 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGŨ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thống Nhất, huyện Hạc Trì, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 5 năm 1954
Số bằng: XA 272 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 1301 Liệt sĩ: **ĐINH ĐĂNG NINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1970
Số bằng: CL 761 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1972
- 1302 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÁT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1972
Số bằng: VD 561 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977
- 1303 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỤ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Đạo, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KQ 120 bm Quyết định số: 558/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

- 1304 Liệt sĩ: **TẠ VĂN BẨM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Đôi, huyện Hạc Trì, tỉnh Phú Thọ ,
đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 4 năm 1951
Số bằng: GX 466 bp Quyết định số: 100/TTg ngày 27 tháng 3 năm 1961
- 1305 Liệt sĩ: **TẠ VĂN CHI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1969
Số bằng: CT 150 bm Quyết định số: 322/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1972
- 1306 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN VƯỢNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ , đã
hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 5 năm 1981
Số bằng: 1452 bt Quyết định số: 105/CTKT ngày 23 tháng 3 năm 1983
- 1307 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ ,
đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7Đ 402 bt Quyết định số: 1303/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978
- 1308 Liệt sĩ: **LÊ HẢI LƯU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ ,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LO 961 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974
- 1309 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐĂNG DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1972
Số bằng: GV 355 bm Quyết định số: 389/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1973
- 1310 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HÒA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ ,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1970
Số bằng: CL 721 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1972
- 1311 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ĐÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chi Lăng, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ ,
đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 3 năm 1948
Số bằng: AX 385 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960
- 1312 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HẠNH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phù Lỗ, huyện Phong Châu, tỉnh
Phú Thọ , đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 1 năm 1978
Số bằng: 9T 206 bt Quyết định số: 527/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1980
- 1313 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÔNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1970

Số bằng: AS 495 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

1314 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TÍCH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ ,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1972
Số bằng: HE 741 bm Quyết định số: 582/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

1315 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG VINH**

Thiếu tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 3 năm 2000
Số bằng: EK 282 bt Quyết định số: 104/TTga ngày 29 tháng 1 năm 2001

1316 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG LUẬN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ ,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HE 537 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

1317 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG CỰ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú
Thọ , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1973
Số bằng: PR 412 bm Quyết định số: 390/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

1318 Liệt sĩ: **HÀ VĂN GIÁP**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú
Thọ , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1968
Số bằng: HD 109 bm Quyết định số: 396/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1973

1319 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG ĐIỀU**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh
Phú Thọ , đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 4AA 723 bt Quyết định số: 234/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1981

1320 Liệt sĩ: **VŨ HỮU NHÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1972
Số bằng: KQ 047 bm Quyết định số: 558/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

1321 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐIỀU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Vĩnh
Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1972
Số bằng: HE 373 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974

1322 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐĂNG NGO**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú
Thọ , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1972
Số bằng: SO 402 bm Quyết định số: 469/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1976

1323 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẠNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ

, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1970
Số bằng: YD 382 bm Quyết định số: 369/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

1324 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH THÔN**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cáo Điền, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 9 năm 1964
Số bằng: OX 887 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1975

1325 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN TÌNH**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Khê, huyện Sông Lô, tỉnh Phú Thọ
, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 12 năm 1979
Số bằng: 9T 306 bt Quyết định số: 557/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980

1326 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUẤN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bằng Giã, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1974
Số bằng: RO 652 bm Quyết định số: 294/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1976

1327 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGÔN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bằng Giã, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 11 năm 1980
Số bằng: GE 533 bt Quyết định số: 279/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1973

1328 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH HUỆ**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Viên, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1972
Số bằng: OP 967 bm Quyết định số: 95/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1975

1329 Liệt sĩ: **KHUẤT DUY NHỊ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chính Công, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KQ 049 bm Quyết định số: 558/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

1330 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHÁC NHU**

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vô Tranh, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 6 năm 1987
Số bằng: CQ 288 bt Quyết định số: 302/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972

1331 Liệt sĩ: **SÁI VĂN CHUYỆN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Phong, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 1 năm 1952
Số bằng: MX 409 bp Quyết định số: 232/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1962

1332 Liệt sĩ: **LÃ VĂN MỊCH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vụ Cầu, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1966
Số bằng: AB 281 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971

1333 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM THOA**

- Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vụ Cầu, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1968
Số bằng: AB 380 bm Quyết định số: 42/TTGa ngày 19 tháng 2 năm 1971
- 1334 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH HẢI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Côi, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QL 823 bm Quyết định số: 50/TTGa ngày 17 tháng 2 năm 1976
- 1335 Liệt sĩ: **HÀ VĂN A**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1968
Số bằng: AO 393 bm Quyết định số: 133/TTGa ngày 3 tháng 6 năm 1971
- 1336 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1948
Số bằng: KX 259 bp Quyết định số: 444/TTGa ngày 25 tháng 10 năm 1961
- 1337 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Hạc, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1968
Số bằng: CT 042 bm Quyết định số: 322/TTGa ngày 8 tháng 8 năm 1972
- 1338 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN MỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Viên, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 10 năm 1951
Số bằng: XY 137 bp Quyết định số: 331/TTGa ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 1339 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THỂ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Viên, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 11 năm 1951
Số bằng: XA 750 bp Quyết định số: 551/TTGa ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 1340 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH LUẬT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Viên, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1970
Số bằng: CB 273 bm Quyết định số: 160/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1972
- 1341 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1971
Số bằng: HK 656 bm Quyết định số: 425/TTGa ngày 29 tháng 9 năm 1973
- 1342 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN THỐNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Từ Đà, huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 9T 336 bt Quyết định số: 557/TTGa ngày 15 tháng 8 năm 1980

- 1343 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHẬN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Hoa, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: VP 109 bm Quyết định số: 263/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1977
- 1344 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THỌ**
 Trợ lý hậu cần tiểu đoàn, Nguyên quán: xã Hoàng Cương, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã
 hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: HO 318 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974
- 1345 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DƯƠNG**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1973
 Số bằng: GS 892 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973
- 1346 Liệt sĩ: **ĐÀO HỒNG CHỦ**
 Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vụ Quang, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú
 Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: GS 882 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973
- 1347 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUÊ LÂM**
 Cán bộ ty công an tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ,
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1971
 Số bằng: NM 526 bm Quyết định số: 27/TTga ngày 29 tháng 1 năm 1976
- 1348 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC TÙNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: GL 658 bm Quyết định số: 424/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973
- 1349 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC PHÁN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thắng Lợi, huyện Thường Tín, thành phố
 Hà Nội, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
 Số bằng: DZ 041 bp Quyết định số: 233/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1962
- 1350 Liệt sĩ: **MÃ ĐIỀU**
 Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 3, thị xã Tuy Hòa, tỉnh Phú
 Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1971
 Số bằng: GP 598 bm Quyết định số: 363/TTga ngày 21 tháng 8 năm 1973
- 1351 Liệt sĩ: **LÊ PHÚ CƯỜNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1969
 số bằng: BL 749 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 31 tháng 1 năm 1972
- 1352 Liệt sĩ: **NGUYỄN VƯƠNG LOAN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1970
 Số bằng: BL 837 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 31 tháng 1 năm 1972

- 1353 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG TRANG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trị Quân, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ ,
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1972
 Số bằng: OD 599 bm Quyết định số: 528/TTGa ngày 17 tháng 10 năm 1974
- 1354 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÝ**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
 , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1970
 Số bằng: UR 381 bm Quyết định số: 362/TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 1355 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÍ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Lô, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ ,
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: HE 901 bm Quyết định số: 411/TTGa ngày 22 tháng 9 năm 1973
- 1356 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÍCH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ ,
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1968
 Số bằng: AO 790 bm Quyết định số: 137/TTGa ngày 9 tháng 6 năm 1971
- 1357 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH TUẤN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ ,
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: HE 786 bm Quyết định số: 582/TTGa ngày 24 tháng 12 năm 1973
- 1358 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHƯƠNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1961
 Số bằng: 8I 832 bm Quyết định số: 398/TTGa ngày 1 tháng 6 năm 1979
- 1359 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM HƯƠNG**
 Trợ lý tham mưu tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Giáp, huyện Phù
 Ninh, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: H 2,579 bm Quyết định số: 88/TTGa ngày 13 tháng 3 năm 1972
- 1360 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THỰC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chi Lăng, huyện Phù Ninh, tỉnh Vĩnh
 Phú , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 3 năm 1949
 Số bằng: XH 743 bp Quyết định số: 283/TTG ngày 6 tháng 6 năm 1958
- 1361 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG THÀNH**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
 , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1974
 Số bằng: TB 827 bm Quyết định số: 582/TTGa ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 1362 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHƯƠNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ ,
 đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1971

Số bằng: YK 102 bm Quyết định số: 365/TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1977

1363 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUẢNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 8M 538 bt Quyết định số: 467/TTGa ngày 20 tháng 6 năm 1979

1364 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH HẰNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Chủ, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XG 065 bp Quyết định số: 226/TTg ngày 5 tháng 5 năm 1958

1365 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SANG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Chủ, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 11 năm 1953
Số bằng: XQ 3,047 bp Quyết định số: 257/TTg ngày 2 tháng 7 năm 1959

1366 Liệt sĩ: **CHU VĂN NGÀ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8T 486 bt Quyết định số: 634/TTGa ngày 7 tháng 9 năm 1979

1367 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẬP**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 9 năm 1982
Số bằng: Y 067 bt Quyết định số: 37/CTKT ngày 15 tháng 2 năm 1984

1368 Liệt sĩ: **ĐỖ QUANG LÝ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Chủ, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 1 năm 1950
Số bằng: NX 920 bp Quyết định số: 142/TTGa ngày 8 tháng 7 năm 1963

1369 Liệt sĩ: **CHU ĐÌNH THÁM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 7Đ 433 bt Quyết định số: 1303/TTGa ngày 20 tháng 11 năm 1978

1370 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN VIÊN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1970
Số bằng: NO 178 bm Quyết định số: 366/TTGa ngày 11 tháng 7 năm 1974

1371 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN KHUÊ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 1 năm 1980
Số bằng: 4AA 737 bt Quyết định số: 234/TTGa ngày 12 tháng 6 năm 1981

1372 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÁT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Chủ, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ

, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 2 năm 1949
Số bằng: AX 392 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960

1373 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC HẰNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1974
Số bằng: PE 718 bm Quyết định số: 262/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1975

1374 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH CHÍ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1968
Số bằng: EB 138 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973

1375 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN MINH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1971
Số bằng: OH 754 bm Quyết định số: 619/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1974

1376 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1971
Số bằng: RD 247 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1976

1377 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG CẬN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1950
Số bằng: XL 204 bp Quyết định số: 455/TTg ngày 4 tháng 10 năm 1958

1378 Liệt sĩ: **TRẦN THANH XUÂN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1973
Số bằng: KQ 038 bm Quyết định số: 558/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

1379 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN HỒNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 90 426 bt Quyết định số: 279/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1980

1380 Liệt sĩ: **HÀ VĂN BẢO**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bảo Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 11 năm 1952
Số bằng: XL 682 kp Quyết định số: 414/TTg ngày 25 tháng 10 năm 1961

1381 Liệt sĩ: **TRẦN MINH THÔNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1973
Số bằng: YH 292 bm Quyết định số: 373/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

- 1382 Liệt sĩ: **HỒ MINH THÊM**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 1, khu Đông, thành phố Đà Nẵng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1971
Số bằng: OR 077 bm Quyết định số: 42/TTGa ngày 28 tháng 1 năm 1975
- 1383 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HẠNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1970
Số bằng: QN 960 bm Quyết định số: 147/TTGa ngày 28 tháng 4 năm 1976
- 1384 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÂN**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bồ Sao, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LD 568 bm Quyết định số: 128/TTGa ngày 28 tháng 3 năm 1974
- 1385 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TƯ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bồ Sao, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1972
Số bằng: GV 289 bm Quyết định số: 362/TTGa ngày 18 tháng 8 năm 1973
- 1386 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ NHIỀU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bồ Sao, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1975
Số bằng: QP 763 bm Quyết định số: 46/TTGa ngày 17 tháng 2 năm 1976
- 1387 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Âm Thượng, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước
Số bằng: TB 195 bm Quyết định số: 549/TTGa ngày 7 tháng 12 năm 1976
- 1388 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC NHA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: thị xã Quỳnh Phụ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 7 năm 1951
Số bằng: AC 761 kp Quyết định số: 223/TTGa ngày 22 tháng 9 năm 1970
- 1389 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TRINH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 10 năm 1951
Số bằng: AC 976 bp Quyết định số: 18/TTGa ngày 19 tháng 1 năm 1970
- 1390 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cát Trù, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1945
Số bằng: ZB 380 bp Quyết định số: 150/TTg ngày 13 tháng 4 năm 1957
- 1391 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHÁNH TOÀN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Đình, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1970
Số bằng: PN 729 bm Quyết định số: 357/TTGa ngày 9 tháng 9 năm 1975

- 1392 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẬP**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vụ Quang, huyện Phù Ninh, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: GP 669 bm Quyết định số: 363/TTGa ngày 21 tháng 8 năm 1973
- 1393 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH PHÚC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Thịnh, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 3 năm 1949
 Số bằng: XB 872 bp Quyết định số: 559/TTGa ngày 13 tháng 12 năm 1957
- 1394 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TOÀN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: HE 774 bm Quyết định số: 582/TTGa ngày 24 tháng 12 năm 1973
- 1395 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TIẾN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: RE 185 bm Quyết định số: 201/TTGa ngày 26 tháng 5 năm 1976
- 1396 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phù Lỗ, huyện Phù Ninh, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1967
 Số bằng: GE 306 bm Quyết định số: 277/TTGa ngày 3 tháng 7 năm 1973
- 1397 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THÀ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phù Lỗ, huyện Phù Ninh, tỉnh Vĩnh Phúc, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1969
 Số bằng: BL 931 bm Quyết định số: 45/TTGa ngày 31 tháng 1 năm 1972
- 1398 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HẠNH**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phù Lỗ, huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 1 năm 1978
 Số bằng: 9T 206 bt Quyết định số: 527/TTGa ngày 1 tháng 8 năm 1980

TỈNH BẮC NINH

- 1399 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHIẾU**
 Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Long, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 2 năm 1953
 Số bằng: XP 824 bp Quyết định số: 130TTg ngày 1 tháng 4 năm 1959
- 1400 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THỨC**
 Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lâm, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 9 năm 1951
 Số bằng: MX 130bp Quyết định số: 200TTGa ngày 30 tháng 6 năm 1962
- 1401 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TRẮC**
 Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh,

đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: KX 453 bp Quyết định số: 481TTga ngày 13 tháng 12 năm 1961

1402 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ NGHI**

Trưởng thôn, Nguyên quán: xã Chi Lăng, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 5 năm 1953
Số bằng: XA 3,472 cp Quyết định số: 53TTg ngày 8 tháng 2 năm 1961

1403 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THU**

Thôn đội phó, Nguyên quán: xã Phú Lương, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 10 năm 1953
Số bằng: XG 354 kp Quyết định số: 424TTg ngày 1 tháng 12 năm 1959

1404 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẢN**

Tiểu đội phó quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vạn Linh, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 3 năm 1948
Số bằng: LX 563 bp Quyết định số: 95TTga ngày 2 tháng 4 năm 1962

1405 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG TƯ**

Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1970
Số bằng: HD 821 bm Quyết định số: 496TTga ngày 13 tháng 11 năm 1973

1406 Liệt sĩ: **ĐOÀN KHẮC THẬP**

Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trùng Xá, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1969
Số bằng: RL 922 bm Quyết định số: 315TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

1407 Liệt sĩ: **PHẠM THÀNH NHO**

Tiểu đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1973
Số bằng: KO 346 bm Quyết định số: 46TTga ngày 8 tháng 2 năm 1974

1408 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TẮC**

Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Thứa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1969
Số bằng: HL 032 bm Quyết định số: 543TTga ngày 6 tháng 12 năm 1973

1409 Liệt sĩ: **PHAN DUY QUYỀN**

Binh nhất quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lăng Ngâm, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1966
Số bằng: Bb 125 bm Quyết định số: 263TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971

1410 Liệt sĩ: **ĐOÀN MINH ĐỀN**

Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1970
Số bằng: NG 577 bm Quyết định số: 285TTga ngày 4 tháng 6 năm 1974

1411 Liệt sĩ: **ÂU DƯƠNG ĐÍNH**

Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Đức, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1969

Số bằng: PZ 032 bm Quyết định số: 403TTga ngày 8 tháng 10 năm 1975

1412 Liệt sĩ: **NGUYỄN SĨ VĂN**

Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, phường Đình Bảng, thị Nguyên quán: xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1972
Số bằng: LH 496 bm Quyết định số: 134TTga ngày 30 tháng 3 năm 1974

1413 Liệt sĩ: **NGUYỄN CẢNH TIỂU**

Tiểu đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, phường Đình Bảng, thị Nguyên quán: xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1971
Số bằng: UY 262 bm Quyết định số: 297TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

1414 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH NẠO**

Tiểu đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AĐ 642 bm Quyết định số: 43TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971

1415 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY NĂM**

Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9Q 967 bt Quyết định số: 499TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

1416 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG**

Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1966
Số bằng: AB 089 bm Quyết định số: 17TTga ngày 20 tháng 1 năm 1971

1417 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN TRỌNG**

Tiểu đội phó quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1968
Số bằng: VB 323 bm Quyết định số: 298TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1418 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN NUÔI**

Nhân viên công an, Nguyên quán: xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 5 năm 1947
Số bằng: HC 059 cp Quyết định số: 1097/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1977

1419 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN SÁU**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1966
Số bằng: 6L 316 bm Quyết định số: 999/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

1420 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN TÁM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 2 năm 1947
Số bằng: DS 726 bp Quyết định số: 319 TTg ngày 26 tháng 5 năm 1995

1421 Liệt sĩ: **LÊ THÀNH NGỌC**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 3 năm 1951
Số bằng: MC 426 kp Quyết định số: 553 /TTga ngày 27 tháng 5 năm 1978

1422 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG TRỰC**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 6E 815 bm Quyết định số: 849 /TTga ngày 2 tháng 8 năm 1978

1423 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÁNH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 2A 406 bm Quyết định số: 1085 /TTga ngày 30 tháng 9 năm 1977

1424 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢY**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1963
Số bằng: 1Đ 113 km Quyết định số: 1068 /TTga ngày 28 tháng 9 năm 1977

1425 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐUỐC**

Cán bộ kinh tài xã, Nguyên quán: xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 1 năm 1941
Số bằng: CC' 397 cp Quyết định số: 603 /TTga ngày 17 tháng 6 năm 1977

1426 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUỆ**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 3L 895 bm Quyết định số: 1979 /TTga ngày 30 tháng 12 năm 1977

1427 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LUẬN**

Huyện ủy viên, Nguyên quán: xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1968
Số bằng: QM 135 cm Quyết định số: 778 /TTga ngày 30 tháng 7 năm 1977

1428 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHƯỚC**

Chiến sĩ Công an, Nguyên quán: xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 11 năm 1947
Số bằng: PC 262 cp Quyết định số: 773 /TTga ngày 19 tháng 7 năm 1978

1429 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 7B 380 bm Quyết định số: 1310 /TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

1430 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÔNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 1Y 799 bm Quyết định số: 990 /TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

- 1431 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHÓ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1968
Số bằng: HC 433 km Quyết định số: 946 /TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977
- 1432 Liệt sĩ: **PHAN VĂN ĐẠM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 70 724 bm Quyết định số: 89 /TTga ngày 19 tháng 1 năm 1979
- 1433 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THỬ**
Trưởng ban Tài chính xã, Nguyên quán: xã Tân Bửu, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1949
Số bằng: BC 840 cp Quyết định số: 181 /CTKT ngày 25 tháng 6 năm 1986
- 1434 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NIỆM**
Cán bộ kinh tài xã, Nguyên quán: xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: LC 797 cp Quyết định số: 218 /TTga ngày 10 tháng 3 năm 1978
- 1435 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN CHÍNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 1Z 823 bm Quyết định số: 1026 /TTga ngày 19 tháng 9 năm 1977
- 1436 Liệt sĩ: **VÕ THÀNH ĐỒ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 11 năm 1986
Số bằng: CN 959 bt Quyết định số: 59 /CTKT ngày 12 tháng 3 năm 1991
- 1437 Liệt sĩ: **VÕ VĂN BIẾT**
Huyện đội phó, Nguyên quán: xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 5N 897 bm Quyết định số: 572 /TTga ngày 31 tháng 5 năm 1978
- 1438 Liệt sĩ: **VÕ VĂN ĐANG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: PC 385 kp Quyết định số: 06 /TTga ngày 3 tháng 1 năm 1980
- 1439 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN KHUÊ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường An Lạc, quận Bình Tân, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1967
Số bằng: 2Q 319 bm Quyết định số: 1417 /TTga ngày 11 tháng 2 năm 1977
- 1440 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHÍ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường An Lạc, quận Bình Tân, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 3R 794 bm Quyết định số: 1746 /TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977

- 1441 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC ANH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Lý, huyện Cần Giuộc, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1962
Số bằng: 2K 847 km Quyết định số: 275 /TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 1442 Liệt sĩ: **HỒ VĂN NÔ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1965
Số bằng: 3R 691 bm Quyết định số: 1746 /TTGa ngày 21 tháng 12 năm 1977
- 1443 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN ĐIỀU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1968
Số bằng: 7O 714 bm Quyết định số: 89 /TTGa ngày 19 tháng 1 năm 1979
- 1444 Liệt sĩ: **HUỲNH VĂN ĐỨC**
chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 4T 712 bm Quyết định số: 299 /TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 1445 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN SỬ**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1964
Số bằng: 1B 609 km Quyết định số: 1075 /TTGa ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 1446 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐĂNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1963
Số bằng: 3R 657 bm Quyết định số: 1746 /TTGa ngày 21 tháng 12 năm 1977
- 1447 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐIỂM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 8 năm 1980
Số bằng: 9AA 574 bt Quyết định số: 057 /CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982
- 1448 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÔ**
Bí thư Chi bộ xã, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1971
Số bằng: D 818 cm Quyết định số: 38 /CTKT ngày 2 tháng 2 năm 1983
- 1449 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỨC**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1973
Số bằng: 1A 635 km Quyết định số: 986 /TTGa ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 1450 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HÒA**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1975

- Số bằng: 1B 584 km Quyết định số: 1075 /TTga ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 1451 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BẰNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1975
Số bằng: 1B 564 km Quyết định số: 1075 /TTga ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 1452 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHUÊ**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1969
Số bằng: 3H 987 km Quyết định số: 1285 /TTga ngày 15 tháng 11 năm 1978
- 1453 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHẬP**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 7B 252 bm Quyết định số: 1298 /TTga ngày 17 tháng 11 năm 1978
- 1454 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN RỖ**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 9 năm 1945
Số bằng: LC 189 kp Quyết định số: 1746 /TTga ngày 21 tháng 12 năm 1978
- 1455 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN SỬ**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 1B 609 km Quyết định số: 1075 /TTga ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 1456 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN TRAI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1969
Số bằng: 3S 048 km Quyết định số: 606 /TTga ngày 24 tháng 8 năm 1978
- 1457 Liệt sĩ: **ĐẶNG THANH DŨNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 3K 130 bm Quyết định số: 02 /TTga ngày 2 tháng 1 năm 1978
- 1458 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HẠNH**
Ủy viên Đoàn thanh niên, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 2G 258 cm Quyết định số: 1021 /TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978
- 1459 Liệt sĩ: **PHAN VĂN RẰNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1947
Số bằng: QC 331 bp Quyết định số: 1146 /TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 1460 Liệt sĩ: **TRÀ VĂN THẮNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp

Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1965
Số bảng: 2I 321 bm Quyết định số: 1176 /TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

1461 Liệt sĩ: **PHAN VĂN RỬA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1970
Số bảng: 2M 525 bm Quyết định số: 1291 /TTga ngày 21 tháng 10 năm 1977

1462 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SẼN**

Phó ban Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Trung Lập Thượng, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1969
Số bảng: RM 414 cm Quyết định số: 536 /TTga ngày 8 tháng 6 năm 1977

1463 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN ON**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1961
Số bảng: 6N 169 bm Quyết định số: 933 /TTga ngày 23 tháng 8 năm 1978

1464 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRIỆU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1968
Số bảng: E 166 bm Quyết định số: 040 /CTKT ngày 2 tháng 2 năm 1983

1465 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KÉO**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1968
Số bảng: 1E 324 km Quyết định số: 1086 /TTga ngày 30 tháng 9 năm 1977

1466 Liệt sĩ: **PHAN VĂN BO**

Cán bộ Thanh niên, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 5 năm 1948
Số bảng: EC 891 cp Quyết định số: 1088 /TTga ngày 30 tháng 9 năm 1977

1467 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TO**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
Số bảng: 1V 557 bm Quyết định số: 988 /TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

1468 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**

Cán bộ bảo vệ cơ quan Thành ủy, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1968
Số bảng: 2T 666 cm Quyết định số: 585 /TTga ngày 5 tháng 6 năm 1978

1469 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BỀ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1969
Số bảng: 6N 078 bm Quyết định số: 1001 /TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

1470 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CU**

Cán bộ Công an huyện, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1968
Số bằng: CY 803 cm Quyết định số: 107 /CTKT ngày 4 tháng 5 năm 1992

1471 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHẬT**

Cán bộ Công an huyện, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 4 năm 1949
Số bằng: 1AC 947cp Quyết định số: 37 /CTKT ngày 26 tháng 3 năm 1982

1472 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÙNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 9 năm 1951
Số bằng: EC 183 kp Quyết định số: 536 /TTGa ngày 8 tháng 6 năm 1977

1473 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐIỀU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 10 năm 1948
Số bằng: QC 322 bp Quyết định số: 1146 /TTGa ngày 10 tháng 10 năm 1977

1474 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÌ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1964
Số bằng: TM 912 km Quyết định số: 880 /TTGa ngày 17 tháng 8 năm 1977

1475 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHỎ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 8 năm 1948
Số bằng: 1BC 538bp Quyết định số: 314 /TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978

1476 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN AN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 1V 486 bm Quyết định số: 986 /TTGa ngày 9 tháng 9 năm 1977

1477 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGHĨA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1969
Số bằng: 7P 617 bm Quyết định số: 97 /TTGa ngày 2 tháng 2 năm 1979

1478 Liệt sĩ: **PHAN VĂN DÍNH**

Giao liên xã, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 1 năm 1965
Số bằng: 2O 203 cm Quyết định số: 374 /TTGa ngày 14 tháng 4 năm 1978

1479 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÂN**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1971
Số bằng: 3X 851 km Quyết định số: 650 /TTGa ngày 8 tháng 10 năm 1980

- 1480 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HỀ**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1967
 Số bằng: 2I 260 bm Quyết định số: 1176 /TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 1481 Liệt sĩ: **TRÀ VĂN NÓI**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1969
 Số bằng: 2A 242 bm Quyết định số: 1071 /TTga ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 1482 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SO**
 Cán bộ An ninh Phân khu 1, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1969
 Số bằng: SM 538 cm Quyết định số: 533 /TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 1483 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KÈN**
 Giao liên xã, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1962
 Số bằng: 1M 047 cm Quyết định số: 1242 /TTga ngày 17 tháng 10 năm 1977
- 1484 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LÊN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 11 năm 1948
 Số bằng: 1RC 702bp Quyết định số: 68 /TTga ngày 12 tháng 1 năm 1979
- 1485 Liệt sĩ: **TRÀ VĂN CHIẾN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1965
 Số bằng: 1Y 543 bm Quyết định số: 986 /TTga ngày 9 tháng 9 năm 1979
- 1486 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẢO**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1972
 Số bằng: 2Q 625 bm Quyết định số: 1068 /TTga ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 1487 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN AN**
 Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1968
 Số bằng: 1G 486 bm Quyết định số: 988 /TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 1488 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HẠNH**
 Cán bộ Dân y huyện, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1969
 Số bằng: 1X 357 cm Quyết định số: 1620 /TTga ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 1489 Liệt sĩ: **TRIỆU VĂN DU**
 Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1970
 Số bằng: 5A 352 bm Quyết định số: 353 /TTga ngày 7 tháng 4 năm 1978

- 1490 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MƠ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1971
Số bằng: 31 001 km Quyết định số: 1310 /TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978
- 1491 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THANH**
Giao liên huyện, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1966
Số bằng: 1M 524 cm Quyết định số: 1214 /TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977
- 1492 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN RỎ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ
Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 5N 288 bm Quyết định số: 546 /TTga ngày 24 tháng 5 năm 1978
- 1493 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KẾ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong
cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 4 năm 1948
Số bằng: 2O 658 kp Quyết định số: 584 /TTga ngày 5 tháng 6 năm 1978
- 1494 Liệt sĩ: **PHAN VĂN MẮM**
Cán bộ Công an xã, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh
trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1965
Số bằng: 3N 776 cm Quyết định số: 1301 /TTga ngày 17 tháng 11 năm 1978
- 1495 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH KIỆT**
Công dân, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự
nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1957
Số bằng: ĐO 488 cm Quyết định số: 04 /TTg ngày 5 tháng 1 năm 1998
- 1496 Liệt sĩ: **VÕ VĂN KHỨ**
Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 1I 857 cm Quyết định số: 1097 /TTga ngày 29 tháng 9 năm 1977
- 1497 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THÀNH**
Cán bộ Công an huyện, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh
trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 1K 861 cm Quyết định số: 1146 /TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 1498 Liệt sĩ: **PHAN VĂN BÈ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong
sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: 2X 814 km Quyết định số: 815 /TTga ngày 28 tháng 7 năm 1978
- 1499 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRẨM**
Ủy viên Thường vụ Đảng ủy xã, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã
hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 1H 813 cm Quyết định số: 1221 /TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

- 1500 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SẼ**
Ủy viên Ban chấp hành Nông hội, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1964
Số bằng: O 308 cm Quyết định số: 268 /CTKT ngày 21 tháng 7 năm 1983
- 1501 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN SANG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 6S 640 bm Quyết định số: 1110 /TTGa ngày 30 tháng 6 năm 1978
- 1502 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÁM**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hồng Thái, huyện Kiên Xương, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 1 năm 1950
Số bằng: XY 306 kp Quyết định số: 551 TTg ngày 15 tháng 4 năm 1957
- 1503 Liệt sĩ: **VÕ VĂN HƯƠNG**
Cán bộ tuyên huấn huyện Nhà Bè, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 1 năm 1952
Số bằng: SC 254 cp Quyết định số: 82 /TTGa ngày 17 tháng 1 năm 1979
- 1504 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LEO**
Ủy viên Tài chính xã, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 8 năm 1947
Số bằng: NC 788 cp Quyết định số: 585 /TTGa ngày 5 tháng 6 năm 1978
- 1505 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BẢNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1967
Số bằng: 1RC 222bm Quyết định số: 873 /TTGa ngày 17 tháng 8 năm 1977
- 1506 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN SẮT**
Nhân viên Công an xã, Nguyên quán: xã Phước Hiệp huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 2D 892 cm Quyết định số: 261 /TTGa ngày 20 tháng 8 năm 1978
- 1507 Liệt sĩ: **LÝ VĂN RÓP**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 1B 942 km Quyết định số: 1067 /TTGa ngày 28 tháng 9 năm 1978
- 1508 Liệt sĩ: **LÝ VĂN KÊ**
Nhân viên Công an xã, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1972
Số bằng: 2G 044 cm Quyết định số: 295 /TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 1509 Liệt sĩ: **LÝ VĂN MINH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 4 năm 1979

Số bằng: 9M 424 bt Quyết định số: 245 /TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

1510 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TUM**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 4 năm 1953
Số bằng: 1PC 878 bp Quyết định số: 1370 /TTga ngày 4 tháng 12 năm 1978

1511 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NHIỆM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1964
Số bằng: 7T 062 bm Quyết định số: 86 /TTga ngày 19 tháng 1 năm 1979

1512 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NUNG**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1975
Số bằng: 2K 721 km Quyết định số: 213 /TTga ngày 10 tháng 3 năm 1978

1513 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUYỀN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 1Y 357 bm Quyết định số: 987 /TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

1514 Liệt sĩ: **HÒ VẤN NANG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 4 năm 1986
Số bằng: CO 121 bt Quyết định số: 37 /CTKT ngày 9 tháng 3 năm 1

1515 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUYỀN**

Cán bộ Nông hội xã, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968
Số bằng: HC 049 cm Quyết định số: 1097 /TTga ngày 3 tháng 10 năm 1977

1516 Liệt sĩ: **TÔ VĂN DƯƠNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1962
Số bằng: VO 800 bm Quyết định số: 778 /TTga ngày 30 tháng 7 năm 1977

1517 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN POL**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1974
Số bằng: 2O 847 bm Quyết định số: 17 /CTKT ngày 1 tháng 1 năm 1983

1518 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HẠNH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 3G 258 bm Quyết định số: 1021 /TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

1519 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CỬ**

Trương ban Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh

trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 5 năm 1951
Số bằng: AV 043 cp Quyết định số: 356 /CTKT ngày 18 tháng 9 năm 1985

- 1520 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LINH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 3H 993 km Quyết định số: 1285 /TTga ngày 15 tháng 11 năm 1978
- 1521 Liệt sĩ: **VÕ VĂN RÂM**
Trưởng ban Y tế xã, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 12 năm 1970
Số bằng: 1K 019 cm Quyết định số: 1068 /TTga ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 1522 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN CẢNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 2Q 819 bm Quyết định số: 1087 /TTga ngày 30 tháng 9 năm 1977
- 1523 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CHÂU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phú Trung, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1968
Số bằng: 1H 817 bm Quyết định số: 1044 /TTga ngày 21 tháng 9 năm 1977
- 1524 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN SIA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1951
Số bằng: E 394 bp Quyết định số: 66 /CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983
- 1525 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN HÒA**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1968
Số bằng: O 274 bm Quyết định số: 268 /CTKT ngày 21 tháng 7 năm 1973
- 1526 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1963
Số bằng: 7B 343 bm Quyết định số: 1310 /TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978
- 1527 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐE**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1970
Số bằng: VM 432 km Quyết định số: 999 /TTga ngày 12 tháng 9 năm 1977
- 1528 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BÀNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1969
Số bằng: DS 845 km Quyết định số: 322 TTg ngày 26 tháng 5 năm 1995
- 1529 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐO**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1969
Số bằng: YM 173 km Quyết định số: 962 /TTga ngày 31 tháng 8 năm 1977

1530 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỨC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1965
Số bằng: 6N 114 bm Quyết định số: 1001 /TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

1531 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỤNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1965
Số bằng: 7T 360 bm Quyết định số: 69 /TTga ngày 12 tháng 1 năm 1979

1532 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUYỀN**

Cán bộ Nông hội xã, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968
Số bằng: HC 149 cm Quyết định số: 1097 /TTga ngày 3 tháng 10 năm 1977

1533 Liệt sĩ: **VÕ CHÍ THANH**

Y tá Ban Dân y khu, Nguyên quán: xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 10 năm 1967
Số bằng: 3N 852 cm Quyết định số: 1284 /TTga ngày 15 tháng 11 năm 1978

1534 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BÉ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1962
Số bằng: 1I 712 km Quyết định số: 1215 /TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

1535 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CHÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1962
Số bằng: 6N 098 bm Quyết định số: 1001 /TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

1536 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN XÉT**

Trưởng ban thông tin xã, Nguyên quán: xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1966
Số bằng: 1E 092 cm Quyết định số: 963 /TTga ngày 31 tháng 8 năm 1977

1537 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN PHƯỚC**

Trung đội Trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1969
Số bằng: 5AA 497 bm Quyết định số: 298 /TTga ngày 9 tháng 7 năm 1981

1538 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH CÁT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1951
Số bằng: 1MC 736 bp Quyết định số: 1110 /TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978

- 1539 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN RÀNH**
Trưởng ban Kinh tế xã, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 1 năm 1951
Số bằng: BC 836 cp Quyết định số: 181 /CTKT ngày 25 tháng 6 năm 1981
- 1540 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LƯU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1969
Số bằng: 1Y 508 bm Quyết định số: 986 /TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 1541 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÒA**
Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 1L 074 km Quyết định số: 405 /CTKT ngày 28 tháng 11 năm 1984
- 1542 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ NHIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 11 năm 1970
Số bằng: 1S 253 bm Quyết định số: 884 /TTga ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 1543 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TIÊN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1969
Số bằng: AN 698 km Quyết định số: 125 /CTKT ngày 3 tháng 4 năm 1985
- 1544 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN XỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1959
Số bằng: 7I 093 bm Quyết định số: 1429 /TTga ngày 15 tháng 12 năm 1978
- 1545 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN NỘ**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1961
Số bằng: 1E 318 cm Quyết định số: 962 /TTga ngày 31 tháng 8 năm 1977
- 1546 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHỎE**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1965
Số bằng: 7B 191 bm Quyết định số: 1298 /TTga ngày 17 tháng 11 năm 1978
- 1547 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TIẾT**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1969
Số bằng: RM 767 km Quyết định số: 913 /TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977
- 1548 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐÀM**
Bí thư Đoàn Thanh niên xã, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1964
Số bằng: 3P 772 cm Quyết định số: 129 /TTga ngày 12 tháng 2 năm 1979

- 1549 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN KHÓA**
 Trưởng ban Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: 1K 501 cm Quyết định số: 1097 /TTga ngày 3 tháng 10 năm 1977
- 1550 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN BÒ**
 Nhân viên Công an huyện, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
 Số bằng: TC 831 cp Quyết định số: 240 /TTga ngày 6 tháng 4 năm 1979
- 1551 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN NỂ**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1970
 Số bằng: 6N 151 bm Quyết định số: 1001 /TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 1552 **Liệt sĩ: NGÔ VĂN XANH**
 Cán bộ Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1969
 Số bằng: 1Y 661 cm Quyết định số: 1675 /TTga ngày 7 tháng 12 năm 1977
- 1553 **Liệt sĩ: BUI VĂN LÙNG**
 Nhân viên Ban Kinh tài khu Sài Gòn - Gia Định, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1975
 Số bằng: ĐB 750 cm Quyết định số: 550 TTg ngày 13 tháng 8 năm 1996
- 1554 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN NÔN**
 Y tá Dân y huyện, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1969
 Số bằng: 1N 939 cm Quyết định số: 1721 /TTga ngày 14 tháng 12 năm 1977
- 1555 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỊ NHÚT**
 Y sĩ Đội 61 Đoàn 81, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1968
 Số bằng: 2R 139 bm Quyết định số: 1721 /TTga ngày 14 tháng 12 năm 1977
- 1556 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HOA**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1971
 Số bằng: 3O 842 bm Quyết định số: 1387 /TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978
- 1557 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HÙNG**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 3 năm 1948
 Số bằng: MC 309 kp Quyết định số: 585 /TTga ngày 5 tháng 6 năm 1978
- 1558 **Liệt sĩ: LÊ VĂN MUÔN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1967
 Số bằng: 3R 689 bm Quyết định số: 1746 /TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977

- 1559 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIỜ**
 Phó ban An ninh xã, Nguyên quán: xã Phước Thạnh, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1962
 Số bằng: 2G 059 cm Quyết định số: 295 /TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 1560 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NÌ**
 ấp Đội trưởng, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1970
 Số bằng: 1G 493 km Quyết định số: 1255 /TTGa ngày 19 tháng 10 năm 1977
- 1561 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THIẾT**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hiệp, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1965
 Số bằng: 6N 225 bm Quyết định số: 933 /TTGa ngày 23 tháng 8 năm 1978
- 1562 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUẤT**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thạnh Tây, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1965
 Số bằng: 7B 121 bm Quyết định số: 1286 /TTGa ngày 15 tháng 11 năm 1978
- 1563 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHÁI**
 Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Lập Hạ, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1965
 Số bằng: 1Đ 694 bm Quyết định số: 650 /TTGa ngày 28 tháng 6 năm 1977
- 1564 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN A**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Lập Hạ, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1968
 Số bằng: 1Đ 603 bm Quyết định số: 650 /TTGa ngày 28 tháng 6 năm 1977
- 1565 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MÂY**
 Bí thư xã đoàn, Nguyên quán: xã An Phú, huyện Cù Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1966
 Số bằng: CO 484 cm Quyết định số: 79 /CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991
- 1566 Liệt sĩ: **ĐOÀN THUYẾT**
 Cán bộ Nghiệp đoàn, Nguyên quán: huyện ứng Hòa, tp Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1967
 Số bằng: BH 710 cm Quyết định số: 82 /CTKT ngày 5 tháng 6 năm 1987
- 1567 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN KHOA**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 9, quận Gò Vấp, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 5 năm 1985
 Số bằng: BO 149 bt Quyết định số: 310 /CTKT ngày 16 tháng 12 năm 1987
- 1568 Liệt sĩ: **CAO VĂN TÔNG**
 Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Tân Thới Nhất, Quận 12, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1968
 Số bằng: 3Q 262 km Quyết định số: 241 /TTGa ngày 4 tháng 6 năm 1979

- 1569 Liệt sĩ: **CÙ VĂN BÉ**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1968
 Số bằng: 4P 455 bm Quyết định số: 137 /TTGa ngày 20 tháng 2 năm 1978
- 1570 Liệt sĩ: **CHÂU CÔNG LÝ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 11 năm 1969
 Số bằng: 6D 333 bm Quyết định số: 815 /TTGa ngày 28 tháng 7 năm 1978
- 1571 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NHIÊN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 11 năm 1978
 Số bằng: 8L 574 bt Quyết định số: 503/TTGa ngày 9 tháng 7 năm 1979
- 1572 Liệt sĩ: **ĐỖ THÀNH NHON**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1982
 Số bằng: O 320 bm Quyết định số: 268 /CTKT ngày 21 tháng 7 năm 1983
- 1573 Liệt sĩ: **ĐỖ THANH THỂ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thủy, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 9 năm 1981
 Số bằng: B 230 bt Quyết định số: 324 /CTKT ngày 27 tháng 10 năm 1982
- 1574 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN QUÀO**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 2 năm 1947
 Số bằng: 1AC 276bp Quyết định số: 277 /TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 1575 Liệt sĩ: **HÒ VĂN THẮNG**
 Cán bộ Phong trào xã, Nguyên quán: xã Đức Hạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 1 năm 1965
 Số bằng: AL 088 cm Quyết định số: 405 /CTKT ngày 28 tháng 11 năm 1984
- 1576 Liệt sĩ: **HÒ VĂN XE**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1946
 Số bằng: E 326 bp Quyết định số: 70 /CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983
- 1577 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN TIỀN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 10 năm 1947
 Số bằng: 1RC 825bp Quyết định số: 96 /TTGa ngày 2 tháng 2 năm 1979
- 1578 Liệt sĩ: **LÊ TẤN BIẾT**
 Nhân viên Ban tuyên truyền xã, Nguyên quán: xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 4 năm 1947

Số bằng: CC' 722 cp Quyết định số: 408 /TTGa ngày 9 tháng 5 năm 1977

1579 Liệt sĩ: **LÊ TÂN KIẾT**

Nhân viên Ban tuyên truyền xã, Nguyên quán: xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1947
Số bằng: PC 491 cp Quyết định số: 867 /TTGa ngày 7 tháng 8 năm 1978

1580 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HUYỀN**

Phó ban cán sự xã, Nguyên quán: xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 3 năm 1951
Số bằng: RC 755 cp Quyết định số: 136 /TTGa ngày 12 tháng 4 năm 1978

1581 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MAO**

Đội viên du kích, Nguyên quán: huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 4 năm 1949
Số bằng: HC 449 kp Quyết định số: 988 /TTGa ngày 9 tháng 9 năm 1977

1582 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHỊN**

Đại đội trưởng, Nguyên quán: xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 5N 269 bm Quyết định số: 546 /TTGa ngày 24 tháng 5 năm 1978

1583 Liệt sĩ: **LÝ VĂN ĐIỆP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1954
Số bằng: PC 884 bp Quyết định số: 998 /TTGa ngày 12 tháng 9 năm 1977

1584 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG SƠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 6L 302 bm Quyết định số: 999 /TTGa ngày 9 tháng 4 năm 1978

1585 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH CHÂU (CÔNG TRI)**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1968
Số bằng: 1U 807 bm Quyết định số: 999 /TTGa ngày 9 tháng 12 năm 1977

1586 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BI**

Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1946
Số bằng: NC 877 kp Quyết định số: 1370 /TTGa ngày 12 tháng 4 năm 1978

1587 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 3 năm 1985
Số bằng: BH 730 bt Quyết định số: 82 /CTKT ngày 6 tháng 5 năm 1987

1588 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐƯỢC**

Tiểu đội phó du kích, Nguyên quán: phường Tân Thới Nhất, Quận 12, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh

trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 7 năm 1951
Số bằng: RC 525 kp Quyết định số: 66 /TTGa ngày 23 tháng 1 năm 1980

1589 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÒA**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1969
Số bằng: 2K 813 km Quyết định số: 275 /TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978

1590 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MƯỞNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1950
Số bằng: E 364 bp Quyết định số: 70 /CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983

1591 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NÔ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1967
Số bằng: 7B 595 bm Quyết định số: 097 /TTGa ngày 2 tháng 2 năm 1979

1592 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHỎ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1953
Số bằng: QC 123 bp Quyết định số: 1085 /TTGa ngày 3 tháng 10 năm 1977

1593 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯƠI**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 10 năm 1982
Số bằng: U 805 bt Quyết định số: 458 /CTKT ngày 21 tháng 12 năm 1983

1594 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LỆ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 6L 226 bm

1595 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LỪNG**

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: phường Tân Thới Nhất, Quận 12, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 1 năm 1967
Số bằng: 2Q 480 km Quyết định số: 556 /CTKT ngày 21 tháng 12 năm 1983

1596 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NĂM**

Chủ tịch xã, Nguyên quán: xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 8 năm 1946
Số bằng: LC 103 cp Quyết định số: 343 /TTGa ngày 7 tháng 4 năm 1978

1597 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TIỀN**

Trưởng Công an xã, Nguyên quán: xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1950
Số bằng: LC 068 cp Quyết định số: 348 /TTGa ngày 7 tháng 4 năm 1978

1598 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ÚT**

Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Đông Thanh, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1969
Số bằng: 3A 899 cm Quyết định số: 867 /TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978

- 1599 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XÀ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 6L 350 bm Quyết định số: 999 /TTga ngày 9 tháng 4 năm 1978
- 1600 Liệt sĩ: **PHAN TÂN DUÂN**
Thiếu úy phi công, Nguyên quán: xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 9G 078 bm Quyết định số: 10 /TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 1601 Liệt sĩ: **PHAN VĂN DIỄN**
Giao liên xã, Nguyên quán: xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: QC 438 cp Quyết định số: 1001 /TTga ngày 4 tháng 8 năm 1978
- 1602 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NẤY**
Nhân viên công an huyện, Nguyên quán: xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1952
Số bằng: HC 055 cp Quyết định số: 1097 /TTga ngày 3 tháng 10 năm 1977
- 1603 Liệt sĩ: **TÔNG VĂN ÓM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1961
Số bằng: E 702 bm Quyết định số: 60 /CTKT ngày 23 tháng 2 năm 1983
- 1604 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1967
Số bằng: 1V 498 bm Quyết định số: 988 /TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 1605 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGHIÊM**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
Số bằng: 1I 162 km Quyết định số: 1145 /TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 1606 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SANH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 5N 297 bm Quyết định số: 546 /TTga ngày 24 tháng 5 năm 1978
- 1607 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN XƯỚNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 3 năm 1946
Số bằng: QC 739 bp Quyết định số: 1211 /TTga ngày 14 tháng 10 năm 1977

- 1608 **Liệt sĩ: TRỊNH VĂN NHƠN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tân Thới Nhất, Quận 12, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1969
Số bằng: 2B 103 bm Quyết định số: 1097 /TTGa ngày 3 tháng 10 năm 1977
- 1609 **Liệt sĩ: VÕ VĂN BẢY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung An, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 1S 195 bm Quyết định số: 884 /TTGa ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 1610 **Liệt sĩ: VÕ VĂN BỜ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tân Thới Nhất, Quận 12, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1970
Số bằng: 7H 872 bm Quyết định số: 06 /TTGa ngày 3 tháng 1 năm 1979
- 1611 **Liệt sĩ: VÕ VĂN QUAY**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1948
Số bằng: EC 603 kp Quyết định số: 394 /TTGa ngày 9 tháng 5 năm 1977
- 1612 **Liệt sĩ: HUỖNH VĂN XƯỞNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1968
Số bằng: 4Z 717 bm Quyết định số: 317 /TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 1613 **Liệt sĩ: NGUYỄN THỊ CHIỀU**
Ủy viên Ban chấp hành Phụ nữ cứu quốc, Nguyên quán: phường Tân Thới Nhất, Quận 12, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: HC 072 cp Quyết định số: 1097 /TTGa ngày 10 tháng 3 năm 1979
- 1614 **Liệt sĩ: QUÁCH VĂN CHÂU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1954
Số bằng: ZK 167 bm Quyết định số: 331 /TTGa ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 1615 **Liệt sĩ: HỨA VĂN ĐẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1962
Số bằng: E 737 bm Quyết định số: 057 /CTKT ngày 23 tháng 2 năm 1983
- 1616 **Liệt sĩ: HỨA VĂN BỀ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 6D 300 bm Quyết định số: 867 /TTGa ngày 8 tháng 7 năm 1978
- 1617 **Liệt sĩ: LÊ VĂN MT**
Cán bộ cơ sở, Nguyên quán: xã Bình Khánh, huyện Cần Giò, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1962
Số bằng: DL 224 cm Quyết định số: 555 TTg ngày 11 tháng 11 năm 1993

- 1618 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DU**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1967
 Số bằng: D 897 bm Quyết định số: 65 /CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983
- 1619 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN HƯNG**
 Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1963
 Số bằng: 2K 809 km Quyết định số: 275//TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 1620 Liệt sĩ: **NGUYỄN ANH TUẤN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: tp Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 3 năm 1984
 Số bằng: AV 033 bt Quyết định số: 356 /CTKT ngày 18 tháng 9 năm 1985
- 1621 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÚC VŨ NHÂN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 12, quận Phú Nhuận, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 5 năm 1979
 Số bằng: 9K 166 bt Quyết định số: 66 /TTGa ngày 23 tháng 1 năm 1980
- 1622 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÔNG**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 2, quận Phú Nhuận, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 11 năm 1982
 Số bằng: AP 006 bt Quyết định số: 110 /CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1985
- 1623 Liệt sĩ: **PHAN BÁ ĐIẾP**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 15, quận Phú Nhuận, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 1 năm 1983
 Số bằng: AA 256 bt Quyết định số: 147 /CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984
- 1624 Liệt sĩ: **PHAN THANH TÙNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 17, quận Phú Nhuận, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 8 năm 1983
 Số bằng: AG 632 bt Quyết định số: 311 /CTKT ngày 19 tháng 9 năm 1984
- 1625 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG E**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: 1S 625 bm Quyết định số: 901 /TTGa ngày 19 tháng 8 năm 1977
- 1626 Liệt sĩ: **DƯƠNG HẢI ĐĂNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 13, Quận 10, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 1 năm 1983
 Số bằng: X 357 bt Quyết định số: 63 /CTKT ngày 3 tháng 7 năm 1984
- 1627 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HOÀNG**
 Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tân Thuận Đông, Quận 7, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 3 năm 1963

Số bằng: 11 237 bm Quyết định số: 1076 /TTGa ngày 28 tháng 9 năm 1977

1628 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LEM**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: quận Thủ Đức, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1967

Số bằng: 1Y 861 bm Quyết định số: 989 /TTGa ngày 9 tháng 9 năm 1977

1629 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NÔI**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1962

Số bằng: 3G 606 km Quyết định số: 1211/TTGa ngày 23 tháng 10 năm 1978

1630 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HAI**

Xã đội trưởng, Nguyên quán: phường Tân Tạo, quận Bình Tân, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1966

Số bằng: 3S 042 km Quyết định số: 606/TTGa ngày 24 tháng 8 năm 1979

1631 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 13, Quận 11, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 12 năm 1977

Số bằng: 5N 919 bt Quyết định số: 572/TTGa ngày 31 tháng 5 năm 1978

1632 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TRÁ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 8 năm 1949

Số bằng: HC 359 kp Quyết định số: 933 /TTGa ngày 26 tháng 8 năm 1977

1633 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÀNH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 9 năm 1947

Số bằng: PC 683 bp Quyết định số: 965 /TTGa ngày 5 tháng 9 năm 1977

1634 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÓ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường An Phú, quận 2, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 12 năm 1952

Số bằng: PC 822 bp Quyết định số: 1002 /TTGa ngày 9 tháng 12 năm 1977

1635 Liệt sĩ: **TRẦN NGUYỄN LONG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Trạch, huyện Nhom Trạch, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1971

Số bằng: 2I 355 bm Quyết định số: 1176 /TTGa ngày 10 tháng 12 năm 1977

1636 Liệt sĩ: **VÕ HỮU CHIÊM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1953

Số bằng: 1RC 360bp Quyết định số: 67 /TTGa ngày 1 tháng 12 năm 1979

1637 Liệt sĩ: **LÊ CHÁNH THÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 14, quận 10, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 11 năm 1978
Số bằng: 9I 469 bt Quyết định số: 78 /TTGa ngày 30 tháng 1 năm 1980

1638 Liệt sĩ: **NGUYỄN KỲ SON**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 22, quận 3, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 10 năm 1988
Số bằng: CH 324 bt Quyết định số: 204 CT/KT ngày 27 tháng 10 năm 1989

1639 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẮC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 10, Quận 4, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 8X 483 bt Quyết định số: 726 /TTGa ngày 17 tháng 10 năm 1979

1640 Liệt sĩ: **PHẠM ĐOÀN HÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 13, Quận 4, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 10 năm 1986
Số bằng: CN 969 bt Quyết định số: 59 /CTKT ngày 12 tháng 3 năm 1991

1641 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG DOA**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 2 năm 1971
Số bằng: CD 752 bm Quyết định số: 213 /TTGa ngày 1 tháng 6 năm 1972

1642 Liệt sĩ: **ĐẶNG THÀNH TRONG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 24, Quận 5, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 3 năm 1980
Số bằng: 1AA 375 bt Quyết định số: 04 /TTGa ngày 9 tháng 1 năm 1981

1643 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CỌP**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 8, quận 6, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 4S 854 bm Quyết định số: 278 /TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978

1644 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 8, quận 6, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 8 năm 1984
Số bằng: AS 273 bt Quyết định số: 287 CT/KT ngày 24 tháng 7 năm 1982

1645 Liệt sĩ: **VÕ VĂN VĂN BÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 18, quận 6, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8A 735 bt Quyết định số: 297 /TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1979

1646 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NHO**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: quận Thủ Đức, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 12 năm 1949
Số bằng: YC 321 bp Quyết định số: 1760 /TTGa ngày 23 tháng 12 năm 1977

- 1647 **Liệt sĩ: LÊ VĂN TIẾN**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1966
 Số bằng: 6H 674 bm Quyết định số: 858 /TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 1648 **Liệt sĩ: TÔ VĂN NGHÈ**
 Đảng viên Đảng Công sản Đông Dương, Nguyên quán: phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc tháng 11 năm 1940
 Số bằng: UC 090 cp Quyết định số: 300 /TTga ngày 25 tháng 4 năm 1979
- 1649 **Liệt sĩ: TRẦN KIM THẢO**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 10, Quận 6, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 1 năm 1986
 Số bằng: BO 287 bt Quyết định số: 308 /CTKT ngày 16 tháng 12 năm 1987
- 1650 **Liệt sĩ: VÕ VĂN LÌ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 8, Quận 6, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 12 năm 1947
 Số bằng: 1BC 551 bp Quyết định số: 314 /TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978
- 1651 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN SỰ**
 Bí thư Chi đoàn, Nguyên quán: xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1963
 Số bằng: 1Q 647 cm Quyết định số: 1743 /TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977
- 1652 **Liệt sĩ: TRẦN VĂN LẠC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1965
 Số bằng: 2O 219 bm Quyết định số: 1239//TTga ngày 17 tháng 10 năm 1977
- 1653 **Liệt sĩ: MAI VĂN THÊM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1969
 Số bằng: Đa 173 bm Quyết định số: 459//TTga ngày 9 tháng 7 năm 1996
- 1654 **Liệt sĩ: MAI VĂN HĂNG**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1967
 Số bằng: Đa 174 bm Quyết định số: 459//TTga ngày 9 tháng 7 năm 1996
- 1655 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CHÓT**
 Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Phước Lai, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1964
 Số bằng: 3N 319 km Quyết định số: 50//TTga ngày 11 tháng 1 năm 1979
- 1656 **Liệt sĩ: MAI VĂN HUNG**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1967
 Số bằng: 8R 806 bm Quyết định số: 596//TTga ngày 20 tháng 8 năm 1979

- 1657 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC NỞ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 4, Quận 8, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 10 năm 1984
Số bằng: CH 336 bt Quyết định số: 204 /CTKT ngày 27 tháng 10 năm 1989
- 1658 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 6, Quận 8, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1964
Số bằng: E 670 bm Quyết định số: 057 /CTKT ngày 23 tháng 2 năm 1983
- 1659 Liệt sĩ: **TẶNG VĂN NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường 14, Quận 8, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 5 năm 1983
Số bằng: AB 793 bt Quyết định số: 163 /CTKT ngày 23 tháng 5 năm 1984
- 1660 Liệt sĩ: **TRÀ VĂN HANH**
Phó Chủ tịch xã, Nguyên quán: xã Phước Tuy, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 1 năm 1952
Số bằng: EC 536 cp Quyết định số: 1009 /TTGa ngày 14 tháng 9 năm 1977
- 1661 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CHÍNH**
Cán bộ cơ sở, Nguyên quán: xã Hậu Thạnh, huyện Mộc Hóa, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1973
Số bằng: 2H 342 cm Quyết định số: 28 /TTGa ngày 1 tháng 9 năm 1978
- 1662 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Phụng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1966
Số bằng: 7V 534 bm Quyết định số: 189 /TTGa ngày 3 tháng 9 năm 1979
- 1663 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Long Trường, Quận 9, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1960
Số bằng: 3H 958 bm Quyết định số: 1285 /TTGa ngày 15 tháng 11 năm 1978
- 1664 Liệt sĩ: **MAI VĂN BÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Phước Long B, Quận 9, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970
Số bằng: 3R 901 bm Quyết định số: 1619 /TTGa ngày 28 tháng 1 năm 1977
- 1665 Liệt sĩ: **NGUYỄN CẢNH TRỌNG**
Hiệu trưởng trường sư phạm Cấp I, Nguyên quán: xã Lạc Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 10 năm 1978
Số bằng: 4L 761 ct Quyết định số: 650 /TTGa ngày 8 tháng 10 năm 1980
- 1666 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÔ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tăng Nhơn Phú, Quận 9, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 6 năm 1953
Số bằng: 1AC 303bp Quyết định số: 277 /TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1978

- 1667 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÀI**
Trưởng Công an xã, Nguyên quán: phường Phước Long B, Quận 9, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 4 năm 1952
Số bằng: KC 609 cp Quyết định số: 1620 /TTga ngày 28 tháng 11 năm 1977
- 1668 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NAM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1972
Số bằng: KV 946 bm Quyết định số: 51 /TTga ngày 2 tháng 12 năm 1974
- 1669 Liệt sĩ: **NGUYỄN BIỂU**
Tuyên Văn giáo thôn, Nguyên quán: xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: 3D 700 cm Quyết định số: 885 /TTga ngày 8 tháng 11 năm 1978
- 1670 Liệt sĩ: **PHẠM NGHỊ**
Trưởng ban Tuyên huấn tỉnh Phú Yên, Nguyên quán: xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1954
Số bằng: ZC 700 cm Quyết định số: 561 /TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980
- 1671 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG MẠO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Điện Phước, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 12 năm 1953
Số bằng: MC 017 kp Quyết định số: 446 /TTga ngày 8 tháng 5 năm 1978
- 1672 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SÀNH**
Cán bộ Công an, Nguyên quán: phường 15, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1955
Số bằng: 3S 106 cm Quyết định số: 95 /TTga ngày 2 tháng 2 năm 1979
- 1673 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN QUANG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1967
Số bằng: 1I 437 bm Quyết định số: 1065 /TTga ngày 28 tháng 9 năm 1977
- 1674 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỆP**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1967
Số bằng: 2M 548 bm Quyết định số: 1291 /TTga ngày 21 tháng 10 năm 1977
- 1675 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÒA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 1V 521 bm Quyết định số: 988 /TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 1676 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÊ**
Phó Chủ tịch huyện, Nguyên quán: xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1973

Số bằng: NM 854 cm Quyết định số: 368 /TTGa ngày 6 tháng 8 năm 1976

1677 Liệt sĩ: **VÕ VĂN KHÁ**

Trung đội phó đặc công, Nguyên quán: phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1966
Số bằng: 6L 213 bm Quyết định số: 1043 /TTGa ngày 13 tháng 9 năm 1978

1678 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LÈO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tam Bình, quận Thủ Đức, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
Số bằng: E 727 bm Quyết định số: 057 CT/KT ngày 23 tháng 2 năm 1983

1679 Liệt sĩ: **HUỖNH HỮU TIẾN**

Trung sĩ - Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 1 năm 1986
Số bằng: BO 271 bt Quyết định số: 308 CT/KT ngày 16 tháng 12 năm 1987

1680 Liệt sĩ: **HUỖNH THỊ BƯU**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường An Phú, Quận 2, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 3R 838 bm Quyết định số: 1619 /TTGa ngày 28 tháng 11 năm 1977

1681 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MẾN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tam Bình, quận Thủ Đức, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1968
Số bằng: 7B 242 bm Quyết định số: 1298 /TTGa ngày 17 tháng 11 năm 1978

1682 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÓN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tam Bình, quận Thủ Đức, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 7Y 629 bm Quyết định số: 240 /TTGa ngày 4 tháng 6 năm 1979

1683 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CU**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tam Bình, quận Thủ Đức, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 3O 530 bm Quyết định số: 1771 /TTGa ngày 26 tháng 12 năm 1977

1684 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN RÔ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Tam Bình, quận Thủ Đức, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
Số bằng: 7P 683 bm Quyết định số: 116 /TTGa ngày 2 tháng 9 năm 1979

1685 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TAO**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1971
Số bằng: 6L 099 bm Quyết định số: 934 /TTGa ngày 23 tháng 8 năm 1978

1686 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NĂM**

Công an viên xã, Nguyên quán: phường Tam Bình, quận Thủ Đức, tp Hồ Chí Minh, đã hy sinh
trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 10 năm 1948
Số bằng: LC 795 cp Quyết định số: 218 /TTga ngày 10 tháng 3 năm 1978
